



THUYẾT MINH

ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH XÂY DỰNG VÙNG HUYỆN GIA LỘC TỈNH HẢI DƯƠNG ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050 (Điều chỉnh lần 2)

(Địa điểm: huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương)



Hải Dương, ngày tháng năm 2024

THUYẾT MINH
ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH XÂY DỰNG VÙNG HUYỆN GIA LỘC
TỈNH HẢI DƯƠNG ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Điều chỉnh lần 2)

Những người thực hiện:

Chủ nhiệm đồ án + Chủ trì : KTS. Nguyễn Hữu Toại
Thiết kế QH : KTS. Nguyễn Quang Vinh
: KTS. Ngô Thanh Tuyền
: ThS. KTS. Cao Thị Hoài Nhân
Thiết kế kỹ thuật HT : KS. Nguyễn Thị Thái Hải
: ThS. KS. Phạm Đức Nhường
: ThS. KS. Nguyễn Vũ Hoàng
Quản lý kỹ thuật : ThS. KS. Nguyễn Văn Hòa

CƠ QUAN TỔ CHỨC LẬP QUY HOẠCH

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN GIA LỘC



CHỦ TỊCH
VŨ VĂN CẤP

CƠ QUAN TƯ VẤN LẬP QUY HOẠCH

TRUNG TÂM QUY HOẠCH
ĐÔ THỊ VÀ NÔNG THÔN



KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
TRẦN VĂN QUÝ

MỤC LỤC

PHẦN I MỞ ĐẦU	1
1.1. Lý do và sự cần thiết lập điều chỉnh quy hoạch	1
1.2. Căn cứ lập quy hoạch	2
1.2.1 Các văn bản quy phạm pháp luật	2
1.2.2 Các hồ sơ, văn bản có liên quan	3
1.2.3 Các quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng	6
1.2.4 Các dự án quy hoạch liên quan	6
1.3. Vị trí, quy mô, phạm vi lập quy hoạch	7
1.3.1 Vị trí và phạm vi lập quy hoạch.....	7
1.3.2 Quy mô lập quy hoạch	7
1.4. Quan điểm và mục tiêu quy hoạch	7
1.4.1 Quan điểm quy hoạch xây dựng	7
1.4.2 Mục tiêu quy hoạch.....	8
PHẦN II PHÂN TÍCH VÀ ĐÁNH GIÁ TỔNG HỢP HIỆN TRẠNG.....	9
2.1. Điều kiện tự nhiên	9
2.2.1 Đặc điểm khí hậu	9
2.2.2 Đặc điểm thủy văn	9
2.2.3 Tài nguyên thiên nhiên	10
2.2. Hiện trạng kinh tế - xã hội	11
2.2.1 Hiện trạng kinh tế	11
2.2.2 Lĩnh vực nông nghiệp	11
2.2.3 Công nghiệp – làng nghề.....	13
2.2.4 Thương mại, dịch vụ	14
2.3. Hiện trạng phân bố đô thị và nông thôn, dân số và lao động	15
2.3.1 Thực trạng phát triển đô thị	15
2.3.2 Thực trạng phát triển nông thôn	16
2.3.3 Thực trạng dân số và lao động.....	17
2.4. Hiện trạng sử dụng đất và quản lý đất đai	18
2.5. Hiện trạng cơ sở hạ tầng xã hội	19
2.5.1 Trụ sở, cơ quan sự nghiệp	19
2.5.2 Giáo dục – đào tạo	19
2.5.3 Y tế	20
2.5.4 Văn hóa- Thông tin- Thể dục thể thao- Du lịch	21
2.5.5 Nhà ở.....	25
2.5.6 Không gian công cộng, công viên cây xanh	26
2.6. Hiện trạng hạ tầng kỹ thuật.....	26
2.6.1 Hiện trạng hệ thống giao thông.....	26
2.6.2 Hiện trạng hệ thống cấp điện	28



2.6.3	Hiện trạng hệ thống thông tin liên lạc	29
2.6.4	Hiện trạng hệ thống cấp nước	29
2.6.5	Hiện trạng hệ thống công trình thủy lợi	30
2.6.6	Hiện trạng hệ thống thoát nước và vệ sinh môi trường	31
2.7.	Đánh giá tổng hợp hiện trạng	33
2.8.	Các phương hướng phát triển và phương án quy hoạch tại các quy hoạch liên quan, có tác động đến vùng lập quy hoạch	33
2.8.1	Các đồ án, dự án lớn đã được phê duyệt trong những năm gần đây	33
2.8.2	Đánh giá việc thực hiện quy hoạch	34
2.8.3	Danh mục những dự án chính tại huyện đã và đang có kế hoạch triển khai thực hiện	35
2.8.4	Những vấn đề tồn tại cần giải quyết trong quy hoạch huyện	36
2.8.5	Cơ hội	36
2.8.6	Thách thức	37
PHẦN III ĐỘNG LỰC, TIỀM NĂNG VÀ DỰ BÁO PHÁT TRIỂN VÙNG		38
3.1.	Động lực và tiềm năng phát triển	38
3.1.1	Yếu tố tự nhiên, nhân lực	38
3.1.2	Liên hệ vùng	38
3.1.3	Các lĩnh vực phát triển kinh tế xã hội	39
3.2.	Tính chất, chức năng quy hoạch vùng huyện	40
3.3.	Các dự báo phát triển vùng	41
3.3.1	Dự báo quy mô dân số	41
3.3.2	Dự báo lao động	42
3.3.3	Dự báo về đất đai	43
3.4.	Chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật dự kiến áp dụng	43
PHẦN IV TỔ CHỨC PHÂN VÙNG VÀ YÊU CẦU QUẢN LÝ, PHÁT TRIỂN THEO CÁC PHÂN VÙNG		49
4.1.	Xây dựng mô hình không gian vùng	49
4.2.	Phân vùng chức năng và quản lý phát triển vùng	51
4.2.1	Phân vùng chức năng	52
4.2.2	Quản lý phát triển vùng	52
PHẦN V ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KHÔNG GIAN VÙNG		53
5.1	Quan điểm phát triển không gian vùng	53
5.2	Định hướng phát triển hệ thống đô thị và nông thôn	53
5.2.1	Dự kiến sắp xếp đơn vị hành chính	53
5.2.2	Định hướng phát triển hệ thống đô thị	54
5.2.3	Định hướng phát triển không gian vùng nông thôn	54
5.3	Định hướng phát triển mạng lưới dân cư	55
5.3.1	Định hướng phát triển dân cư đô thị	55



5.3.2	Định hướng phát triển dân cư nông thôn	55
5.3.3	Dự báo nhu cầu sử dụng đất	56
5.4	Khu vực an ninh quốc phòng.....	57
5.5	Tổ chức phân bố hệ thống trung tâm.....	58
5.5.1	Khu vực phát triển trung tâm hành chính	58
5.5.2	Khu vực phát triển Trung tâm Văn hóa- Y tế- Thể dục thể thao	59
5.5.3	Khu vực phát triển trung tâm thương mại- dịch vụ- Logistics	62
5.6	Khu vực phát triển sản xuất công nghiệp	64
5.6.1	Mục tiêu, phương hướng	65
5.6.2	Phương án quy hoạch phát triển khu, cụm công nghiệp.....	66
5.6.3	Định hướng phát triển làng nghề, cơ sở sản xuất kinh doanh phi NN...	66
5.7	Khu vực phát triển nông nghiệp	67
5.7.1	Mục tiêu, phương hướng	67
5.7.2	Định hướng phát triển các lĩnh vực.....	68
5.7.3	Quy hoạch các vùng sản xuất.....	70
5.8	Khu vực phát triển du lịch	72
5.9	Các quy hoạch thực hiện theo các giai đoạn phát triển	75
5.10	Dự báo nhu cầu sử dụng đất	76

PHẦN VI ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT..... 78

6.1	Quy hoạch hệ thống giao thông.....	78
6.1.1	Nội dung điều chỉnh, bổ sung so với quy hoạch đã duyệt	78
6.1.2	Nội dung giữ nguyên theo quy hoạch đã duyệt	78
6.2	Chuẩn bị kỹ thuật.....	85
6.3	Quy hoạch hệ thống thoát nước mặt.....	86
6.4	Quy hoạch hệ thống cấp nước	88
6.4.1	Nguyên tắc chung	88
6.4.2	Định hướng cấp nước sinh hoạt	88
6.4.3	Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp	90
6.4.4	Cấp nước phòng cháy chữa cháy (bổ sung mới).....	90
6.4.5	Bảo vệ nguồn nước và sử dụng hợp lý nguồn nước	91
6.5	Quy hoạch cấp năng lượng	91
6.5.1	Các căn cứ quy hoạch	91
6.5.2	Nguồn điện.....	92
6.5.3	Tính toán nhu cầu dùng điện	92
6.5.4	Quy hoạch mạng lưới điện	92
6.5.5	Khai thác các nguồn năng lượng khác	95
6.6	Quy hoạch hệ thống thông tin liên lạc.....	96
6.6.1	Mục tiêu phát triển	96
6.6.2	Quan điểm phát triển	96



6.6.3	Giải pháp quy hoạch hạ tầng kỹ thuật thông tin liên lạc	96
6.7	Quy hoạch thoát nước thải, quản lý CTR và nghĩa trang	97
6.8	Quy hoạch hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm	100
PHẦN VII XÁC ĐỊNH DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN QUY HOẠCH		103
7.1	Mục tiêu và phương hướng đầu tư	103
7.2	Kế hoạch thực hiện	104
7.3	Giải pháp huy động vốn đầu tư	107
PHẦN VIII ĐỀ XUẤT CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN QUY HOẠCH		110
8.1	Các giải pháp thực hiện quy hoạch	110
8.2	Phân công nhiệm vụ các cơ quan của huyện trong quá trình thực hiện quy hoạch	110
PHẦN IX ĐÁNH GIÁ MÔI TRƯỜNG CHIẾN LƯỢC		111
9.1	Mục tiêu môi trường phạm vi nghiên cứu quy hoạch	111
9.2	Các chỉ tiêu cụ thể	111
9.3	Các vấn đề môi trường chính cần xem xét khi lập quy hoạch	111
9.4	Các vấn đề môi trường chính liên quan đến quy hoạch	112
9.5	Các mục tiêu môi trường của đồ án	112
9.6	Đánh giá các tác động đến môi trường	113
9.7	Các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu cải thiện các vấn đề môi trường trong đồ án quy hoạch	116
PHẦN X KẾT LUẬN		123
10.1	Kết luận	123
10.2	Kiến nghị	123

PHẦN PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1: CÁC CĂN CỨ PHÁP LÝ

PHỤ LỤC 2: CÁC BẢN VẼ MINH HỌA



PHẦN I MỞ ĐẦU

1.1. Lý do và sự cần thiết lập điều chỉnh quy hoạch

- Quy hoạch xây dựng vùng huyện Gia Lộc, tỉnh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 729/QĐ-UBND ngày 20/3/2020 và phê duyệt Điều chỉnh tại Quyết định số 314/QĐ-UBND ngày 25/01/2022 làm cơ sở thực hiện quản lý quy hoạch, phát triển đô thị, quản lý đầu tư xây dựng trên địa bàn huyện Gia Lộc để thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội.

- Ngày 09/3/2022, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 326/QĐ-TTg phân bổ chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030; ngày 12/3/2024 Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 227/QĐ-TTg về điều chỉnh một số chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2025 được thủ tướng chính phủ phân bổ tại quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022. Theo đó, Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương ban hành Quyết định số 1427/QĐ-UBND ngày 13/6/2024 phê duyệt điều chỉnh chỉ tiêu phân bổ một số loại đất cấp tỉnh để điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện đến năm 2030 và phân kỳ thực hiện giai đoạn 2021-2025 tại Quyết định 109/QĐ-UBND ngày 17/01/2023. Qua rà soát quy hoạch sử dụng đất và các chỉ tiêu phân bổ một số loại đất trên địa bàn huyện Gia Lộc có sự điều chỉnh so với quy hoạch xây dựng vùng huyện được phê duyệt.

- Đồng thời, Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua Nghị quyết 1250/NQ-UBTVQH15 ngày 24/10/2024 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Hải Dương giai đoạn 2023-2025 và Quyết định số 95/QĐ-TTg ngày 16/11/2023 về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất an ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Việc phân bổ chỉ tiêu các loại đất của tỉnh, của huyện, quy hoạch sử dụng đất an ninh được phê duyệt và chỉ đạo rà soát, hoàn thiện các quy hoạch để thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã của Thủ tướng tại các quyết định nêu trên làm ảnh hưởng tới Quy hoạch xây dựng vùng huyện Gia Lộc đã được phê duyệt.

- Mặt khác, Quy hoạch tỉnh Hải Dương thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1639/QĐ-TTg ngày 19/12/2023, theo đó có sự điều chỉnh một số định hướng phát triển của huyện Gia Lộc, ảnh hưởng đến Quy hoạch vùng huyện đã được phê duyệt. Tại quyết định nêu trên, Thủ tướng Chính phủ có yêu cầu Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương tổ chức rà soát lập, điều chỉnh quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn, đảm tính thống nhất, đồng bộ với Quy hoạch tỉnh.

- Với những lý do trên, cần thiết rà soát, lập điều chỉnh Quy hoạch xây dựng vùng huyện Gia Lộc đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (điều chỉnh lần 2) để cụ thể hóa, đồng bộ, thống nhất với Quy hoạch, quy hoạch sử dụng đất an ninh được duyệt; phù hợp với chỉ tiêu đất của thành phố được phân bổ và bổ sung phương án sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn huyện Gia Lộc theo chỉ



đạo của Thủ tướng Chính phủ; đảm bảo việc thực hiện quy hoạch, các dự án đầu tư trên địa bàn thành phố phù hợp theo quy định pháp luật.

1.2. Căn cứ lập quy hoạch

1.2.1 Các văn bản quy phạm pháp luật

- Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về “Phân loại đô thị”; Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Phân loại đô thị;

- Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về “Tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính”; Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính;

- Nghị quyết 1250/NQ-UBTVQH15 ngày 24/10/2024 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Hải Dương giai đoạn 2023-2025;

- Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017; Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009; Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018;

- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; Luật Nhà ở năm 2023; Luật Giao thông đường bộ năm 2008; Luật Đường sắt năm 2017; Luật Viễn thông số 41/2009/QH12 ngày 23/11/2009; Luật Di sản văn hoá số 28/2001/QH10 và Luật Di sản văn hoá sửa đổi số 32/2009/QH12 ngày 18/06/2014; Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017; Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017; Luật Điện lực số 28/2004/QH11 và Luật sửa đổi bổ sung Luật Điện lực số 24/2012/QH13; Luật Đề điều 2006; Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020; Luật Phòng cháy chữa cháy số 27/2001/QH10; Luật số 40/2013/QH13 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy chữa cháy;

- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 37/2010/NĐ-CP của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

- Nghị quyết 61/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030;

- Nghị quyết 64/NQ-CP ngày 06/5/2022 của Chính phủ về thực hiện chính sách, pháp luật về công tác quy hoạch kể từ khi Luật Quy hoạch có hiệu lực thi



hành và một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng và đẩy nhanh tiến độ lập quy hoạch thời kỳ 2021 – 2030;

- Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03/9/2013 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP; Nghị định số 117/2021/NĐ-CP ngày 22/12/2021 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

- Nghị định số 113/2007/NĐ-CP ngày 28/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đô thị;

- Nghị định số 106/2005/NĐ-CP ngày 17/8/2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Điện lực về bảo vệ hành lang an toàn công trình lưới điện cao áp;

- Nghị định 25/2011/NĐ-CP ngày 06/04/2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Viễn thông đối với các hoạt động viễn thông;

- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

- Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

- Thông tư 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn.

1.2.2 Các hồ sơ, văn bản có liên quan

- Kết luận số 48-KL/TW, ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030;

- Kết luận số 49-KL/TW ngày 28/02/2023 của Bộ Chính Trị về định hướng phát triển giao thông đường sắt Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045;

- Quyết định số 1769/QĐ-TTg ngày 19/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch mạng lưới đường sắt thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 396/QĐ-TTg về phê duyệt kế hoạch, chính sách, giải pháp và nguồn lực thực hiện Quy hoạch mạng lưới Đường sắt;

- Công điện số 557/CĐ-TTg, ngày 18/6/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc rà soát, hoàn thiện các quy định về thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030;

- Công điện số 616/CĐ-TTg, ngày 04/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc rà soát, hoàn thiện các quy hoạch để thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030;



- Chỉ thị số 30/CT-TTg ngày 27/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ về các nhiệm vụ, giải pháp triển khai lập đồng thời các quy hoạch thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Nghị quyết số 119/NQ-CP ngày 27/9/2021 của Chính phủ về các nhiệm vụ và giải pháp để nâng cao chất lượng và đẩy nhanh tiến độ lập các quy hoạch thời kỳ 2021-2030;
- Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021-2030;
- Quyết định số 891/QĐ-TTg ngày 22/8/2024 của Thủ tướng chính phủ phê duyệt Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Quyết định số 368/QĐ-TTg ngày 04/5/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch vùng đồng bằng sông Hồng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Công văn số 1766/TTg-CN ngày 21/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ sung điều chỉnh quy hoạch phát triển các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Hải Dương;
- Nghị định số 32/2024/NĐ-CP ngày 15/3/2024 của Thủ Tướng Chính phủ về việc quản lý, phát triển cụm công nghiệp;
- Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phân bổ chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất Quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất Quốc gia 5 năm 2021-2025;
- Quyết định số 227/QĐ-TTg ngày 12/3/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh một số chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2025 được Thủ tướng Chính phủ phân bổ tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022;
- Quyết định số 95/QĐ-TTg ngày 16/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất an ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Quyết định số 922/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;
- Quyết định số 847/QĐ-TTg ngày 14/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch phòng, chống thiên tai và thủy lợi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Quyết định số 2164/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở giai đoạn 2013-2020, định hướng đến năm 2030;
- Quyết định số 991/QĐ-TTg ngày 16/9/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch mạng lưới cơ sở văn hóa và thể thao thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Quyết định số 1639/QĐ-TTg ngày 19/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Hải Dương thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Quyết định số 7978/QĐ-BCA-H02 ngày 27/10/2022 về việc Ban hành quy định về định mức sử dụng đất an ninh trong Công an nhân dân;
- Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 27/10/2020 của Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Hải Dương lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2020-2025;
- Quyết định số 15/2022/QĐ-UBND ngày 21/10/2022 của UBND tỉnh Hải Dương ban hành quy định một số nội dung về quản lý quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Hải Dương; Quyết định 28/2023/QĐ-UBND ngày 23/8/2023 của UBND tỉnh Hải Dương Sửa đổi, bổ sung Điều 4 của Quyết định số 15/2022/QĐ-UBND ngày 21/10/2022;
- Quyết định số 2864/QĐ-UBND ngày 30/9/2021 của UBND tỉnh Hải Dương về việc ban hành Đề án Phát triển du lịch chất lượng cao tỉnh Hải Dương giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Quyết định số 1378/QĐ-UBND ngày 07/6/2024 của UBND tỉnh Hải Dương về việc ban hành Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Hải Dương;
- Quyết định số 2582/QĐ-UBND ngày 26/9/2022 của UBND tỉnh Hải Dương về việc Ban hành Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Hải Dương;
- Quyết định số 1427/QĐ-UBND ngày 13/6/2024 của UBND tỉnh Hải Dương về việc Phê duyệt điều chỉnh chỉ tiêu phân bổ một số loại đất cấp tỉnh để điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện đến năm 2030 và phân kỳ thực hiện giai đoạn 2021-2025 tại Quyết định 109/QĐ-UBND ngày 17/01/2023 của UBND tỉnh;
- Quyết định số 1891/QĐ-UBND ngày 29/7/2024 của UBND tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Gia Lộc;
- Quyết định số 3118/QĐ-UBND ngày 22/12/2023 của UBND tỉnh Hải Dương về việc ban hành danh mục dự án thu hút đầu tư, hạn chế thu hút đầu tư và không thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh Hải Dương, giai đoạn 2024 – 2030;
- Văn bản số 3818/UBND-VP ngày 12/10/2023 của UBND tỉnh Hải Dương về việc thỏa thuận hướng tuyến, vị trí các ga trên địa phận tỉnh Hải Dương thuộc Quy hoạch tuyến đường sắt Lào Cai- Hà Nội- Hải Phòng- Quảng Ninh;
- Quyết định số 314/QĐ-UBND ngày 25/01/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch xây dựng vùng huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Thông báo số 1108-TB/TU ngày 19/7/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về rà soát, lập điều chỉnh Quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch chung đô thị trên địa bàn tỉnh; Công văn số 2642/UBND-VP ngày 21/7/2023 của UBND tỉnh về việc thực hiện kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Thông báo số 1108-TB/TU ngày 19/7/2023;

- Thông báo số 1123-TB/TU ngày 28/7/2023 của Tỉnh ủy Hải Dương về kết luận của BTV Tỉnh ủy về phương án sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2023-2025 và giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số 2985/KH-UBND ngày 11/8/2023 của UBND tỉnh về việc thực hiện sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2023-2025;
- Quyết định số 1030/QĐ-UBND ngày 02/5/2024 của UBND tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt Nhiệm vụ Điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (điều chỉnh lần 2);
- Văn bản số 3602/SGTVT-P2 ngày 25/10/2024 của Sở Giao thông vận tải về việc triển khai Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường sắt Lào Cai- Hà Nội- Hải Phòng (đoạn qua địa phận tỉnh Hải Dương);
- Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 21/11/2024 của Hội đồng nhân dân huyện Gia Lộc về việc thông qua đề án Điều chỉnh Quy hoạch xây dựng vùng huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (điều chỉnh lần 2).
- Biên bản số 01/BB-HĐTĐ ngày 05/11/2024 của Hội đồng thẩm định nhiệm vụ và đề án quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị về hồ sơ Điều chỉnh Quy hoạch xây dựng vùng huyện Gia Lộc đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (điều chỉnh lần 2).

1.2.3 Các quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng QCVN 01:2021/BXD (Ban hành kèm Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng);
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật QCVN 07:2023/BXD (Ban hành kèm theo Thông tư số 15/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 của Bộ Xây dựng);
- TCVN 4449-1987 Quy hoạch xây dựng đô thị - Tiêu chuẩn thiết kế;
- Các quy chuẩn, tiêu chuẩn có liên quan đến quy hoạch xây dựng hiện hành...;

1.2.4 Các dự án quy hoạch liên quan

- Điều chỉnh Quy hoạch xây dựng vùng thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050;
- Quy hoạch tỉnh Hải Dương thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Các đề án Quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch chung đô thị các huyện, thành phố có liên quan giáp ranh với huyện Gia Lộc;
- Các quy hoạch chuyên ngành như: Giao thông, Công nghiệp, Thương mại, Văn hóa- thể thao...;
- Quy hoạch chung xây dựng các xã, thị trấn trên địa bàn huyện.

1.3. Vị trí, quy mô, phạm vi lập quy hoạch

1.3.1 Vị trí và phạm vi lập quy hoạch

Huyện Gia Lộc nằm ở khu vực trung tâm tỉnh Hải Dương, ranh giới nghiên cứu quy hoạch được xác định trên toàn bộ địa giới hành chính huyện Gia Lộc. Vị trí ranh giới cụ thể có các phía tiếp giáp như sau:

- + Phía Bắc giáp thành phố Hải Dương, huyện Cẩm Giàng;
- + Phía Nam giáp huyện Thanh Miện, huyện Ninh Giang;
- + Phía Đông giáp huyện Tứ Kỳ;
- + Phía Tây giáp huyện Bình Giang, huyện Thanh Miện.



1.3.2 Quy mô lập quy hoạch

Quy mô lập quy hoạch trên tổng diện tích tự nhiên huyện Gia Lộc là 9.971,10 ha. (Giữ nguyên theo quy hoạch đã phê duyệt)

1.4. Quan điểm và mục tiêu quy hoạch

1.4.1 Quan điểm quy hoạch xây dựng

- Phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước; Quy hoạch tỉnh Hải Dương đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Đặt huyện Gia Lộc trong sự phát triển liên kết vùng; gắn kết chặt chẽ và hài hòa hệ thống đô thị trong huyện Gia Lộc với các vùng lân cận. Trên cơ sở khai thác tối đa các tiềm năng và lợi thế của huyện, thu hút đầu tư, phát huy nội lực phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững, góp phần tạo động lực cho phát triển của cả các vùng lân cận;
- Từng bước xây dựng hệ thống các đô thị và các vùng nông thôn của huyện Gia Lộc mang nét đặc trưng, có bước phát triển bền vững, có cơ sở hạ tầng đồng bộ, khai thác hiệu quả tài nguyên đất đai, địa hình, cảnh quan. Có môi trường sống tiện nghi, đáp ứng định hướng phát triển không gian kinh tế, đáp ứng nhu cầu vật chất và tinh thần ngày càng cao của nhân dân;
- Góp phần phát triển kinh tế - xã hội của huyện Gia Lộc gắn với xây dựng nông thôn nâng cao, bảo vệ môi trường, cân bằng sinh thái, bảo tồn di sản và đảm bảo an ninh, quốc phòng;

- Phát triển huyện Gia Lộc đảm bảo tính kế thừa, phù hợp với giai đoạn phát triển mới trên cơ sở rà soát, đánh giá thực hiện các quy hoạch và dự án đã được phê duyệt;
- Định hướng quy hoạch kết cấu hạ tầng các khu, cụm công nghiệp đã có, phát triển mở rộng các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn huyện đảm bảo bám theo nội dung các Quy hoạch phát triển các cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Hải Dương đã phê duyệt. Đề xuất những giải pháp cho phù hợp với nhu cầu thực tế và tương lai tại vùng huyện;
- Định hướng quy hoạch xây dựng các dự án khu dân cư, khu đô thị mới, các điểm dân cư nông thôn, thu hút đầu tư, tạo động lực phát triển cho huyện trong tương lai;
- Kết hợp hài hòa giữa giá trị truyền thống của các di tích, danh lam thắng cảnh thiên nhiên với khu đô thị hiện đại, tiện ích. Cân bằng quá trình phát triển đô thị với chương trình xây dựng nông thôn nâng cao, trong đó chú trọng phát triển các làng nghề truyền thống và các không gian sinh thái tự nhiên.

1.4.2 Mục tiêu quy hoạch

- Cụ thể hóa nội dung Quy hoạch tỉnh Hải Dương đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Quy hoạch xây dựng và phát triển các khu vực trên địa bàn huyện Gia Lộc phù hợp với quy hoạch sản xuất, phát triển kinh tế - xã hội; đảm bảo an ninh quốc phòng; bảo vệ cảnh quan môi trường, hướng đến mục tiêu phát triển bền vững;
- Đáp ứng những tiêu chí cần thiết để được công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn nâng cao;
- Định hướng phát triển các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, đô thị và khu dân cư nông thôn trên cơ sở phân bố hợp lý mạng lưới khu, cụm công nghiệp - đô thị đồng bộ, hiện đại về hạ tầng xã hội cũng như hạ tầng kỹ thuật, đảm bảo môi trường, giữ vai trò là động lực thúc đẩy quá trình phát triển kinh tế - xã hội của huyện và lân cận;
- Quy hoạch xây dựng vùng huyện Gia Lộc sẽ giúp địa phương tập trung khai thác có hiệu quả tiềm năng thế mạnh của huyện để giải quyết việc làm cho người lao động, tăng thu cho ngân sách, đẩy mạnh tốc độ phát triển kinh tế xã hội của huyện;
- Làm cơ sở để lập quy hoạch chung đô thị, quy hoạch chung xây dựng (xã nông thôn) và quy hoạch phân khu chức năng, lập dự án đầu tư xây dựng hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật huyện, liên huyện.

PHẦN II

PHÂN TÍCH VÀ ĐÁNH GIÁ TỔNG HỢP HIỆN TRẠNG

2.1. Điều kiện tự nhiên

2.2.1 Đặc điểm khí hậu

- Huyện Gia Lộc nằm trong khu vực đồng bằng Bắc Bộ, mang đặc điểm khí hậu nhiệt đới gió mùa với 4 mùa rõ rệt.

+ Mùa Xuân: Từ tháng 2 đến tháng 4, nhiệt độ trung bình từ 15°C - 25°C. Thời gian này lượng mưa ít, độ ẩm cao.

+ Mùa Hè: Từ tháng 5 đến tháng 7; đặc trưng thời tiết nóng ẩm, mưa nhiều, có gió Đông Nam mang hơi ẩm và mưa rào thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp. Tháng nóng nhất vào tháng 6 và 7 nhiệt độ cao nhất có ngày tới 36°C - 38°C, thời tiết nóng bức mưa nhiều, lượng mưa trung bình 1400- 1500 mm.

+ Mùa Thu: Thời tiết hanh khô, từ tháng 8 đến tháng 10, nhiệt độ trung bình từ 25°C - 30°C.

+ Mùa Đông: Từ tháng 11 đến tháng 3 năm sau; nhiệt độ thấp nhất và có rét đậm thường vào tháng 12 (dưới 10°C); lượng mưa ít, chủ yếu là mưa phùn, độ ẩm thấp và khô hanh; có gió mùa Đông Bắc.

- Lượng mưa trung bình là 1500- 1600 ml/năm, nhiệt độ trung bình hàng năm là 23°C, thuận lợi cho canh tác nông nghiệp. Khí hậu mùa đông đặc biệt phù hợp với việc phát triển cây rau màu thực phẩm vụ Đông phục vụ nguyên liệu cho công nghiệp chế biến rau xuất khẩu. Tuy nhiên, lượng mưa phân bố không đều, tập trung lớn vào tháng 7 và 8, gây ngập úng, ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp.

- Độ ẩm không khí: Độ ẩm không khí trung bình năm từ 85%; tháng 8 – tháng 9 độ ẩm đạt khoảng 88- 91%, tháng 2 độ ẩm là 75%.

Như vậy, Gia Lộc có khí hậu đặc trưng là nóng, ẩm, mưa nhiều vào mùa hè; lạnh, khô, hanh vào mùa đông. Khí hậu này thích hợp với nhiều loại cây trồng, tạo điều kiện để sản xuất nông nghiệp phát triển đa dạng và phong phú về sản phẩm, nhất là cây vụ đông.

2.2.2 Đặc điểm thủy văn

- Thủy văn của huyện Gia Lộc chịu ảnh hưởng trực tiếp của thủy lưu hệ thống thủy lợi Bắc Hưng Hải tạo cho huyện một nguồn cung cấp nước cho sản xuất và sinh hoạt của nhân dân, đồng thời bồi đắp phù sa hàng năm.

- Địa bàn huyện Gia Lộc có hệ thống Bắc Hưng Hải chạy qua gồm Sông Sắt (Kim Sơn) giáp ranh với thành phố Hải Dương, huyện Bình Giang có chiều dài khoảng 6km chạy qua các xã Thống Nhất, Yết Kiêu, Lê Lợi và Sông Đò Đáy (sông Đĩnh Đào) giáp ranh với huyện Tứ Kỳ, huyện Ninh Giang có chiều dài khoảng 17km chạy qua các xã Lê Lợi, Đoàn Thượng, Quang Đức, Thống Kênh. Ngoài ra còn có hệ thống kênh mương nội đồng tương đối lớn, phân bố thuận lợi cho việc tưới tiêu; các tuyến kênh mương nội đồng đều bắt nguồn từ các công,

trạm bơm ở các đê và hệ thống trạm bơm cố định trong huyện, dòng chảy các sông này đều do con người chủ động thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp.

- Nhìn chung, hệ thống sông ngòi, kênh mương cùng với số lượng ao hồ đã đem lại cho huyện điều kiện thuận lợi để phát triển nuôi trồng thủy sản và cung cấp nước phục vụ sinh hoạt cho người dân.

2.2.3 Tài nguyên thiên nhiên

- Tài nguyên đất: Đất đai của Gia Lộc chủ yếu được phát triển trên nền phù sa được bồi hàng năm của hệ thống sông Hồng và sông Thái Bình.

- Tài nguyên nước: Nước phục vụ sản xuất và sinh hoạt ở huyện Gia Lộc được lấy từ các hệ thống sông bao quanh, nước ngầm và nước mưa.

+ Nước mặt: Được cung cấp bởi hệ thống sông Bắc Hưng Hải cùng hệ thống các ao hồ, hồ, kênh rạch trên địa bàn huyện.

+ Nước ngầm: Về mùa khô nước ngầm có ở độ sâu 10-15 m, mùa mưa nước ngầm có ở độ sâu chỉ 3-5 m. Hàm lượng sắt và mangan trong nước cao.

+ Nước mưa: Với lượng mưa trung bình hàng năm từ 1.500 mm đến 1.650 mm, là nguồn cung cấp nước cho sinh hoạt của Nhân dân.

- Tài nguyên khoáng sản: Đến nay, huyện Gia Lộc không có mỏ khoáng sản đang khai thác hoặc chưa khai thác.

- Tài nguyên du lịch và nhân văn: Huyện Gia Lộc là mảnh đất địa linh nhân kiệt, giàu truyền thống văn hiến và yêu nước. Nơi đây đã sinh ra nhiều nhà khoa bảng, danh nhân, danh tướng và nhiều đồng chí lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước mà tên tuổi và chiến công của họ đã gắn liền với lịch sử của quê hương, đất nước, đó là: Yết Kiêu, Trương Hanh, Phạm Trán, Nguyễn Thời Trung, Nguyễn Hới, Lê Thanh Nghị... Người dân Gia Lộc đã xây dựng lên một nền văn hoá truyền thống mang đậm bản sắc dân tộc. Hàng năm, có nhiều lễ hội dân gian được tổ chức, thu hút đông đảo người dân tham gia. Có nhiều di tích lịch sử, văn hóa cấp Quốc gia và di tích văn hóa cấp tỉnh. Bên cạnh các giá trị văn hóa vật thể, huyện Gia Lộc còn có nhiều giá trị văn hóa phi vật thể, có tiềm năng du lịch gồm: các lễ hội truyền thống, nghệ thuật trình diễn dân gian trong đó tiêu biểu nhất phải kể đến lễ hội đèn Quát và nghệ thuật múa rối nước Bùi Thượng xã Lê Lợi đã được Bộ Văn Hóa, Thể thao và Du lịch đưa vào danh mục di sản văn hóa phi vật thể cấp quốc gia, nghệ thuật hát Tuồng xã Thống Kênh. Bên cạnh đó huyện Gia Lộc có những làng nghề đặc trưng thủ công truyền thống như giầy da Hoàng Diêu, mộc Đức Đại, thêu ren xã Yết Kiêu...

+ Về cảnh quan khu vực: Huyện Gia Lộc là huyện đồng bằng vì thế địa hình khá bằng phẳng, cảnh quan thiên nhiên hấp dẫn với những cánh đồng lúa tốt tươi, các khu nuôi trồng thủy sản rộng lớn cùng môi trường tự nhiên trong lành. Làng quê trù phú với những nét đặc trưng của làng quê vùng đồng bằng Bắc Bộ.

* *Đánh giá chung: Thời tiết, khí hậu huyện Gia Lộc thuận lợi cho phát triển nông nghiệp với đa dạng hóa các loại cây rau, cây thực phẩm. Khí hậu với số giờ nắng trong năm tương đối thích hợp cho việc canh tác 3-4 vụ trong năm tạo cho*



huyện có lợi thế về phát triển nông nghiệp hình thành các vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung, các vùng chuyên canh. Tuy nhiên, tại một số năm gần đây, do tình hình biến đổi khí hậu ngày càng diễn ra nhanh chóng, lượng mưa lớn và phân bố không đồng đều giữa các tháng trong năm (các tháng 7,8) mưa nhiều, cường độ lớn gây ra hiện tượng ngập úng ở một số xã vùng trũng và ven sông, ảnh hưởng đến năng suất nông nghiệp.

2.2. Hiện trạng kinh tế - xã hội

2.2.1 Hiện trạng kinh tế

- Trong những năm qua, kinh tế huyện tăng trưởng khá và ổn định, đạt và vượt chỉ tiêu của Nghị quyết Hội đồng nhân dân đề ra. Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch tích cực. Tổng giá trị sản xuất ước đạt 12.214.624 triệu đồng (giá cố định), đạt 100,7% kế hoạch năm, tăng 12,2% so với thực hiện năm 2023.

- Theo hướng giảm tỷ trọng nông nghiệp, thủy sản, tăng tỷ trọng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, xây dựng - dịch vụ góp phần làm tăng tổng thu ngân sách nhà nước của huyện qua các năm. Giá trị sản xuất tăng so với cùng kỳ. Trong đó, nông nghiệp, thủy sản tăng 2,2%; công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tăng 16%; xây dựng tăng 15,1%; thương mại- dịch vụ tăng 13,3%. Thu nhập bình quân đầu người đạt 67 triệu đồng/người/năm. Bên cạnh đó, được sự quan tâm đầu tư tập trung cao của các cấp tỉnh, huyện trong những năm hệ thống hạ tầng giao thông đường bộ phát triển kịp thời, nhanh chóng và đồng bộ; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững.

2.2.2 Lĩnh vực nông nghiệp

- Nông nghiệp, thủy sản ước đạt 1.592.164 triệu đồng (giá cố định); đạt 98,6% kế hoạch năm, giảm 1,4 % so với thực hiện năm 2023.

- Hiện trạng sản xuất lúa: Diện tích trồng lúa và rau màu toàn huyện hiện có khoảng 4.700 ha, trong đó có 25 vùng lúa tập trung; năng suất lúa đạt từ 63- 65 tạ/ha, sử dụng đất trong vùng chuyên canh đạt từ 4-5 vụ/năm. Giá trị sản xuất theo giá hiện hành (năm 2023) đạt 781 triệu đồng/1ha đất canh tác.

- Hiện trạng sản xuất cây ăn quả: Về diện tích trồng cây ăn quả toàn huyện đạt trên 450 ha. Về rau màu có 45 vùng trồng rau màu tập trung (trong đó có 8 vùng rau màu được cấp mã vùng trồng nội địa với tổng diện tích trên 53 ha, các địa phương có vùng rau được cấp mã gồm các xã Gia Phúc, Nhật Quang, Quang Đức, Thống Nhất, Toàn Thắng, Phạm Trán, Hồng Hưng và Thống Kênh. Trong đó, vùng rau Nam Cầu- xã Phạm Trán và vùng rau Hậu Bông- xã Quang Đức trồng có diện tích lớn với 10 ha. Các vùng còn lại có diện tích từ 5 ha và có hợp đồng liên kết sản xuất và bao tiêu nông sản với các tư thương. Giá trị sản xuất đôi với những vùng ký hợp đồng liên kết và bao tiêu nông sản với các siêu thị, doanh nghiệp đạt từ 700 - 800 triệu đồng/ha, cao hơn từ 30-40% so với sản xuất không theo quy trình GAP. Người dân các vùng sản xuất VietGAP được tập huấn về kỹ thuật, có sự kiểm tra, giám sát của cơ quan chuyên môn. Các hộ sản xuất trong vùng đều chấp hành nghiêm quy trình kỹ thuật, chất lượng sản phẩm đạt tiêu

chuẩn, đáp ứng được yêu cầu của các đơn vị đặt hàng thu mua và liên kết bao tiêu sản phẩm. Sản phẩm từ các vùng VietGAP đã tìm được chỗ đứng vững chắc khi được các siêu thị như VinMart, BigC... đặt hàng. Có nhiều loại cây rau, quả cho giá trị kinh tế cao như: dưa hấu các loại, dưa chuột, bí xanh, hành, tỏi, ớt, su hào, bắp cải, súp lơ, cải các loại, cà rốt, khoai tây.... Ngoài ra, trên địa bàn huyện còn có 05 vùng còn trồng được đào hoa, cây cảnh với tổng diện tích 135 ha, hàng năm cho thu nhập từ 500 - 800 triệu/ha.

- Giá trị sản xuất ước đạt 798.237 triệu đồng (*giá cố định*); đạt 97,1% kế hoạch năm, giảm 1,9% so với thực hiện năm 2023.

- Chăn nuôi, thủy sản: cùng với nghề trồng trọt, Gia Lộc có thế mạnh về chăn nuôi gia súc, gia cầm giống, ấp nở gia cầm giống tại xã Yết Kiêu, xã Thống nhất; vùng chăn nuôi gà thịt thương phẩm tại xã Gia Tiến, ... Nuôi lợn nái phát triển ở Thống Kênh, Hồng Hưng, nuôi trâu bò phát triển ở các xã trong huyện chủ yếu để làm sức kéo cho làm ruộng. Về thủy sản, tuy trước đây không được Nhân dân chú ý đến, chủ yếu nhờ vào phát triển tự nhiên, nhưng tôm, cá rất nhiều ở các ao, đầm, sông, ngòi. Ngoài ra còn có cáy, cà ra, ruốc... ở những vùng ven sông Đĩnh Đào. Nay nghề nuôi thủy sản đã phát triển ở khắp các địa phương, ngoài nuôi các loại cá, Nhân dân còn nuôi các loại con thủy đặc sản như: ba ba, ếch, lươn, tôm... đem lại hiệu quả kinh tế cao; tổng diện tích nuôi trồng thủy sản đạt khoảng 1.240 ha, trong đó có một số vùng chăn nuôi thủy sản như tại Triều Chệnh - Yết Kiêu 21ha; Thị Đức - Nhật Quang 20ha; Quán Đào - Tân Tiến 22ha; Đuơi - Đoàn Thượng 20ha; Lũy Dương- Gia Tiến 23ha; Bùi Thượng - Lê Lợi 34ha; Côi Hạ, Côi Thượng - Phạm Trấn 20ha; Nam Cầu - Phạm Trấn 21ha; Lai Hà - Hoàng Diệu 34ha; Kênh Triều - Thống Kênh 25ha; Gạch, Huyện Bù - Yết Kiêu 30ha; Hưng Long - Yết Kiêu 35ha; Phương Bằng - Hồng Hưng 35ha....

- Nông nghiệp, thủy sản ước đạt 1.592.164 triệu đồng (*giá cố định*); đạt 98,6% kế hoạch năm, giảm 1,4 % so với thực hiện năm 2023.

- Thực hiện Đề án "Mỗi xã một sản phẩm tỉnh Hải Dương, giai đoạn 2018-2020, định hướng đến năm 2030" trên địa bàn huyện Gia Lộc đã có 23 sản phẩm được cấp giấy chứng nhận sản phẩm OCOP từ 3 sao trở lên, trong đó có 6 sản phẩm đạt 4 sao, 17 sản phẩm đạt 3 sao. Trong 23 sản phẩm OCOP của huyện có 21 sản phẩm thuộc nhóm thực phẩm. Bao gồm: nhóm rau, củ, quả, hạt tươi có 9 sản phẩm (*bắp cải Tân Minh Đức, dưa chuột HD-Green, cải Kale- HD Green, dưa thom vân lưới Tân Minh Đức, cà chua cherry - HD Green, cà chua - HD Green, Dưa leo Tân Minh Đức, cà chua Tân Minh Đức, su hào Toàn Thắng*); nhóm thực phẩm sơ chế, chế biến có 8 sản phẩm (*muối vùng dinh dưỡng HD Green, muối vùng dinh dưỡng thượng hạng HD Green, giò lụa Vân Chánh, tương Đồng Tái, chả cá Roca; nem cá Roca, ruốc Roca, cá rô đồng kho tiêu*); nhóm gia vị có 5 sản phẩm (*sốt Roca nướng thịt, sốt Roca kho cá, sốt Roca kho thịt, muối ớt chua cay*); có 01 sản phẩm thuộc ngành đồ uống (*ruợu gạo Huân Nga- xã Thống Nhất*) và 01 sản phẩm ngành thủ công mỹ nghệ gia dụng (*bộ thìa, đĩa, đũa gỗ Minh Toàn- thôn Cao Dương, xã Gia Tiến*).

- Dịch vụ và kinh tế hợp tác: giá trị dịch vụ nông nghiệp khoảng 52 tỷ đồng. Dịch vụ nông nghiệp trong thời gian qua có sự chuyển biến đáng kể. Hệ thống dịch vụ nông nghiệp: hệ thống thủy nông, giống cây trồng, vật tư nông nghiệp, ... đã bước đầu phát huy hiệu quả đối với sản xuất nông nghiệp.

- Giá trị dịch vụ nông nghiệp ước đạt 74.105 triệu đồng (giá cố định); đạt 100,7% kế hoạch năm, tăng 7,2% so với thực hiện năm 2023.

2.2.3 Công nghiệp – làng nghề

- Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, xây dựng cơ bản ước đạt: 6.423.786 triệu đồng (giá cố định); đạt 100,7% kế hoạch năm, tăng 15,2% so với thực hiện năm 2023, bao gồm:

+ Giá trị sản xuất Công nghiệp, TTCN ước đạt: 2.498.074 triệu đồng (giá cố định), đạt 100,5% kế hoạch năm, tăng 11% so với thực hiện năm 2023.

+ Giá trị sản xuất ngành xây dựng cơ bản ước đạt: 3.925.712 triệu đồng (giá cố định), đạt 100,9% kế hoạch năm, tăng 18% so với thực hiện năm 2023.

- Hiện trạng trên địa bàn huyện đã thành lập một số khu, cụm công nghiệp như sau:

+ Khu công nghiệp Gia Lộc diện tích 197,94ha; Khu công nghiệp Hoàng Diệu (quy mô nghiên cứu quy hoạch khoảng hơn 259ha, trong đó diện tích lập quy hoạch khoảng 245ha) đang tổ chức lập và trình phê duyệt quy hoạch phân khu, tiến tới tổ chức lập hồ sơ dự án đầu tư và trình Thủ tướng Chính phủ quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Hoàng Diệu, tỉnh Hải Dương.

+ Cụm công nghiệp Toàn Thắng diện tích 73,99ha được thành lập tại Quyết định số 3905/QĐ-UBND ngày 24/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thành lập cụm công nghiệp Toàn Thắng, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương và Điều chỉnh tại Quyết định số 2394/QĐ-UBND ngày 27/10/2023 của UBND tỉnh Hải Dương; Cụm công nghiệp Yết Kiêu diện tích 61,77ha được thành lập tại Quyết định số 3886/QĐ-UBND ngày 22/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương về việc thành lập cụm công nghiệp Yết Kiêu, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương và Điều chỉnh tại Quyết định số 124/QĐ-UBND ngày 16/01/2024 của UBND tỉnh Hải Dương.

- Công nghiệp - xây dựng có tốc độ tăng trưởng nhanh trong giai đoạn vừa qua và trở thành ngành chiếm tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu kinh tế của huyện, góp phần làm tăng năng lực sản xuất phát triển kinh tế - xã hội của huyện. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế từng bước thực hiện công nghiệp hóa - hiện đại hóa. Công nghiệp chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu công nghiệp huyện Gia Lộc. Trong nội bộ ngành chế biến, phân ngành chế biến nông sản thực phẩm chiếm tỷ trọng lớn nhất. Một số phân ngành chế biến khác có tỷ trọng đáng kể trong tổng giá trị sản xuất ngành chế biến của huyện là dệt, may mặc, giày da, xây dựng, thêu móc... Hầu hết các cơ sở sản xuất công nghiệp hoạt động hiệu quả, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động.

- Số cơ sở sản xuất và số lao động làm việc trong khu vực công nghiệp liên tục tăng qua các năm. Toàn huyện hiện có gần 2000 hộ kinh doanh cá thể, doanh nghiệp TTCN khoảng 150 doanh nghiệp thu hút khoảng 10 nghìn lao động. Các làng nghề được duy trì và phát triển.

- Ngành sản xuất vật liệu xây dựng có bước phát triển mới trong những năm gần đây, ngoài những sản phẩm truyền thống (như gạch không nung các loại), một số sản phẩm mới bắt đầu được sản xuất với số lượng ngày càng tăng trên địa bàn huyện.

- Về nghề thủ công truyền thống ở Gia Lộc cũng phát triển từ rất sớm, có những nghề nổi tiếng trong cả nước như: nghề làm đồ da sơn nổi tiếng và rất phồn thịnh ở những làng Trúc Lâm, Phong Lâm và Văn Lâm (xã Hoàng Diệu), có từ thế kỷ thứ XVI và đến nay nghề da giày vẫn được duy trì và phát triển; ở xã Hoàng Diệu có hàng trăm người thợ đóng giày da mở xưởng ở khắp mọi nơi, góp phần tạo việc làm, tăng thu nhập cho nhân dân. Ngoài ra còn có nghề rèn ở Nhật Quang, Thống Kênh, đẽo cây ở thị trấn Gia Lộc và gần đây có thêm nghề gốm sứ ở Quang Ánh (Quang Tiên- Nhật Quang)...; mây tre đan ở thị trấn Gia Lộc; thêu ren ở xã Yết Kiêu và xã Thống Kênh; Bún Đông Cạn- xã Gia Tiến; nghề Mộc Đức Đại, Gò Tôn -Yết Kiêu. Một số ngành nghề mới hình thành và phát triển như chế biến nông sản, xiên móc, thêu khung tranh, mộc... Ngành nghề nông thôn đã góp phần đáng kể trong việc nâng cao thu nhập cho người nông dân.

2.2.4 Thương mại, dịch vụ

- Giá trị các ngành Thương mại, dịch vụ ước đạt 4.198.674 triệu đồng (giá cố định), đạt 101,6% kế hoạch năm, tăng 12% so với thực hiện năm 2023.

+ Cơ cấu lao động trong các ngành kinh tế: Nông nghiệp, thủy sản - CN, TTCN, XDCB - Dịch vụ: 23,7% - 48,7% - 27,6%. Tỷ lệ lao động qua đào tạo được cấp chứng chỉ: 35,8%.

+ Giá trị sản phẩm thu hoạch/1ha đất trồng trọt và nuôi trồng thủy sản (giá hiện hành): 249 triệu đồng, đạt 99% kế hoạch năm, giảm 0,4% so với thực hiện năm 2023.

+ Thu nhập bình quân đầu người ước đạt 80 triệu đồng/năm, đạt 103% kế hoạch năm, tăng 10% so với thực hiện năm 2023.

- Hoạt động thương mại có tốc độ phát triển khá và đồng đều ở các xã, thị trấn (tăng hàng năm khoảng 7-10%). Nguồn cung hàng hóa dồi dào, kịp thời đáp ứng nhu cầu cho sản xuất và sinh hoạt của nhân dân. Mạng lưới bán lẻ hàng hóa được đầu tư mở rộng, hạ tầng thương mại được đảm bảo.

- Công tác huy động vốn, đầu tư tín dụng và cung cấp các sản phẩm dịch vụ ngân hàng đạt mức tăng trưởng cao. Các dịch vụ tài chính, ngân hàng khá phát triển. Các ngân hàng Nông nghiệp và PTNT, ngân hàng Chính sách, ngân hàng đầu tư & phát triển, ngân hàng Sacombank, Vietcombank... với nhiều loại hình dịch vụ ngân hàng được mở rộng phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế xã hội huyện. Các doanh nghiệp và cá nhân trên địa bàn huyện đã có xu hướng mở rộng quy mô

đầu tư, sản xuất nên hoạt động tín dụng tăng cả về doanh số vay, thu nợ, dư nợ. Ngoài ra còn có các điểm dịch vụ bưu điện, viễn thông internet phát triển đa dạng nhanh chóng, hiệu quả và chất lượng.

- Về hệ thống chợ: trên địa bàn huyện có các chợ lớn như chợ Cuối ở trung tâm huyện, các chợ Bồng, chợ Ròng, chợ Phe, chợ Đồng Tái, chợ Cốc, chợ Buộm,... được rải đều trên địa bàn huyện, đã thu hút khách hàng trong và ngoài huyện. Các chợ nông thôn trên địa bàn huyện trong những năm qua đã được đầu tư sửa chữa, nâng cấp cơ bản đáp ứng được nhu cầu mua bán, trao đổi của người dân, thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển. Các cơ sở thương mại nông thôn khác như: siêu thị mini, cửa hàng tiện ích, các dịch vụ ăn uống, vui chơi- giải trí..., nằm trên các đường chính của huyện, của xã đã và đang phát triển phù hợp với sự phát triển văn minh thương mại.

- Các ngành dịch vụ vận tải hàng hóa, vận tải khách phát triển nhanh chóng cả về khối lượng hàng hoá, hành khách, số phương tiện vận tải và hình thành liên kết với các địa phương trong khu vực đáp ứng yêu cầu đi lại và lưu thông hàng hóa của người dân. Tuy nhiên, so với lợi thế để phát triển dịch vụ này thì cơ sở hạ tầng vẫn chưa được đầu tư tương xứng, nhất là hệ thống bến bãi ô tô.

- Hoạt động du lịch hiện trạng của Gia Lộc chưa thực sự phát triển, điểm đến của các tuyến du lịch chủ yếu là các di tích lịch sử như: đền Quát (xã Yết Kiêu); đền Đuôi (xã Thống Nhất); đền Đoàn Thượng (xã Đoàn Thượng), Đình An Tân (xã Gia Tân), Đền Cuối và khu lăng mộ Nguyễn Chế Nghĩa (thị trấn Gia Lộc).

- Thu, chi ngân sách:

+ Thu NSNN trên địa bàn ước đạt 922.468,2 triệu đồng, đạt 217,5% so với dự toán năm tỉnh giao, đạt 147,1% so dự toán năm huyện giao và bằng 120,9% so với thực hiện năm 2023 (Ngân sách huyện được hưởng 198.350,4 triệu đồng). Tổng chi cân đối qua ngân sách huyện 717.488,2 triệu đồng.

2.3. Hiện trạng phân bố đô thị và nông thôn, dân số và lao động

2.3.1 Thực trạng phát triển đô thị

- Hệ thống đô thị của huyện hiện tại mới có 01 đô thị là thị trấn Gia Lộc (loại V), là nơi đặt trụ sở Trung tâm hành chính- chính trị cấp huyện và các công trình cấp huyện như Trung tâm VH TT, giáo dục đào tạo, thương mại- dịch vụ... tập trung tại đây.

* *Đặc điểm của thị trấn Gia Lộc:*

- Về quy mô và hình thức phân bố: So với các thị trấn trên địa bàn tỉnh Hải Dương thì thị trấn Gia Lộc có quy mô vừa phải, đô thị phát triển tập trung 2 bên đường QL37 và QL38B đến đường cao tốc Hà Nội- Hải Phòng tạo thành hình “tam giác”; bố cục tổng thể không gian đô thị nhìn chung có sự xấp xếp phát triển theo phố thị, không gian các khu chức năng có sự phân hóa rõ ràng, tính kết nối ra xung quanh tương đối thuận tiện.

- Về tính chất đô thị: Là trung tâm hành chính, kinh tế - xã hội của huyện.



- Hình thái phát triển: tập trung cao cục bộ tại khu vực trung tâm. Một số khu ở đô thị nhỏ mới được hình thành theo mô hình khu đô thị tập trung. Dân số đô thị đa số có thành phần xuất phát khá đa dạng (*từ công nghiệp- tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ, khoa học kỹ thuật, số ít là từ nông nghiệp*). Thị trấn Gia Lộc từ lâu đã hình thành các điểm dân cư tập trung đông đúc, hoạt động kinh tế văn hóa diễn ra nhộn nhịp, là nơi tập trung các công trình xã hội như các cơ quan, doanh nghiệp- công ty, các trường học, chợ, các nhà hàng, khách sạn, làm cho không gian khu vực này luôn sôi động và nhộn nhịp, là cơ sở cho việc phát triển mở rộng không gian đô thị sau này.

2.3.2 Thực trạng phát triển nông thôn

- Khu vực nông thôn chiếm phần lớn diện tích lãnh thổ của huyện, là nơi tập trung đông đảo lao động trong huyện; nhiều công trình hạ tầng nông thôn đã được xây dựng mới, nâng cấp cải tạo đáp ứng nhu cầu sản xuất và đời sống của người dân nông thôn; hình thành nhiều mô hình phát triển sản xuất theo hướng kinh tế hàng hóa có hiệu quả, góp phần tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội của huyện, từng bước nâng cao thu nhập cho người lao động. Đời sống văn hóa tinh thần không ngừng được nâng lên, an ninh trật tự xã hội được giữ vững, nhiều cơ sở văn hóa được nâng cấp và xây mới, các hoạt động văn hoá - thể thao và học tập trong cộng đồng được khôi phục, duy trì và phát triển.

- Về quy hoạch xây dựng nông thôn mới: Thực hiện chương trình Mục tiêu Quốc gia xây dựng Nông thôn mới của huyện Gia Lộc đạt nhiều kết quả tích cực. Trước khi sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã, toàn huyện có 17/17 xã đạt 19/19 tiêu chí NTM; có 13 xã đã được công nhận xã đạt chuẩn NTM nâng cao (*gồm: Nhật Tân, Quang Minh, Thống Kênh, Thống Nhất, Toàn Thắng, Hồng Hưng, Phạm Trấn, Gia Khánh, Gia Tân, Tân Tiến, Hoàng Diệu*), 02 xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu (*gồm: Thống Nhất và Phạm Trấn*).

- Về không gian nông thôn: Nhìn tổng thể trong toàn huyện, dân cư nông thôn phân bố rải rác thành từng cụm theo đơn vị hành chính hoặc theo dạng tuyến có tính chất liên xã theo các trục đường chính, một số khác phân bố rải rác dọc theo kênh mương trong vùng.

- Về phân bố dân cư: hầu hết dân cư nông thôn tập trung tại các khu vực trung tâm của các xã, nơi được đầu tư xây dựng tập trung các cơ sở hạ tầng thuận tiện cho người dân, hầu hết dân cư được hình thành từ lâu đời nên ít có sự biến động về cảnh quan nông thôn, nơi có thay đổi rõ rệt nhất là tại khu vực dọc theo các tuyến đường giao thông chính như Quốc lộ, đường tỉnh, đường huyện nơi tập trung giao thương nên ảnh hưởng đến tăng mật độ phân bố dân cư trong vùng nông thôn.

- Tuy nhiên, có thể thấy khu vực nông thôn vẫn còn nhiều mặt chưa phát triển, cơ hội tìm việc làm tại khu vực nông thôn còn hạn chế. Một số xã mới quan tâm đến xây dựng kết cấu hạ tầng, chưa thực sự quan tâm đến chỉ đạo phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập của hộ nông dân và chất lượng môi trường sống nên tiêu chí về thu nhập, hộ nghèo, môi trường đã đạt nhưng chưa bền vững. Mặt

khác, khối lượng công việc trong xây dựng NTM nâng cao, kiểu mẫu rất lớn, cần nguồn kinh phí đầu tư lớn, giai đoạn hiện nay cơ chế hỗ trợ cho các địa phương còn thấp so với nhu cầu phát triển, mà chủ yếu là nguồn nội lực của xã và huy động sức dân đóng góp, tài trợ của các tổ chức, cá nhân. Tuy nhiên, nguồn nội lực của xã và khả năng đóng góp của dân, tài trợ của các tổ chức, cá nhân còn gặp khó khăn nhất là các xã có xuất phát điểm thấp. Còn nhiều vấn đề phải giải quyết trong thời gian tới.

2.3.3 Thực trạng dân số và lao động

- Dân số hiện trạng của huyện Gia Lộc là 136.272 người (*số liệu Niên giám thống kê tỉnh Hải Dương năm 2022*). Có thể thấy huyện Gia Lộc là huyện đông dân, mật độ dân số đạt khoảng 1.367 người/km². Trong đó, dân số thành thị là 18.595 người (*chiếm 13,6% dân số toàn huyện*), dân số nông thôn là 117.677 người (*chiếm 86,4% dân số toàn huyện*). Tỷ lệ tăng tự nhiên khoảng 1%.

- Tăng cường công tác đào tạo nghề, giáo dục định hướng, nâng cao chất lượng lao động nhất là nhân lực chất lượng cao, trọng tâm là hiện đại hóa giáo dục, nâng cao chất lượng đào tạo. Tỷ lệ lao động qua đào tạo được cấp bằng, chứng chỉ tăng hàng năm. Kết quả: năm 2020 đạt 20,7%; năm 2021 đạt 24,9%; năm 2022 đạt 34,6%; năm 2023 đạt 35,5% vượt mục tiêu đề ra (*KH đến năm 2025 đạt 33%*). Chất lượng và hiệu quả lao động qua đào tạo từng bước được nâng lên, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp và thị trường lao động.

- Tăng cường tuyên truyền, phối hợp giới thiệu lao động đi làm việc tại nước ngoài, nâng cao chất lượng cho lao động đi làm việc ở nước ngoài. Từ năm 2020 đến năm 2023, toàn huyện có 2.307 lao động được xuất khẩu đi làm việc theo hợp đồng tại thị trường các nước Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan...

- Cơ cấu lao động chuyển dịch theo hướng tăng dần tỷ lệ lao động làm việc trong lĩnh vực công nghiệp – TTCN và dịch vụ, giảm dần lao động nông nghiệp, thủy sản. Kết quả: Cơ cấu lao động năm 2020: Nông nghiệp và Thủy sản: 24,8%; Công nghiệp –TTCN -Xây dựng: 48,1%; Dịch vụ: 20,7%. Năm 2023: Nông nghiệp và Thủy sản: 24,0 %; Công nghiệp –TTCN -Xây dựng: 48,6%; Dịch vụ: 27,4%.

- Từ năm 2020 đến năm 2023, thực hiện các chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do dịch bệnh Covid-19 theo quy định. Cụ thể: hỗ trợ theo Nghị quyết 42/NQ-CP cho 12.198 đối tượng với tổng kinh phí là 14.780,8 triệu đồng; hỗ trợ theo Nghị quyết số 68/NQ-CP cho 07 lao động tạm hoãn hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương 32,97 triệu đồng; 914 lao động ngừng việc 1.366 triệu đồng; 24 lao động không có giao kết hợp đồng lao động 36 triệu đồng; hỗ trợ theo Quyết định số 08/2022/QĐ-TTg cho 22 lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp 33 triệu đồng; hỗ trợ 02 lao động quay lại thị trường lao động 04 triệu đồng.

* *Nhìn chung, nguồn nhân lực của huyện dồi dào, lực lượng lao động ở khu vực các ngành công nghiệp, dịch vụ ngày càng tăng cùng với quá trình phát triển đô*

thị, hàng năm tạo được một số lượng lớn lao động có việc làm, tạo điều kiện thuận lợi cho các bước phát triển kinh tế - xã hội của huyện trong giai đoạn tiếp theo.

- Triển khai thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025. Đây mạnh tuyên truyền và thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách giảm nghèo, thực hiện tốt các giải pháp bảo đảm an sinh xã hội đặc thù nhằm hỗ trợ các hộ nghèo, hộ cận nghèo bị ảnh hưởng nặng nề bởi đại dịch Covid-19. Xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện Phong trào thi đua “Vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau” giai đoạn 2021-2025..., tạo điều kiện cho người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo được tiếp cận đầy đủ các dịch vụ xã hội cơ bản, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống, giảm nghèo bền vững. Hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giảm dần hàng năm. Kết quả: qua rà soát cuối năm 2021 có 973 hộ nghèo = 2,11%; năm 2022 còn 678 hộ = 1,48%; năm 2023 còn 540 = 1,17% (giảm 443 hộ, tương ứng giảm 0,94%).

2.4. Hiện trạng sử dụng đất và quản lý đất đai

- Các loại đất phần lớn đất đã được sử dụng ổn định và có hiệu quả. Một số loại đất đã được chuyển đổi mục đích sử dụng đất, về cơ bản đã đáp ứng được nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

Bảng: Tổng hợp hiện trạng sử dụng đất

STT	Loại đất	Diện tích	Tỷ lệ
		(ha)	(%)
	Tổng diện tích	9.971,14	100
I	Đất nông nghiệp	6.391,37	64,10
1	Đất sản xuất nông nghiệp	5.143,66	51,59
1.1	Đất trồng cây hàng năm	4.687,42	47,01
	<i>Đất trồng lúa</i>	<i>4.595,14</i>	<i>46,08</i>
	<i>Đất trồng cây hàng năm khác</i>	<i>92,28</i>	<i>0,93</i>
1.2	Đất trồng cây lâu năm	456,24	4,58
2	Đất nuôi trồng thủy sản	1.239,57	12,43
3	Đất nông nghiệp khác	8,14	0,08
II	Đất phi nông nghiệp	3.426,53	34,36
1	Đất ở	1.068,89	10,72
	<i>Đất ở tại nông thôn</i>	<i>961,44</i>	<i>9,64</i>
	<i>Đất ở tại đô thị</i>	<i>107,45</i>	<i>1,08</i>
2	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	16,44	0,16
3	Đất quốc phòng	0,81	0,01
4	Đất an ninh	1,02	0,01
5	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	107,14	1,07
6	Đất sản xuất, kinh doanh PNN	271,69	2,72
7	Đất có mục đích công cộng	1.584,57	15,89
8	Đất cơ sở tôn giáo	26,32	0,26
9	Đất cơ sở tín ngưỡng	9,76	0,10

STT	Loại đất	Diện tích	Tỷ lệ
		(ha)	(%)
10	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, NHT	111,40	1,12
11	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	369,11	3,70
12	Đất có mặt nước chuyên dùng	10,62	0,11
13	Đất phi nông nghiệp khác	2,01	0,02
III	Đất chưa sử dụng	0,00	0,00

(nguồn: phòng Tài nguyên và Môi trường, huyện Gia Lộc cung cấp năm 2023)

** Đánh giá tình hình biến động đất đai*

- Xu thế biến động chính qua các năm là giảm đất nông nghiệp, chủ yếu là giảm diện tích đất trồng lúa, trồng cây hàng năm khác, tăng diện tích đất phi nông nghiệp (đất ở, đất cơ quan, công trình sự nghiệp, công cộng, đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp, dịch vụ...).

- Xu thế biến động trên địa bàn huyện là phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế xã hội huyện tỉnh, huyện và chương trình xây dựng nông thôn nâng cao của cả nước nói chung và huyện Gia Lộc nói riêng.

2.5. Hiện trạng cơ sở hạ tầng xã hội

2.5.1 Trụ sở, cơ quan sự nghiệp

- Trung tâm hành chính - chính trị huyện: Tập trung tại khu vực thị trấn Gia Lộc, các khối cơ quan, ban ngành đoàn thể của huyện lại bố trí tập trung dọc theo QL38B và QL37. Các công trình hầu hết đã được đầu tư xây dựng khang trang; vị trí và diện tích hiện tại của các công trình tương đối hợp lý, phù hợp với sự phát triển của đô thị. Công trình được đầu tư xây dựng với hình thức kiến trúc và màu sắc tương đối hài hòa, trang nghiêm.

- Trung tâm hành chính- chính trị cấp xã, thị trấn: phân bố tại trung tâm các xã, thị trấn. Các công trình đầu tư xây dựng khang trang theo quy hoạch nông thôn nâng cao, hầu hết xây dựng tương đối đầy đủ, cơ bản đáp ứng yêu cầu và chất lượng hoạt động.

2.5.2 Giáo dục – đào tạo

- Số trường đạt chuẩn Quốc gia (lũy kế) là 67 trường (Mầm non 22 trường, Tiểu học 21 trường, THCS 21 trường, THPT 3 trường).

- Đến nay công tác phổ cập giáo dục trên địa bàn huyện luôn được duy trì và nâng cao chất lượng; được các cấp, các ngành quan tâm chỉ đạo thực hiện và được cấp trên đánh giá cao.

- Hệ thống giáo dục có đầy đủ các cấp học; cơ sở vật chất trang thiết bị đồ dùng dạy và học từng bước được nâng cấp đồng bộ ở tất cả các cấp, bậc học. Quy mô trường học, lớp học ngày càng mở rộng, chất lượng trường đạt chuẩn quốc gia tiếp tục được quan tâm đầu tư và đạt kết quả tốt. Đội ngũ giáo viên được đào tạo nâng cao về trình độ, đáp ứng được yêu cầu dạy và học.

- Hệ thống đào tạo cấp huyện: Hiện tại huyện có Trung tâm Giáo dục nghề

nghiệp- Giáo dục thường xuyên có 01 cơ sở nằm trên địa bàn xã Gia Tân và 01 cơ sở tại thị trấn Gia Lộc; và có 03 trường THPT gồm: THPT Gia Lộc, THPT Gia Lộc 2 và trường THPT Đoàn Thượng.

- Hệ thống giáo dục các xã, thị trấn (gồm 64 trường Mầm non, Tiểu học, THCS công lập và 01 trường mầm non tư thục); trong đó: Có 23 trường Mầm non, 21 trường Tiểu học, 21 trường THCS. Hầu hết các trường đều có khuôn viên đủ diện tích theo quy định trường chuẩn quốc gia; có đầy đủ phòng học, phòng hành chính quản trị, phòng y tế,...; sân chơi, bãi tập, khu nhà vệ sinh đảm bảo môi trường xanh, sạch, đẹp, an toàn.

- Năm 2024 có thêm 01 trường Mầm non, 01 trường THCS được công nhận đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2, nâng tổng số trường được công nhận đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 toàn huyện lên 29 trường (10 trường Mầm non, 9 trường Tiểu học, 8 trường THCS, 2 trường THPT).

Bảng: Tổng hợp cơ sở giáo dục trên địa bàn huyện

STT	Cơ sở giáo dục	Số trường	Số lớp	Số học sinh
1	Trường ĐH, CĐ, TTGDNN-GDTC...	1	31	1.485
2	Trường Trung học phổ thông	3	84	3.151
3	Trường Trung học cơ sở	21	261	10.142
4	Trường Tiểu học	21	379	11.768
5	Trường Mầm non	23	335	7.806
	Tổng	69	1.090	34.322

(Nguồn: Phòng Giáo dục và Đào tạo, huyện Gia Lộc)

- Công tác phổ cập giáo dục được các cấp, các ngành quan tâm chỉ đạo thực hiện và được tỉnh đánh giá cao. Chất lượng giáo dục, nuôi dưỡng ở bậc Mầm non, chất lượng đại trà ở bậc Tiểu học, THCS và THPT cơ bản được giữ vững. Công tác xây dựng và nâng cao chất lượng trường đạt chuẩn quốc gia tiếp tục được quan tâm đầu tư và đạt kết quả tốt, mạng lưới trường lớp được duy trì và củng cố.

2.5.3 Y tế

- Hệ thống trạm y tế các xã và thị trấn hầu hết cơ bản đã được đầu tư xây dựng, nâng cấp cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác y tế; có bác sỹ công tác thường xuyên, duy trì chế độ trực ban; đảm bảo đủ cơ sở thuốc thiết yếu phục vụ công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân.

- Trên địa bàn huyện Gia Lộc có 01 Trung tâm Y tế đa chức năng xếp hạng II theo Quyết định số 309/QĐ-UBND ngày 24/2/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Hải Dương.

- Công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân được quan tâm thực hiện; chủ động triển khai các biện pháp y tế dự phòng, không để dịch bệnh nguy hiểm xảy ra. Hoạt động khám, chữa bệnh cho nhân dân ở hai tuyến huyện, xã có nhiều chuyển biến tích cực theo hướng nâng cao chất lượng. Duy trì tốt kết quả thực hiện các mục tiêu quốc gia về y tế. Tỷ lệ giường bệnh/10.000 dân là 19 giường bệnh/10.000 dân (không tính giường trạm y tế). Tỷ lệ bác sỹ/10.000 dân là 6,4 bác sỹ/10.000 dân. Tỷ số giới tính khi sinh là 110,6 bé trai/100 bé gái. Tỷ lệ bao phủ BHYT so với dân số đạt 94%; tỷ lệ lao động trong độ tuổi tham gia BHXH đạt



51%.

Bảng: Tổng hợp các công trình y tế trên địa bàn

STT	Cơ sở y tế	Số lượng	Số giường	Địa điểm
1	Trung tâm y tế huyện	1		Thị trấn Gia Lộc
2	Trạm y tế các xã, thị trấn			
2.1	Trạm y tế thị trấn Gia Lộc	1	6	Thị trấn Gia Lộc
2.2	Trạm y tế xã Thống Nhất	1	4	Xã Thống Nhất- Gia Lộc
2.3	Trạm y tế xã Gia Tân cũ	1	4	Xã Gia Phúc- Gia Lộc
2.4	Trạm y tế xã Yết Kiêu	1	6	Xã Yết Kiêu- Gia Lộc
2.5	Trạm y tế xã Tân Tiến cũ	1	4	Xã Gia Tiến - Gia Lộc
2.6	Trạm y tế xã Gia Lương cũ	1	3	Xã Gia Tiến - Gia Lộc
2.7	Trạm y tế xã Gia Khánh cũ	1	4	Xã Gia Phúc - Gia Lộc
2.8	Trạm y tế xã Toàn Thắng	1	4	Xã Toàn Thắng - Gia Lộc
2.9	Trạm y tế xã Đoàn Thượng	1	4	Xã Đoàn Thượng - Gia Lộc
2.10	Trạm y tế xã Lê Lợi	1	4	Xã Lê Lợi - Gia Lộc
2.11	Trạm y tế xã Thống Kênh	1	4	Xã Thống Kênh - Gia Lộc
2.12	Trạm y tế xã Phạm Trấn	1	4	Xã Phạm Trấn - Gia Lộc
2.13	Trạm y tế xã Hồng Hưng	1	4	Xã Hồng Hưng - Gia Lộc
2.14	Trạm y tế xã Hoàng Diệu	1	4	Xã Hoàng Diệu - Gia Lộc
2.15	Trạm y tế xã Quang Minh cũ	1	4	Xã Quang Đức - Gia Lộc
2.16	Trạm y tế xã Nhật Tân cũ	1	4	Xã Nhật Quang - Gia Lộc
2.17	Trạm y tế xã Đồng Quang cũ	1	4	Xã Nhật Quang - Gia Lộc
2.18	Trạm y tế xã Đức Xương cũ	1	4	Xã Quang Đức - Gia Lộc
3	Phòng khám tư nhân			
3.1	Phòng khám Y cao thiện đức	1	0	An Tân- Gia Tân- Gia Lộc
3.2	Phòng khám Tuấn hiền	1	0	Thị trấn Gia Lộc
3.3	Phòng khám Đức Thành Long	1	0	Thị trấn Gia Lộc
3.4	Phòng khám Tấn Tài	1	0	Quang Minh

(Nguồn: Phòng Y tế, huyện Gia Lộc)

2.5.4 Văn hóa- Thông tin- Thể dục thể thao- Du lịch

a. Văn hóa, thể dục thể thao

- Trung tâm văn hóa thể thao huyện đáp ứng đầy đủ các điều kiện hoạt động, có đầy đủ các công trình văn hóa- thể thao.

- Công trình thể dục - thể thao của huyện bao gồm: 01 sân vận động có diện tích 1,3ha, 01 bể bơi, 01 nhà tập luyện thể thao trong nhà, 02 sân cầu lông, 02 sân bóng chuyền và 06 bàn bóng bàn. Các công trình này đều được thiết kế, xây dựng đảm bảo tiêu chuẩn, phục vụ tốt các hoạt động thi đấu, luyện tập (kể cả buổi tối) cho vận động viên và Nhân dân trong huyện.

- Số làng, khu dân cư được công nhận làng, khu dân cư văn hóa, cơ quan văn hóa đạt 100%. Các xã thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động và thường xuyên tổ chức các hoạt động văn hóa, hội diễn, hội thi văn nghệ, các giải thi đấu

thể thao, thu hút đông đảo người dân tham gia.

- Các hoạt động được tổ chức đều đảm bảo tốt an ninh trật tự, an toàn, tiết kiệm, đảm bảo môi trường văn hóa lành mạnh gắn với phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa; phong trào thi đua xây dựng làng văn hóa, cơ quan văn hóa tiếp tục được duy trì.

b. Du lịch

- *Lễ hội truyền thống, phong tục tập quán:* Huyện Gia Lộc là nơi có nhiều đình, chùa, đền, miếu, nhà thờ có cảnh quan đẹp, nhiều công trình kiến trúc độc đáo, to đẹp là nơi để nhân dân thờ cúng, đình đám, hội hè. Cho đến nay, Gia Lộc đã có 16 công trình được xếp hạng cấp Quốc gia; 23 công trình cấp Tỉnh; các công trình tiêu biểu phải kể đến như là: Đền Quát (*Yết Kiêu*), khu di tích Nguyễn Chế Nghĩa, đình Phương Điểm (*thị trấn Gia Lộc*), đình An Tân, đình Lãng Xuyên, đình Phúc Tân (*Gia Phúc*), chùa Dâu (Nhật Quang), đình Đồng Tái, đình Đồng Đội (*Thống Kênh*), đình Quán Đào (Gia Tiến), đình Vo, Đền Đuôi (Thống Nhất), đình Trình Xá (Gia Tiến), miếu Thượng Cốc, đình Cao Dương (Gia Phúc), chùa Hậu Bông, đình Hậu Bông (Quang Đức), đình Bùi Hạ (Lê Lợi), miếu Lai Cầu (Hoàng Diệu)... Đây là niềm vinh dự và tự hào của Nhân dân Gia Lộc. Các di tích lịch sử văn hoá của huyện, mặc dù đã trải qua hàng trăm năm, bị thiên tai, bị quân giặc giã tàn phá trong kháng chiến chống Pháp, hoặc do những nhận thức chưa đầy đủ trong việc giữ gìn, tôn tạo đã làm mất đi nhiều di tích quý hiếm, nhưng những dấu ấn tốt đẹp vẫn được đọng lại, lưu truyền trong ký ức của người dân nơi đây.

- Đời sống văn hoá tinh thần của người dân Gia Lộc rất phong phú, đa dạng các lễ hội truyền thống, nghệ thuật trình diễn dân gian như: Bơi chải (*Yết Kiêu*), múa rối nước (*Lê Lợi*), vật, đánh pháo đất (*Quang Đức*), đánh thỏ (*Thị trấn Gia Lộc*), hát tuồng (*Gia Tiến*), hát đúm, hát ả đào, ca trù, hát chèo, các ca khúc cách mạng, nhiều câu lạc bộ thơ của người cao tuổi... Các địa phương hàng năm đều tổ chức lễ hội thu hút đông đảo quần chúng Nhân dân tham gia hưởng ứng nhiệt tình.

Bảng: Danh mục di tích xếp hạng Quốc gia

STT	Tên di tích	Địa điểm	Số QĐ, năm xếp hạng	Ngày tổ chức Lễ hội
1	Đền Quát	Thôn Hạ Bì, xã Yết Kiêu	Số 20/VH/QĐ, ngày 18/01/1988	14,15,16 tháng Giêng âm lịch 14,15,16 tháng Tám âm lịch
2	Miếu Lai Cầu	Thôn Lai Hà, xã Hoàng Diệu	Số 39 ngày 30/12/2002	10,11,12 tháng 11 Âm lịch
3	Miếu Chợ Cốc	Thôn Cao Lý, xã Gia Khánh	Số 154-QĐ ngày 25/01/1990	11 đến chiều 13 tháng 11 Âm lịch
4	Đình Cao Dương	Thôn Cao Dương, xã Gia Khánh	Số 04/2001/QĐ-BVHTT ngày 19/01/2001	12 đến 15 tháng 11 âm lịch
5	Đền Cuối	Khu 5 - Thị trấn Gia Lộc	Số 1570 ngày 05/9/1989	26,27,28/8 âm lịch hàng năm
6	Đình Phương điểm	Khu 3 - thị trấn Gia Lộc	Số 1570 ngày 05/9/1990	26,27,28/8 âm lịch hàng năm



*Thuyết minh Điều chỉnh Quy hoạch xây dựng vùng huyện Gia Lộc,
tỉnh Hải Dương đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (điều chỉnh lần 2)*

7	Đình Quán Đào	Thôn Quán Đào, xã Tân Tiến	Số 2233- QĐ/BT, ngày 26/6/1995	11,12 tháng Giêng âm lịch
8	Đền Đuôi	Thôn Quỳnh huê, Thống Nhất	Số 97 ngày 21/01/1992	từ 22-24/7 âm lịch
9	Đình Vô Lương	Thôn Vô Lương, Thống Nhất	Số 95 ngày 24/01/1998	Từ 11-13 tháng giêng (âm lịch)
10	Đình An Tân	Thôn An Tân - Xã Gia Tân	Số 154/1991/QĐ-BVHTT-DL ngày 25/01/1991	Từ ngày 11,12,13 tháng 11 Âm lịch
11	Đình Lãng Xuyên	Thôn Lãng Xuyên - Xã Gia Tân	Số 154/1991/QĐ-BVHTT-DL ngày 25/01/1991	Ngày 15 tháng Giêng
12	Đình Bùi Xá Hạ	Thôn Bùi Hạ-Lê Lợi	Số 04 ngày 19/01/2011	10/3(AL)
13	Đình Trình Xá	Thôn Xuân Trình - Xã Gia Lương	Số 05 ngày 12/02/1999	7- 8 tháng 11 âm lịch
14	Đình Hậu Bồng	Thôn Hậu Bồng - Xã Quang Minh	Số 4/2001/QĐ-BVHTT ngày 19/01/2001	15 tháng giêng (Âm lịch)
15	Chùa Dâu	Thôn Thị Đức, xã Nhật Tân	Số 97 ngày 21/01/1992	09-11 tháng 08 âm lịch
16	Đình Đồng Tái	Thôn Đồng Tái, xã Thống Kênh	Số 1563 ngày 20/4/1995	10-12 tháng 02 âm lịch

Bảng: Danh mục di tích cấp tỉnh

STT	Tên di tích	Địa điểm (ghi rõ thôn, xã)	Số QĐ, năm xếp hạng	Ngày tổ chức Lễ hội
1	Đình Buộm	Thôn Thượng Bì, xã Yết Kiêu	QĐ 4381, ngày 01/11/2005	11,12 tháng Giêng Âm lịch
2	Đình Lương Xá	Thôn Lương Xá, xã Yết Kiêu	Số 3723/QĐ UBND, ngày 21/10/2009	02/11, 02/12 Âm lịch
3	Đền Phạm Trán	Khu Trung tâm UBND xã Phạm Trán	Số 435/QĐ-UBND; 2018	30/11 đến 2/12 tháng chạp
4	Đình Quang Bị	Thôn Quang Bị, xã Phạm Trán	Số 3400/QĐ-UBND; 2011	8,9 tháng Giêng âm lịch
5	Đình Đại Tĩnh	Thôn Đại Lương, xã Hoàng Diệu	Số 3963/QĐ-UBND ngày 03/11/2008	10,11 tháng 11 Âm lịch
6	Đình Phong Lâm	Thôn Phong Lâm, xã Hoàng Diệu	Số 3722/QĐ-UBND ngày 21/10/2009	10,11 tháng 01 Âm lịch
7	Nhà thờ họ Vũ	Thôn Phong Lâm, xã Hoàng Diệu	Số 3165/QĐ-UBND ngày 22/11/2010	13 tháng 02 Âm lịch
8	Nhà Tưởng niệm Lê Thanh Nghị	Thôn Cao Lý, xã Gia Khánh	206/QĐ-UBND ngày 20/1/2015	
9	Nhà Thờ và Lăng mộ họ Nguyễn Đức	Thôn Bình Đê, xã Gia Khánh	Số 3415/QĐ-UBND ngày 14/12/2011	
10	Miếu - Chùa Đông Cạn	Thôn Đông Cạn, xã Tân Tiến	Số 433/QĐ- UBND, ngày 07/02/2013	23, 24 tháng 7 âm lịch
11	Đình Tam	Thôn Tam Lương, xã	Số 65/QĐ- UBND,	10 tháng 10 âm lịch



	Luong	Tân Tiên	ngày 07/01/2016	
12	Đình -Chùa Trung	Thôn Trung, Thống Nhất	Số 305/QĐ-UBND ngày 19/01/2017	10 tháng giêng âm lịch
13	Đình Bùi Thượng	Thôn Bùi Thượng, xã Lê Lợi	Số 4477/QĐ-UBND ngày 23/12/2019 7/3 âm lịch	
14	Đình Hoàng Xá	Thôn Hoàng Xá, Hồng Hưng	Số 434/QĐ-UBND, ngày 25/01/2014	12-15 tháng giêng âm lịch
15	Đình, Chùa Phương Bằng	Thôn Phương Bằng, Hồng Hưng	Số 55 ngày 07/01/2016	12-14 tháng giêng âm lịch
16	Đình Xuân Dương	Thôn Xuân Trinh, xã Gia Lương	Số 55/ QĐ - UBND, ngày 07/01/2016	8-9 tháng 11 âm lịch
17	Đình Lũy Dương	Thôn Lũy Dương - xã Gia Lương	Số 435/QĐ - UBND, ngày 25/01/2014	9-11 tháng 11 âm lịch
18	Đền Đoàn Thượng	Thôn Đĩnh Đào, xã Đoàn Thượng	Số 114/QĐ - UBND, ngày 12/01/2022	15 -16/3 Âm lịch
19	Miếu Rồng (chùa Rồng)	thôn Cao Duệ, xã Nhật Tân	Số 4759 ngày 28/12/2006	11-13 tháng 3 âm lịch
20	Đình Phúc Mại	Thôn Phúc Tân	Số 629/QĐ-UBND ngày 07/02/2005	Ngày 12,13 tháng 11 Âm lịch
21	Đình Đồng Đội	Thôn Đồng Đội, Thống Kênh	Số 629 ngày 07/02/2005	ngày 10-12 tháng 02 âm lịch
22	Đình Đồng Đức	Thôn Đồng Đức, Thống Kênh	Số 432 ngày 07/02/2013	ngày 10-12 tháng 02 âm lịch
23	Miếu Kênh Triều	Thôn Kênh Triều, Thống Kênh	Số 436 ngày 07/02/2013	ngày 10-12 tháng 02 âm lịch

(nguồn: phòng Văn hóa và Thông tin, huyện Gia Lộc)

- *Cảnh quan thiên nhiên, hệ sinh thái:* Đến nay, trên địa bàn huyện chưa có điểm du lịch sinh thái, chủ yếu là du lịch văn hoá đối với các di tích xếp hạng cấp quốc gia và cấp tỉnh trên địa bàn huyện, do đó rất cần có sự đầu tư khai thác tiềm năng này. Với vị trí thuận lợi gần với thành phố Hải Dương, đây là một lợi thế để huyện phát triển du lịch, hơn nữa nơi đây có phong cảnh thiên nhiên tươi đẹp của vùng quê đồng bằng Bắc bộ với giếng nước, gốc đa, sân đình và xa xa là những cánh đồng lúa thẳng cánh cò bay... rất thích hợp cho du lịch tham quan đồng quê.

- *Ẩm thực:* chủ yếu khai thác từ các sản phẩm nông nghiệp trong vùng. Nhiều món ăn đã trở thành sản phẩm ẩm thực đặc sắc, đặc trưng riêng của vùng và trở nên phổ biến. Sản phẩm của huyện được thực khách yêu mến lựa chọn khi đến với Gia Lộc là món Bánh Dày, đây là món ăn “dân dã” ưa thích và đặc biệt hấp dẫn người dân trong vùng.

* *Nhận xét:* Huyện Gia Lộc có nhiều tiềm năng về du lịch cả về tài nguyên thiên nhiên và nhân văn, tuy nhiên vẫn chưa được kết nối và khai thác hiệu quả, các địa điểm du lịch trên địa bàn huyện hầu hết vẫn chỉ là tiềm năng còn bỏ ngỏ; Loại hình du lịch chưa đa dạng, hầu như mới chỉ có du lịch tìm hiểu về văn hóa lịch sử; chưa liên kết được các tuyến- điểm du lịch trong vùng. Lượng khách chủ yếu là từ khách nội địa và doanh thu từ các dịch vụ lưu trú, ăn uống là chính, cơ

sở hạ tầng còn hạn chế chưa đủ đáp ứng cho việc phát triển du lịch. Do vậy, trong thời gian tới cần nghiên cứu đề xuất giải pháp khắc phục hạn chế, tồn tại để khai thác hiệu quả hoạt động kinh doanh du lịch tại huyện Gia Lộc.

2.5.5 Nhà ở

- Nhà ở được phát triển hầu hết do dân tự cải tạo, xây dựng mới chiếm tỷ lệ lớn, quy mô thấp tầng (từ 2 đến 4 tầng), vật liệu xây dựng bằng bê tông cốt thép, kiến trúc hiện đại, tạo cho cảnh quan không gian đẹp và khang trang hơn. Tại khu vực thị trấn Gia Lộc nhà ở theo dạng chia lô thành phố chợ thương mại, tuy nhiên những loại nhà này hầu hết bít mặt đường, gây cản trở hoạt động và mất an toàn khi tham gia giao thông dọc theo các tuyến phố này; Còn lại nhà ở trong các xã hầu hết là nhà vườn truyền thống đồng bằng Bắc Bộ, có sân vườn, mật độ xây dựng thấp, quy mô từ 1- 3 tầng;

- Công tác quản lý và phát triển nhà trên địa bàn huyện nhìn chung hiện còn gặp một số hạn chế; điển hình như việc quản lý đô thị mới chỉ tập trung quản lý sử dụng đất, quản lý xây dựng theo chỉ giới dọc một số tuyến phố chính, và trong các khu dân cư đô thị mới được xây dựng, còn lại nhà ở đều do dân tự xây dựng mà chưa có định hướng để phát triển một cách hài hòa, thống nhất trong kiến trúc.

Bảng: Tổng hợp nhà ở trên địa bàn huyện tính đến 2023

STT	Các khu dân cư	Số nhà ở (nhà)	Số nhà kiên cố, khá kiên cố, bán kiên cố	Tỷ lệ nhà kiên cố, khá kiên cố, bán kiên cố (%)
1	TT Gia Lộc	6.820	6.820	100
2	Xã Gia Tân	2.046	2.046	100
3	Xã Gia Khánh	1827	1827	100
4	Xã Gia Lương	1942	1942	100
5	Xã Tân Tiến	1325	1325	100
6	Xã Hoàng Diệu	2690	2690	100
7	Xã Hồng Hưng	2181	2181	100
8	Xã Thống Kênh	1980	1980	100
9	Xã Đức Xương	1753	1753	100
10	Xã Quang Minh	2368	2368	100
11	Xã Nhật Tân	1161	1161	100
12	Xã Đồng Quang	2170	2170	100
13	Xã Phạm Trấn	1551	1551	100
14	Xã Lê Lợi	1956	1956	100
15	Xã Yết Kiêu	4120	4120	100
16	Xã Thống Nhất	2655	2655	100
17	Xã Toàn Thắng	2013	2013	100
18	Xã Đoàn Thượng	1767	1767	100
	Toàn huyện	42.325	42.325	100

(nguồn: Phòng Kinh tế và Hạ Tầng, huyện Gia Lộc)

* Nhận xét: Nhìn chung, chất lượng nhà tương đối tốt với phần lớn là nhà kiên cố và diện tích đất ở lớn, tuy nhiên tại một số khu vực nông thôn có chất lượng ở và sinh hoạt chưa cao, hạ tầng kỹ thuật chưa đồng bộ.



2.5.6 Không gian công cộng, công viên cây xanh

Huyện Gia Lộc hiện chưa có công viên tập trung cấp huyện, hệ thống cây xanh mới chỉ có các điểm công viên cây xanh trong các khu dân cư mới, cây xanh dọc đường phố, các tuyến đường giao thông chính. Do vậy, rất cần có sự đầu tư cũng như xây dựng hệ thống cây xanh tập trung này để phục vụ nhu cầu trước mắt của nhân dân địa phương cũng như là một trong những tiêu chí của đô thị loại IV sau này.

2.6. Hiện trạng hạ tầng kỹ thuật

2.6.1 Hiện trạng hệ thống giao thông

a. Giao thông đường bộ

- *Quốc lộ:* Cao tốc Hà Nội - Hải Phòng, quy mô cao tốc loại A; Quốc lộ 37 và Quốc lộ 38B, quy mô đường cấp III.

- *Đường tỉnh:* có 4 tuyến đường tỉnh quản lý qua địa bàn huyện gồm: ĐT.392, ĐT.393, ĐT.395 quy mô đường cấp III; ĐT.399 quy mô đường cấp II.

- *Đường 62m kéo dài:* quy mô là đường cấp II.

- *Đường huyện:* toàn huyện có 11 tuyến đường huyện đang quản lý với tổng chiều dài khoảng 40 km, quy mô đường cơ bản đạt cấp IV (theo TCVN 4054-2005); tỷ lệ mặt đường được nhựa hóa, bê tông hóa đạt 100%. Hệ thống cầu cống trên các tuyến được xây dựng kiên cố cơ bản phù hợp với quy mô của đường; 100% km đường huyện được thực hiện bảo trì hàng năm.

Bảng: Hiện trạng hệ thống giao thông huyện Gia Lộc

STT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)	Lòng đường (m)
I Đường do TW quản lý					
1	Cao tốc HN-HP	Km44+800	Km54+400	9,6	31
2	Quốc lộ 37	Km42+100 (Hồng Hưng)	Km44+700 (TT Gia Lộc)	2,6	5,5
		Km44+700 (TT Gia Lộc)	Km48+00 (Gia Phúc)	3,3	14
3	Quốc lộ 38B	Km0+000 (TT Gia Lộc)	Km12+000 (Quang Đức)	12	11
	Tổng			27,5	
II Đường do Tỉnh quản lý					
1	ĐT 392	Km16+130 (Nhật Quang)	Km22+600 (Quang Đức)	6,47	5,5
2	ĐT 393	Km2+500 (TT Gia Lộc)	Km8+500 (Phạm Trấn)	6,0	5,5
3	ĐT 395	Km1+345 (Gia Tiên)	Km13+850 (Yết Kiêu)	12,505	6
4	Đường gom cao tốc HN-HP	Km44+800 (Yết Kiêu)	Km54+400 (Gia Tiên)	19,2	3,5
	Tổng			44,175	
III Đường do huyện quản lý (có mặt đường > 7,5m)					
1	Tuyến 191C	QL 38B	Cầu Cờ		
	Trong đó:				
		QL 38B (Đoàn Thượng)	QL 37 (Quán Phe)	3,8	7,5
		QL 37 (Quán Phe)	Ngã 4 Thụy Lương (xã	3,5	6,0



*Thuyết minh Điều chỉnh Quy hoạch xây dựng vùng huyện Gia Lộc,
tỉnh Hải Dương đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (điều chỉnh lần 2)*

			Hoàng Diệu)		
		Ngã 4 Thụy Lương	Cầu Cờ	0,7	3,5
2	Tuyến 191D	ĐT. 395 (TT Gia Lộc)	Đ.191C (Hoàng Diệu)		
	Trong đó:				
		Đường tỉnh 395 (Thị trấn)	Lối rẽ cầu Vượt cao tốc	2,8	6,0
		Lối rẽ cầu vượt cao tốc	Đ.191C (Hoàng Diệu)	2,7	3,5
		Gia Phúc	Hoàng Diệu	1,38	9,0
3	Tuyến 39E	ĐT. 395 (Gia Phúc)	Giáp Gia Xuyên	2,1	3,5
4	Tuyến 39H	ĐT. 395 (Gia Phúc)	Cầu Sồi (giáp Tứ Kỳ)	3,8	3,5
5	Tuyến 20C	QL.38B (Nhật Quang)	Đường tỉnh 392 (Nhật Quang)		
	Trong đó:				
		QL.38B	Giáp UBND xã Nhật Quang	0,65	3,5
		UBND xã Nhật Quang	Ngã ba đi Phạm Trấn	0,75	7,0
		Ngã 3 đi Phạm Trấn	Trường MN Nhật Tân	1,55	3,5
		Trường MN Nhật Tân	Đường tỉnh 392 (Nhật Quang)	1,15	7,5
6	Tuyến Gia Xuyên - Trùng Khánh	Công Viện Cây	ĐT.395 (Yết Kiêu)		
	Trong đó:				
		Viện cây lương thực	UBND xã Thống Nhất	4,30	3,5
		UBND xã Thống Nhất	Nhà VH thôn	0,95	7,0
7	Tuyến Thạch Khê-Thống Nhất	Giáp Liên Hồng	Đò Ty (Thống Nhất)	0,55	3,5
8	Tuyến Yết Kiêu - Cổ Bì	ĐT.395 (Chợ Buộm)	Cầu phao Ô Xuyên		
	Trong đó:				
		ĐT.395 (Chợ Buộm)	Lối vào Đền Quát	0,55	6,0
		Lối vào Đền Quát	Cầu phao Ô Xuyên	1,95	3,5
9	Tuyến 393	Chợ Cuối	Đường gom cao tốc		
	Trong đó:				
		Chợ Cuối	Đại lộ Võ Nguyên Giáp	1,05	10,5
		QL38B (Cầu Gổ)	Đường gom cao tốc	1,35	6,0
10	Tuyến tránh 399 (Quang Đức)	Km21+800	Km22+940	1,14	6,0
11	ĐH11	Hồng Hưng	Thống Kênh	3,5	3,5
	Tổng			40,22	
V	Đường do xã quản lý (có bề rộng mặt đường >7,5m)				

b. Đường thủy

- Có 2 tuyến đường thủy nội địa qua địa bàn huyện do tỉnh quản lý gồm:
- + Sông Sặt: cấp sông quy hoạch; cấp IV.



+ Sông Đĩnh Đào: dài khoảng 22,7 Km, điểm đầu Km9+530 (thuộc xã Thống Kênh), điểm cuối Km32+200 (thuộc xã Yết Kiêu); cấp IV.

- Bền hàng hóa có 04 bến:
 - + Km17+800 bên phải sông Đĩnh Đào, thuộc thôn Đông Thụ, xã Đồng Quang.
 - + Km17+700 bên trái sông Đĩnh Đào, thuộc xã Đoàn Thượng.
 - + Km22+300 đến K22+450 bên trái sông Đĩnh Đào, thuộc thôn Bùi Thượng, xã Lê Lợi.
 - + Km21+910 đến Km22+110 bên trái sông Đĩnh Đào, thuộc thôn Bùi Thượng, xã Lê Lợi.
- Bền hành khách: không có.
- Các tuyến đường thủy được lắp đặt hệ thống báo hiệu đảm bảo an toàn, thuận tiện cho các phương tiện lưu thông.

c. Giao thông tỉnh

- Huyện Gia Lộc đã quy hoạch bến xe loại I và đang có kế hoạch triển khai xây dựng (diện tích khoảng 5ha) tại địa bàn xã Toàn Thắng, huyện Gia Lộc, gần khu vực nút giao giữa quốc lộ 38B và đường bộ cao tốc Hà Nội - Hải Phòng.
- Bố trí điểm dừng, điểm đỗ tại trung tâm các xã, thị trấn dọc theo quốc lộ, đường tỉnh.

2.6.2 Hiện trạng hệ thống cấp điện

- Nguồn điện cấp cho huyện Gia Lộc hiện tại được lấy từ trạm 110kV Ngọc Sơn (E8.13), trạm 110kV Đại An (E8.11), trạm 110kV Nghĩa An (E8.7), trạm 110kV Thanh Miện (E8.14), trạm 110kV Đồng Niên (E8.1) theo các lộ dây sau đây:
 - + Lộ điện 110kV: 171, 172-E8.14; 171, 172-E8.13; 171, 172-E8.7.
 - + Lộ điện 35kV: 378- E8.1; 378-E8.13; 371, 377-E8.14; 372, 373-E8.7.
 - + Lộ điện 22kV: 471-E8.14; 488E8.1; 470E8.13; 480-E8.11.
- Đến thời điểm hiện tại, nhu cầu về nguồn điện cấp cho huyện đã được đáp ứng đầy đủ. Tất cả các xã trong huyện đều đáp ứng điện sinh hoạt cho 100% số hộ sử dụng.

Bảng: Thống kê lưới điện trên địa bàn huyện năm 2023

STT	Danh mục	ĐVT	Số lượng	Công suất (kVA)
I	Trạm trung gian	Trạm	0	0
II	Trạm biến áp phân phối	Trạm	375	177.010
1	Trạm 35/0,4kV	Trạm	282	137.970
	- Tài sản Điện Lực	Trạm	121	45.850
	- Tài sản khách hàng	Trạm	161	92.120
2	Trạm 22/0,4kV	Trạm	93	39.040
	- Tài sản Điện Lực	Trạm	67	22.910
	- Tài sản khách hàng	Trạm	26	16.130



III	Đường dây trung thế	Km	236,164	
	Đường dây 10kV	Km	0	
	Đường dây 22kV	Km	74,604	
	Đường dây 35kV	Km	141,27	
	Cáp ngầm 35kV	Km	20,29	
IV	Đường dây hạ thế	Km	196,45	
	Đường dây 0,4kV	Km	196,45	
	Đường dây 0,23kV	Km	0	

(nguồn: Điện lực Gia Lộc cung cấp năm 2023)

2.6.3 Hiện trạng hệ thống thông tin liên lạc

- Hệ thống hạ tầng thông tin liên lạc tại Gia Lộc hiện phát triển tốt, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế- xã hội và đảm bảo an ninh quốc phòng của huyện. Vùng phủ sóng thông tin di động, hạ tầng internet băng thông rộng ngày càng được mở rộng, chất lượng dịch vụ được cải thiện theo hướng công nghệ hiện đại, dịch vụ đa dạng, đáp ứng tốt nhu cầu của người dân và xã hội.

- Hiện đang có 05 doanh nghiệp viễn thông di động đang hoạt động trên địa bàn huyện: Vinaphone, Mobiphone, Viettel, Vietnammobile, Gmobile; 02 doanh nghiệp viễn thông cố định: VNPT, VietTel và 03 doanh nghiệp cung cấp Internet băng rộng cố định: VNPT, Viettel, FPT.

- Dịch vụ viễn thông: có độ phủ tương đối tốt, công nghệ hiện đại, có khả năng nâng cấp để cung cấp các dịch vụ mới. Hạ tầng nhà, trạm viễn thông được xây dựng, lắp đặt quy mô, đúng theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành. Hiện tại, hệ thống điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng có người phục vụ đã phát triển rộng khắp trên địa bàn.

- Công trình hạ tầng kỹ thuật thông tin liên lạc:

+ Hạ tầng truyền dẫn mạng cáp quang được triển khai bao phủ tới các xã, phường. Hạ tầng cột treo cáp, công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm: đa số hạ tầng cáp treo trên cột điện lực và cột tự trồng của các doanh nghiệp viễn thông kết hợp ngầm hóa.

+ Hiện trạng hạ tầng cột ăng ten thu phát sóng thông tin di động phát triển rộng khắp. Các trạm 3G, 4G phủ sóng tới hầu hết các khu vực trên địa bàn.

2.6.4 Hiện trạng hệ thống cấp nước

- Tỷ lệ dân số được cấp nước sạch khu vực ngoại thị đạt 98%.

- Các trạm cấp nước đặt tại một số xã lấy nguồn nước từ sông Sắt và sông Đĩnh Đào đã dừng hoạt động, do các sông này không đảm bảo chất lượng nguồn nước.

- Hiện trạng các công trình cấp nước sạch trên địa bàn huyện Gia Lộc bao gồm:

+ Trạm bơm tăng áp Thạch Khôi (10.000m³/ng.đ). Vị trí đặt tại phường Thạch Khôi, Tp. Hải Dương. Nguồn cấp nước: mua nước của Chi nhánh KDNS Số 5, Công ty cổ phần KDNS Hải Dương. Nguồn nước thô lấy từ sông Thái Bình. Phạm vi cấp nước: cấp nước cho thị trấn Gia Lộc, xã Gia Xuyên, xã Gia Tân, xã Gia Khánh, xã Gia Lương, xã Tân Tiến.



+ Trạm bơm tăng áp Hoàng Diệu (9.000m³/ng.đ). Vị trí đặt tại xã Hoàng Diệu, huyện Gia Lộc. Nguồn cấp nước: mua nước của Chi nhánh KDNS Số 1 và Chi nhánh KDNS Số 5, Công ty cổ phần KDNS Hải Dương. Nguồn nước thô lấy từ sông Thái Bình. Phạm vi cấp nước: cấp nước cho nhân dân và các doanh nghiệp trên địa bàn các xã gồm xã Hoàng Diệu, xã Hồng Hưng, xã Thống Kênh - huyện Gia Lộc và xã Hồng Đức - huyện Ninh Giang, cấp nước cho công ty cấp nước An Bình (gồm: xã Toàn Thắng, xã Đoàn Thượng).

- Ngoài ra còn cập nhật một số trạm tăng áp trên địa bàn huyện theo quy hoạch chung.

Bảng: Hiện trạng hệ thống cấp nước sạch huyện Gia Lộc

STT	Tên trạm	Vị trí	Công suất m ³ /ng.đ	Nguồn nước
1	Trạm tăng áp Thạch Khôi	xã Thạch Khôi	9.000	Từ TP Hải Dương
2	Trạm tăng áp Hoàng Diệu	xã Hoàng Diệu	7.000	Từ TP Hải Dương
3	Trạm tăng áp Phạm Trán (CS 2.800m ³ /ngđ-cấp cho Gia Lộc 1000m ³ /ngđ)	xã Phạm Trán	1000	
4	Trạm tăng áp Lê Lợi		2000	
5	Trạm tăng áp Thống Nhất		700	
6	Trạm tăng áp Trùng Khánh		700	
7	Trạm cấp nước Đức Xương (CS 7.000m ³ /ngđ-cấp cho Gia Lộc 5.300m ³ /ngđ)	xã Quang Đức	5.300	Từ sông Luộc

2.6.5 Hiện trạng hệ thống công trình thủy lợi

- Huyện Gia Lộc có tuyến sông Bắc Hưng Hải có vai trò chính điều tiết nước tưới, tiêu toàn huyện.

- Hệ thống thủy lợi trên địa bàn huyện Gia Lộc được xây dựng phù hợp với quy hoạch hệ thống thủy lợi của tỉnh Hải Dương đã được UBND tỉnh phê duyệt.

- Công tác quản lý, khai thác được thực hiện đúng quy trình quy định, đảm bảo điều hòa, phân phối nước tưới, tiêu.

- Các công trình do Xí nghiệp KTCTTL Gia Lộc quản lý khai thác: 36 trạm bơm (Chuyên tưới: 06 trạm; chuyên tiêu: 05 trạm; tưới tiêu kết hợp: 25 trạm); 169,9 km kênh mương và 22,3 km bờ vùng.

- Các công trình do các HTX DVNN quản lý khai thác: 76 trạm bơm (chuyên tưới: 59 trạm; chuyên tiêu: 03 trạm; tưới tiêu kết hợp: 14 trạm); 237,8 km kênh mương và 1,2 km bờ vùng.

2.6.6 Hiện trạng hệ thống thoát nước và vệ sinh môi trường

a. Thoát nước thải

- Hệ thống thoát nước thải là hệ thống không hoàn chỉnh, hệ thống thu gom và trạm xử lý nước thải mới chỉ có ở một số khu dân cư mới. Nhưng các trạm xử lý nước thải hiện có chỉ mang tính nội bộ, chưa đạt quy mô cấp vùng.

- Trong vùng chưa có trạm xử lý nước thải sinh hoạt đạt chuẩn. Nước thải sinh hoạt được xử lý sơ bộ bằng bể xí tự hoại hoặc xả trực tiếp ra môi trường. Nước thải sản xuất tại cơ sở mới được xử lý cục bộ.

b. Chất thải rắn (CTR)

- Tất cả các khu dân cư, thôn, xã đều đã thành lập các tổ, đội thu gom chất thải rắn sinh hoạt, đã nâng cao tỷ lệ rác thải được thu gom trên địa bàn huyện đạt bình quân 98%, riêng thị trấn Gia Lộc tỷ lệ thu gom đạt cao nhất khoảng 99%. Các hộ gia đình đã cơ bản thực hiện bố trí dụng cụ chứa rác tại nhà để chuyển cho tổ thu gom và nộp phí vệ sinh môi trường theo quy định; việc đổ thải rác thải không đúng nơi quy định, hình thành các bãi rác tự phát đã cơ bản được kiểm soát. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom và xử lý đạt 98%.

- **Chất thải rắn công nghiệp:** toàn huyện có 130 cơ sở sản xuất kinh doanh các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực: Sản xuất công nghiệp, dịch vụ ... trên địa bàn huyện đều ký hợp đồng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải theo quy định. Một số chất thải có thể tái chế các công ty đã thực hiện tái chế, tái sử dụng phát sinh ra môi trường. Trong các cơ sở sản xuất kinh doanh có 66 cơ sở được phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc Đề án BVMT hoặc Kế hoạch bảo vệ môi trường, còn 64 cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ nhỏ lẻ không thuộc đối tượng lập hồ sơ BVMT. Các cơ sở sản xuất kinh doanh đều có kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc đánh giá tác động môi trường, còn một số cơ sở sản xuất kinh doanh, dự án chưa có kế hoạch môi trường do các cơ sở này đều chưa triển khai xây dựng hoặc thiếu vốn đầu tư dở dang.

- Đối với chất nguy hại, cơ bản các công ty, cơ sở sản xuất kinh doanh có phát sinh phát thải nguy hại từ 120kg/năm trở lên đều đăng ký sổ chủ nguồn thải và báo cáo định kỳ với Sở Tài nguyên và Môi trường, có khu lưu giữ và ký hợp đồng chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý.

- Trên địa bàn huyện có 01 nhà máy xử lý chất thải nguy hại của Công ty Cổ phần công nghệ môi trường An Sinh nằm trên địa bàn xã Hoàng Diệu, xử lý rác bằng phương pháp đốt hợp vệ sinh (công suất của lò đốt rác nguy hại của nhà máy là 12 tấn/ngày đêm. Rác thải công nghiệp 15 tấn/ngày, rác sinh hoạt 5 tấn/ngày). Nhà máy này đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường chấp thuận cho phép hoạt động từ năm 2010.

- **Chất thải rắn y tế:** Trên địa bàn huyện có 01 bệnh viện đa khoa, 04 phòng khám đa khoa tư nhân, các cơ sở khám chữa bệnh này đều đã ký hợp đồng thu gom, vận chuyển rác sinh hoạt với hợp tác xã thu gom của xã, thị trấn, riêng rác thải nguy hại đã ký với công ty cổ phần môi trường An Sinh nằm trên địa bàn

huyện Gia Lộc xử lý.

- **Chất thải rắn nông nghiệp:** Về việc thu gom, vận chuyển bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng đáp ứng được một số tiêu chí theo Thông tư liên tịch số 05/2016/TTLT-BNNPTNT-BTNMT ngày 16/5/2016 như:

+ Bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng được thu gom về các bể chứa, trên địa bàn huyện có 1.116 bể chứa, dự kiến trong xây thêm khoảng 377 bể chứa nữa để đáp ứng nhu cầu cần thiết.

+ Bể chứa đảm bảo yêu cầu: đặt tại các vị trí thích hợp, dễ nhận biết ven đường, trục giao thông nội đồng, bờ ruộng lớn; không bị ngập lụt, gần điểm pha chế thuốc trước khi đem đi phun rải để thuận tiện cho việc thu gom bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng; không làm ảnh hưởng đến nguồn nước sinh hoạt, khu dân cư, giao thông và mỹ quan nông thôn. Làm bằng vật liệu bền chắc, có lấp đầy, có khả năng chống thấm, không thấm thấu chất thải ra bên ngoài, đảm bảo không bị gió, nước làm xô dịch. Dung tích bể chứa khoảng 1-1,2m³, có nắp đậy kín, bên ngoài bể chứa có ghi dòng chữ “Bể chứa bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng” và biểu tượng cảnh báo nguy hiểm theo tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 6707:2009 về chất thải nguy hại – Dấu hiệu cảnh báo. Các xã đã ký hợp đồng với công ty cổ phần An Sinh xử lý rác thải vỏ thuốc bảo vệ thực vật.

+ Đối với các trang trại, hộ gia đình chăn nuôi gia súc, gia cầm đa số đều áp dụng các biện pháp xử lý chất thải bằng hầm biogas, đệm sinh học, không thải chất thải chưa qua xử lý ra môi trường xung quanh.

+ Đối với các làng nghề trên địa bàn huyện Huyện Gia Lộc hiện có 11 làng nghề gồm: 04 Làng nghề giầy da của xã Hoàng Diệu ở các thôn Phong Lâm, Văn Lâm, Trúc Lâm và thôn Nghĩa Hy; 02 làng nghề Bún ở thôn Quán Đào và thôn Đông Cạn xã Gia Tiến. Các làng nghề khác gồm: Thêu ren ở làng Gạch xã Gia Hòa; Mây che đan ở khu Chằm, Gò thùng tôn ở khu Ngà Thị trấn Gia Lộc; Nghề mộc thôn Đức Đại, thị trấn Gia Lộc. Rác thải làng nghề giầy da Hoàng Diệu có dự án nhà máy xử lý rác thải làng nghề tuy nhiên hiện tại đang triển khai.

+ Các làng nghề trên địa bàn huyện đều có phương án bảo vệ môi trường được UBND huyện phê duyệt (11 làng nghề).

- **Về bãi rác thải:** Toàn huyện có 27 bãi rác tập trung được UBND tỉnh, UBND huyện đầu tư kinh phí xây dựng. Trong đó năm 2012 xây dựng được 16 bãi rác tại 11 xã gồm: Đức Xương cũ (nay là xã Quang Đức) (02), Đoàn Thượng (02), Hoàng Diệu (02), Yết Kiêu (02) (01 bãi rác đã đóng cửa, 01 bãi rác chuyển một phần thành bãi trung chuyển), Thống Nhất, Quang Minh cũ (nay là xã Quang Đức), Đồng Quang cũ, Gia Tân cũ (nay là xã Gia Phúc), Gia Khánh cũ (nay là xã Gia Phúc), Hồng Hưng, Nhật Tân cũ (nay là xã Nhật Quang). Năm 2014- 2016 đầu tư xây dựng thêm được 4 bãi rác tại các xã Phạm Trấn (đã đóng cửa, một phần chuyển thành bãi trung chuyển), Nhật Tân cũ (nay là xã Nhật Quang), Gia Lương cũ (nay là xã Gia Tiến) và Thị trấn Gia Lộc (mở rộng) (đã đóng cửa, rác được vận chuyển lên nhà máy của tỉnh xử lý). Năm 2017 và đầu năm 2018 huyện đã đầu tư thêm được 7 bãi rác tại các xã Trùng Khánh (nay là xã Yết Kiêu), Tân

Tiền cũ (nay là xã Gia Tiến), Thống Nhất, Đức Xương cũ (nay là xã Quang Đức), Lê Lợi, Đồng Quang cũ (nay là xã Nhật Quang), Thống Kênh. 01 bãi rác đầu tư mới năm 2023 tại xã Hồng Hưng.

c. Nghĩa trang

- Có rất nhiều nghĩa trang phân tán, nhiều nghĩa trang hiện trạng gần với khu dân cư, không đảm bảo khoảng cách ly vệ sinh so với quy định.
- Chưa có Nhà tang lễ phục vụ cho khu vực đô thị

2.7. Đánh giá tổng hợp hiện trạng

2.7.1 Thuận lợi

- *Vị trí thuận lợi:* Gia Lộc là huyện cửa ngõ phía Nam của thành phố Hải Dương, rất thuận lợi để giao thương phát triển kinh tế.
- *Thuận lợi về giao thông:* có đường bộ cao tốc HN-HP, QL37, QL38B và các tuyến đường tỉnh 392, 393, 395 và đường Trục Bắc Nam đi qua; đặc biệt trên địa bàn Huyện có nút giao cao tốc HN-HP với QL38B giúp cho Gia Lộc thuận lợi hơn cho việc tiếp cận với tuyến đường đặc biệt quan trọng này.
- *Quỹ đất nông nghiệp lớn:* thuận lợi mở rộng phát triển xây dựng đô thị và công nghiệp....
- *Hệ thống di tích:* nhiều di tích lịch sử cấp Quốc gia, cấp Tỉnh và các làng nghề truyền thống thuận lợi phát triển du lịch văn hóa;

2.7.2 Khó khăn

- Có các đường QL37, QL38B là trục phát triển rất mạnh về kinh tế kết nối vùng miền và các tuyến đường tỉnh ĐT392, 393, 395...; tuy nhiên đoạn đi qua địa bàn Huyện mặt đường còn nhỏ hẹp so với quy mô nên thường xuyên gây ùn tắc tại các khu vực đông dân cư, làm ảnh hưởng đến phát triển KTXH của huyện;
- Nông nghiệp: còn nhỏ lẻ, áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất còn chậm.
- Du lịch văn hóa: chưa khai thác triệt để các tiềm năng, thiếu tính liên kết...;

2.8. Các phương hướng phát triển và phương án quy hoạch tại các quy hoạch liên quan, có tác động đến vùng lập quy hoạch

2.8.1 Các đồ án, dự án lớn đã được phê duyệt trong những năm gần đây

a. Các quy hoạch toàn tỉnh và vùng phụ cận có liên quan

- Quy hoạch tỉnh Hải Dương thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050.
- Các đồ án Quy hoạch vùng huyện và thành phố phụ cận như: Thành phố Hải Dương, Cẩm Giàng, Bình Giang, Ninh Giang.
- Các đồ án Quy hoạch chung đô thị như: quy hoạch chung xây dựng hai bên đường trục Bắc Nam, tỉnh Hải Dương (đoạn tuyến phía Nam).
- Quy hoạch ngành và các lĩnh vực: quy hoạch sử dụng đất toàn tỉnh; quy hoạch hệ thống giao thông vận tải, đường thủy nội địa; quy hoạch phát triển hệ



thống đô thị; quy hoạch cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh; quy hoạch phát triển hệ thống thương mại; quy hoạch điện lực;

- Và các quy hoạch chuyên ngành còn hiệu lực khác.

b. Các quy hoạch trên địa bàn huyện.

- Điều chỉnh cục bộ (lần 2) Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Gia Lộc mở rộng đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030;
- Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Gia Lộc.
- Quy hoạch sử dụng đất, các quy hoạch chi tiết có liên quan.

2.8.2 Đánh giá việc thực hiện quy hoạch

Tính từ thời điểm hồ sơ quy hoạch vùng huyện Gia Lộc phê duyệt, đến nay có một số nội dung đã triển khai thực hiện như sau:

- Về công nghiệp: Cụm công nghiệp Toàn Thắng đã được thành lập tại Quyết định số 3905/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thành lập cụm công nghiệp Toàn Thắng, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương và Điều chỉnh tại Quyết định số 2394/QĐ-UBND ngày 27/10/2023 của UBND tỉnh Hải Dương; Cụm công nghiệp Yết Kiêu đã được thành lập tại Quyết định số 3886/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương về việc thành lập cụm công nghiệp Yết Kiêu, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương và Điều chỉnh tại Quyết định số 124/QĐ-UBND ngày 16/01/2024 của UBND tỉnh Hải Dương.
- Về Nông nghiệp: Cơ bản chưa có sự thay đổi đáng kể so với thời điểm quy hoạch vùng huyện được duyệt.
- Về mạng lưới đô thị và nông thôn: UBND huyện đã triển khai việc khảo sát, lập quy hoạch chung xây dựng các xã nông thôn giai đoạn 2021- 2030 theo định hướng quy hoạch vùng huyện đã duyệt.
- Một số điểm dân cư mới theo nội dung quy hoạch vùng đang triển khai thực hiện quy hoạch.
- Về dịch vụ thương mại: cơ bản không có sự thay đổi đáng kể so với thời điểm lập quy hoạch vùng.
- Công trình hạ tầng kỹ thuật:
 - + Chính trang, cải tạo một số đoạn tuyến giao thông (QL37, một số đường dân sinh).
 - + Khảo sát triển khai nghiên cứu phương án tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng liên quan đến địa bàn huyện Gia Lộc.
 - + Khảo sát triển khai nghiên cứu các tuyến dây cao thế liên quan đến địa bàn huyện Gia Lộc.

2.8.3 Danh mục những dự án chính tại huyện đã và đang có kế hoạch triển khai thực hiện

- Công nghiệp, cơ sở sản xuất phi nông nghiệp.
 - + Đầu tư xây dựng và mở rộng các vùng dự kiến phát triển công nghiệp theo quy hoạch tỉnh.
 - + Đầu tư và mở rộng cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp, mở rộng và củng cố làng nghề...
- Giao thông:
 - + Đầu tư xây dựng đường tránh QL37 phía Đông thị trấn Gia Lộc, Trục giao thông vành đai I, II thành phố Hải Dương; đường vành đai V thủ đô Hà Nội;
 - + Quản lý dành quỹ đất đầu tư các tuyến giao thông quan trọng quốc gia: Đường vành đai V Hà Nội, đường sắt quốc tế Hải Phòng – Lào Cai- Côn Minh (Trung Quốc).
 - + Đầu tư các tuyến giao thông mới theo quy hoạch.
 - + Cải tạo, nâng cấp hệ thống đường huyện và một số trục giao thông theo quy hoạch xây dựng nông thôn.
- Đất ở:
 - + Lập quy hoạch và đầu tư xây dựng các khu dân mới theo quy hoạch.
 - + Đầu tư xây dựng các khu nhà ở công nhân gắn với khu vực dự kiến phát triển công nghiệp
- Công trình hạ tầng xã hội, dịch vụ, du lịch.
 - + Các dự án văn hóa, du lịch, thể thao nằm trong danh mục các dự án ưu tiên đầu tư thực hiện trong quy hoạch tỉnh Hải Dương đã được phê duyệt tại Quyết định số 1639/QĐ-TTg ngày 19/12/2023 và các dự án thu hút đầu tư theo Quyết định số 3118/QĐ-UBND ngày 22/12/2023 của UBND tỉnh về việc ban hành danh mục dự án thu hút đầu tư, hạn chế thu hút đầu tư và không thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh Hải Dương, giai đoạn 2024-2030.
 - + Đầu tư xây dựng, hoàn thiện các công trình hạ tầng xã hội của huyện; cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc của các xã, thị trấn; bể bơi trung tâm huyện; nhà thi đấu đa năng của huyện; di chuyển Trung tâm y tế đa chức năng; di chuyển trụ sở UBND huyện và trụ sở Huyện ủy...
 - + Đầu tư hoàn thiện các thiết chế văn hóa, thể thao cấp huyện và tại các xã, thị trấn.
 - + Hoàn thiện các dự án đã và đang thực hiện; trùng tu, tôn tạo các di tích tôn giáo, tín ngưỡng trên địa bàn huyện.
 - + Đầu tư các trung tâm thương mại, dịch vụ theo quy hoạch đã duyệt.
- Các dự án văn hóa, du lịch, thể thao, các dự án có liên quan khác.

- Và các dự án theo Quyết định số 3118/QĐ-UBND ngày 22/12/2023 của UBND tỉnh về việc ban hành danh mục dự án thu hút đầu tư, hạn chế thu hút đầu tư và không thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh Hải Dương, giai đoạn 2024 - 2030 và danh mục các dự án ưu tiên đầu tư thực hiện trong quy hoạch tỉnh Hải Dương theo Quyết định số 1639/QĐ-TTg ngày 19/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Hải Dương thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

2.8.4 Những vấn đề tồn tại cần giải quyết trong quy hoạch huyện

- Rà soát quy hoạch nhằm đảm bảo phù hợp với quy hoạch tỉnh và các quy hoạch chuyên ngành.

+ Về định hướng phát triển đô thị và nông thôn và thực hiện Đề án sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã cho phù hợp với Quy hoạch tỉnh Hải Dương thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

+ Về sử dụng đất: Đồ án Điều chỉnh Quy hoạch xây dựng vùng huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được UBND tỉnh Hải Dương phê duyệt (*Quyết định số 314/QĐ-UBND ngày 25/01/2022*), kể từ đó đến nay đã có nhiều biến động về phân bổ chỉ tiêu đất đai. Do vậy, cần thực hiện rà soát, cập nhật cho phù hợp với Quyết định số 1427/QĐ-UBND ngày 13/6/2024 của UBND tỉnh Hải Dương và Quyết định số 1891/QĐ-UBND ngày 29/7/2024 về việc phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Gia Lộc. Các chỉ tiêu đất đai để xây dựng phát triển của huyện có sự điều chỉnh giảm đáng kể (đất phi nông nghiệp đến năm 2030 giảm khoảng -1.112 ha), chủ yếu là liên quan đến đất phát triển công nghiệp và đất khu ở mới, và tăng diện tích đất nông nghiệp. Do vậy, sẽ ảnh hưởng lớn đến định hướng phát triển không gian của cả vùng huyện;

+ Về giao thông: Cần phải rà soát, cập nhật (*hướng tuyến cũng như quy mô nếu có*) cho phù hợp với Quy hoạch tỉnh Hải Dương;

+ Nhìn chung, đồ án Điều chỉnh Quy hoạch xây dựng vùng huyện Gia Lộc đã duyệt cơ bản vẫn đáp ứng được nhu cầu phát triển theo quy hoạch; làm căn cứ để triển khai các quy hoạch, các dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn. Do đó, vẫn kế thừa và cập nhật một số nội dung định hướng lớn có tác động đến phát triển kinh tế- xã hội của huyện trong tương lai.

2.8.5 Cơ hội

- Huyện Gia Lộc hiện đang có rất nhiều tiềm năng để phát triển kinh tế- xã hội trong thời gian tới; đặc biệt là sẵn sàng nắm bắt cơ hội trong “*Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam*” để phát triển, dựa trên những điểm mạnh về vị trí địa lý, nguồn lực- con người, cơ sở hạ tầng, đặc biệt là lợi thế về hạ tầng giao thông nhằm khơi dậy khát vọng phát triển của mảnh đất này.

- Có tiềm năng phát triển kinh tế tổng hợp, hình thành và phát triển hệ thống đô thị - nông thôn nâng cao có đặc trưng vùng Đồng bằng Bắc Bộ.

- Huyện Gia Lộc có cơ hội phát triển trở thành trung tâm kinh tế mới phía Nam tp. Hải Dương, trung tâm dịch vụ và đầu mối giao thông quan trọng của tỉnh.



- Huyện Gia Lộc có điều kiện để phát triển công nghiệp, sản xuất kinh doanh theo hướng hiện đại và phát triển ổn định. Song song với việc phát triển công nghiệp, việc duy trì một phần nông nghiệp sạch của huyện Gia Lộc cũng là mục tiêu quan trọng trong tương lai.

- Những cơ hội trên có thể giúp huyện Gia Lộc tận dụng mọi lợi thế của mình để phát triển bền vững và đóng góp chung vào sự phồn thịnh của tỉnh Hải Dương, cũng như của cả vùng kinh tế Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh.

2.8.6 Thách thức

- Huyện Gia Lộc là một trong những đô thị vệ tinh của thành phố Hải Dương; có sự tập trung phát triển cao và hỗ trợ thành phố Hải Dương trong các lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ và đô thị. Do vậy, trong thời gian tới xu thế phát triển công nghiệp, dịch vụ và đô thị trên địa bàn huyện diễn ra rất mạnh mẽ và khẩn trương, sẽ có nhiều dự án lớn của tỉnh cũng như của huyện sẽ được đầu tư tại đây, do đó vấn đề mâu thuẫn, thách thức đặt ra giữa phát triển đô thị- công nghiệp và bảo vệ môi trường là quan trọng hàng đầu, đòi hỏi rất cần sự quan tâm từ các cấp, ngành địa phương, đặc biệt là từ chính các doanh nghiệp ngay từ đầu trước khi bắt tay vào xây dựng cần quan tâm ý thức bảo vệ môi trường.

- Nguồn vốn đầu tư của Tỉnh hạn hẹp, lại phải phân bổ đều cho các địa phương, nên để phát triển KTXH chủ yếu dựa trên cơ sở phát huy nguồn lực của địa phương, của doanh nghiệp và nguồn vốn từ các tổ chức khác thông qua các hình thức thu hút đầu tư, nguồn xã hội hóa.

- Tiềm năng phát triển du lịch- lịch sử văn hóa phong phú hiện đã có được khai thác, song còn nhiều hạn chế, chưa phát huy được hiệu quả, còn thiếu tính liên kết (do thiếu vốn, trình độ năng lực nghiên cứu và quản lý...). Do đó, cần khơi dậy nguồn lực nội tại này để phát triển và bảo tồn nguồn văn hóa đáng quý này không phải địa phương nào cũng có được.

PHẦN III

ĐỘNG LỰC, TIỀM NĂNG VÀ DỰ BÁO PHÁT TRIỂN VÙNG

3.1. Động lực và tiềm năng phát triển

Trên cơ sở các định hướng phát triển kinh tế của tỉnh Hải Dương tác động đến vùng huyện Gia Lộc, các tiềm năng và nguồn lực của huyện và định hướng phát triển kinh tế của huyện, các dự án lớn sẽ triển khai,... sẽ dự báo các động lực phát triển chủ đạo của Vùng.

3.1.1 Yếu tố tự nhiên, nhân lực

- Huyện Gia Lộc thuộc vùng Đồng Bằng sông Hồng, đất đai phì nhiêu, màu mỡ. Đây là điều kiện thuận lợi cho phát triển nông nghiệp theo hướng đa dạng hoá cây trồng. Huyện đã xây dựng quy hoạch phát triển nông nghiệp, xác định cơ cấu mùa vụ phù hợp với tập quán canh tác và ưu thế cây trồng ở từng vùng trong huyện. Điều kiện khí hậu nhiệt đới nóng ẩm, mưa nhiều cũng là yếu tố thuận lợi cho thâm canh tăng vụ, đa dạng vật nuôi, cây trồng.

- Nguồn nhân lực của huyện khá dồi dào, nhân dân có truyền thống văn hoá anh hùng, cần cù, sáng tạo. Đội ngũ cán bộ có nhiều kinh nghiệm trong công tác quản lý kinh tế - xã hội. Hệ thống giáo dục - đào tạo phát triển tốt và đồng đều, tạo nguồn nhân lực phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa không chỉ cho huyện mà còn tham gia cho thành phố Hải Dương và các đô thị khác.

- Đảng bộ, chính quyền luôn giữ vững danh hiệu Đảng bộ trong sáng vững mạnh, có năng lực và nhanh chóng tiếp cận với các xu thế, định hướng trong thời kỳ mới; đồng thời vận dụng một cách có hiệu quả và linh động trong công tác tạo được sự đồng thuận của nhân dân, tình hình an ninh chính trị được giữ vững.

- Tỷ lệ người trong độ tuổi lao động lớn, là nguồn nhân lực dồi dào cho các hoạt động xây dựng và phát triển kinh tế xã hội của huyện.

3.1.2 Liên hệ vùng

- Là đầu mối giao thông cấp vùng, quốc gia (có nút giao đường bộ cao tốc Hà Nội – Hải Phòng), Ga trung tâm đường sắt Lào Cai – Hà Nội – Hải Phòng.

- Hệ thống hạ tầng giao thông (*QL37, QL38B, Đường 62m, trục giao thông Bắc - Nam và các tuyến đường tỉnh, các trục đường huyện, đường xã - liên xã được cải tạo, nâng cấp trên địa bàn huyện*) tạo thành mạng lưới giao thông phát triển theo cả 2 trục Bắc – Nam, Đông – Tây. Với đầy đủ lợi thế của hệ thống giao thông sẽ giúp huyện Gia Lộc không chỉ là điểm nối quan trọng trong khu vực mà còn là địa điểm hấp dẫn cho các doanh nghiệp mong muốn đầu tư tại địa phương.

- Đường sắt Lào Cai- Hà Nội- Hải Phòng: Quy hoạch tổng thể phát triển giao thông vận tải đường sắt Việt Nam nhằm kết nối giữa Việt Nam- Trung Quốc- các nước Châu Âu; huyện Gia Lộc dự kiến có ga và đường sắt được tích hợp trong hệ thống đường sắt quan trọng nối liền các đô thị lớn và là điểm trung chuyển lớn trên hệ thống đường sắt này.

- Kết nối đến các sân bay, cảng biển: Huyện Gia Lộc có vị trí đặc địa trong "tam giác" kinh tế Hà Nội- Hải Phòng- Quảng Ninh và nằm trên các trục đường giao thông quan trọng, điều này tạo điều kiện thuận lợi cho việc kết nối giao thông liên vùng đến các đô thị lớn- ra hệ thống sân bay và cảng biển quốc tế Hải Phòng, Quảng Ninh, mở rộng cơ hội xuất khẩu và vận chuyển hàng hóa.

3.1.3 Các lĩnh vực phát triển kinh tế xã hội

- Phát triển công nghiệp

+ Về Khu công nghiệp (KCN): hiện có KCN Gia Lộc (quy mô 197,94ha, được thành lập theo Quyết định số 997/QĐ- UBND ngày 31/3/2021 của UBND tỉnh Hải Dương) nằm trên địa bàn các xã Toàn Thắng, Hồng Hưng, Hoàng Diệu và thị trấn Gia Lộc; Thời gian tới có: KCN Hoàng Diệu (quy mô nghiên cứu quy hoạch khoảng hơn 259ha, trong đó diện tích lập quy hoạch khoảng 245ha) nằm trên địa bàn các xã Hồng Hưng, Hoàng Diệu, Gia Khánh và thị trấn Gia Lộc, KCN Gia Lộc 3 (quy mô nghiên cứu quy hoạch khoảng hơn 130ha) nằm trên địa bàn các xã Yết Kiêu, Thống Nhất.

+ Về Cụm công nghiệp (CCN): Cụm công nghiệp Toàn Thắng diện tích 73,99ha được thành lập tại Quyết định số 3905/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thành lập cụm công nghiệp Toàn Thắng, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương và Điều chỉnh tại Quyết định số 2394/QĐ-UBND ngày 27/10/2023 của UBND tỉnh Hải Dương điều chỉnh Quyết định số 3905/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thành lập cụm công nghiệp Toàn Thắng, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương.

Cụm công nghiệp Yết Kiêu diện tích 61,77ha được thành lập tại Quyết định số 3886/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương về việc thành lập cụm công nghiệp Yết Kiêu, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương và Điều chỉnh tại Quyết định số 124/QĐ-UBND ngày 16/01/2024 của UBND tỉnh Hải Dương Điều chỉnh Quyết định số 3886/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thành lập cụm công nghiệp Yết Kiêu, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương.

- Phát triển nông nghiệp

+ Gia Lộc hiện có đất nông nghiệp chiếm hơn 65% tổng diện tích toàn huyện. Nhiều vùng nông nghiệp có quy mô lớn, đất đai màu mỡ thuận lợi cho việc ứng dụng công nghệ cao nhằm phát triển an toàn & bền vững (nhất là các vùng nuôi trồng thủy sản);

+ Đất nông nghiệp tương đối bằng phẳng phì nhiêu màu mỡ, khí hậu thích hợp với nhiều loại cây trồng. Đây là điều kiện thuận lợi để phát triển các vùng sản xuất hàng hóa tập trung, khu sản xuất công nghệ cao, mô hình sản xuất theo hướng VietGAP, GlobalGAP...; tạo ra những sản phẩm nông nghiệp có chất lượng cao, an toàn thực phẩm, sức cạnh tranh lớn để cung cấp ra thị trường trong và ngoài tỉnh và hướng tới xuất khẩu.

- Phát triển đô thị



+ Thị trấn Gia Lộc là cửa ngõ quan trọng phía Nam của thành phố Hải Dương, là đầu mối giao thông quan trọng của tỉnh với vai trò liên hệ thủ đô Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh nên tiềm năng phát triển và mở rộng đô thị của thị trấn là rất thuận lợi. Cũng trong thời gian vừa qua Huyện đã tập trung giải phóng mặt bằng các công trình, dự án lớn trên địa bàn huyện như: Dự án khu đô thị phía Nam thành phố Hải Dương (phân khu 2), Khu dân cư số 3 xã Yết Kiêu, Khu dân cư mới xã Yết Kiêu, Khu dân cư Đồng Quang - Đức Xương, Khu dân cư số 1 (giai đoạn 2) xã Quang Minh...;

- *Phát triển dịch vụ- thương mại*

+ Là Huyện có vị trí cửa ngõ phía Nam tp.Hải Dương nên các hoạt động thông thương diễn ra rất nhộn nhịp, lưu lượng hàng hóa qua các tuyến đường huyết mạch như QL37, QL38B, Cao tốc Hà Nội- Hải Phòng... tăng cao qua các năm.

+ Huyện có chợ Cuối (thị trấn Gia Lộc) là chợ hạng II, còn lại là chợ hạng III tại các xã và nhu cầu về phát triển các trung tâm thương mại, các loại hình dịch vụ vui chơi giải trí, tổ chức thăm quan lễ hội, du lịch... hiện đang có nhu cầu cao khi thu nhập của người dân đang được cải thiện và tăng lên mạnh mẽ có điều kiện thuận lợi để tiếp cận với cuộc sống hiện đại, văn minh;

+ Các loại hình vận tải hàng hóa, logistic; khoa học công nghệ... rất tiềm năng để phát triển sản xuất, kinh tế- xã hội của huyện;

- *Phát triển du lịch*

+ Trên địa bàn huyện có trên 200 di tích lịch sử văn hóa, trong đó có 16 công trình được xếp hạng cấp Quốc gia; 23 công trình cấp Tỉnh với 01 di sản văn hóa phi vật thể quốc gia (lễ hội Đền Quát), 01 bảo vật quốc gia (bia Sùng Thiên tự bi, chùa Dâu)... với dày đặc các di tích lịch sử văn hoá, nhiều lễ hội độc đáo, đặc sắc mang đậm màu sắc cổ truyền dân tộc; Các lễ hội truyền thống tổ chức hằng năm thu hút đông đảo người dân địa phương và các vùng lân cận về tham dự;

+ Bên cạnh đó, huyện Gia Lộc còn có nhiều làng nghề truyền thống có tiềm năng phát triển du lịch như: Nghề mây tre đan (TT Gia Lộc), nghề thêu ren (Yết Kiêu, Hồng Hưng, Thống Kênh), nghề dày da (Hoàng Diệu) và một số nghề mới hình thành như chế biến nông sản, xiên móc, thêu khung tranh, mộc...

+ Sông Đĩnh Đào có tiềm năng phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng...

3.2. Tính chất, chức năng quy hoạch vùng huyện

(Cơ bản giữ nguyên theo quy hoạch vùng huyện đã phê duyệt và tuân thủ theo Quy hoạch tỉnh)

- Là một phần thuộc vùng trung tâm của tỉnh: là vùng đô thị dịch vụ tổng hợp trung tâm.

- Là vùng phát triển công nghiệp, dịch vụ thương mại, nông nghiệp, làng nghề, chế biến nông sản thực phẩm; Là cửa ngõ phía Nam của thành phố Hải Dương, đầu mối trung chuyển, giao lưu kinh tế - xã hội của tỉnh Hải Dương với

Hải Phòng, Quảng Ninh, hành lang phát triển dọc Cao tốc Hà Nội – Hải Phòng, QL37 và QL38B.

3.3. Các dự báo phát triển vùng

Đề xuất trên cơ sở các phương án chiến lược về vùng đồng bằng Sông Hồng, phát triển kinh tế- xã hội của tỉnh Hải Dương; Quy hoạch tỉnh và các quy hoạch chuyên ngành; Quy hoạch chung xây dựng... đã được phê duyệt.

Nội dung dự báo nhằm xác lập tiền đề phát triển vùng, gồm:

- Dự báo tăng trưởng về kinh tế, xã hội, dân số, lao động và quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động và đất đai.
- Dự báo khả năng và quá trình đô thị hóa; các hình thái phát triển theo khả năng đô thị hóa của vùng.
- Dự báo quy mô dân số đô thị, nông thôn phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế- xã hội của vùng và chiến lược phân bố dân cư của quốc gia cho các giai đoạn ngắn và dài hạn.
- Xác định quy mô một số vùng chức năng quan trọng (công nghiệp, du lịch...), trọng điểm đầu tư theo các giai đoạn.
- Dự báo sự thay đổi môi trường tự nhiên do tác động của phát triển kinh tế- xã hội.
- Các dự báo thực hiện cho toàn vùng và các phân vùng, bao gồm các vấn đề về: Hướng liên kết vùng; Hướng phát triển và phân bố dân cư, đô thị và các không gian kinh tế - xã hội; Hướng tổ chức hệ khung giao thông vùng; Hướng tổ chức cung cấp hạ tầng kỹ thuật; hướng bảo vệ và khai thác môi trường tự nhiên...

3.3.1 Dự báo quy mô dân số

- Tổng dân số hiện trạng toàn huyện tính đến năm 2022 là 136.272 người. Dự báo trong thời gian tới dân số huyện Gia Lộc sẽ còn tăng lên do sức hút từ phát triển đô thị và công nghiệp nên sẽ có lượng dân dịch cư từ những nơi khác đến, với lợi thế vị trí phía Nam tp. Hải Dương, giáp với các KCN lớn và các đô thị lớn cùng với điều kiện cơ sở hạ tầng đang được đầu tư phát triển, khi đó nhu cầu cư trú tại huyện Gia Lộc sẽ tăng lên.

- Dự báo tăng dân số được tính toán theo xu hướng chung về tăng trưởng dân số của tỉnh Hải Dương cũng như tốc độ tăng trưởng hiện tại của huyện Gia Lộc, tuy nhiên mức tăng trưởng này sẽ giảm dần theo thời gian.

- Dự báo dân số thường trú (bao gồm tỷ lệ tăng dân số tự nhiên và tăng dân số cơ học) của huyện Gia Lộc giai đoạn đến năm 2030 khoảng 1,4%/năm, giai đoạn sau 2030 đến năm 2050 khoảng 0,5%/năm.

* Dự báo dân số đến năm 2030:

+ Dân số tăng tự nhiên và cơ học được tính như sau:

$$136.272 \text{ người} \times (1+0,014)^8 = 152.303 \text{ người (1)}$$



+ Dân số quy đổi: là dân số tạm trú dưới 6 tháng quy đổi về dân số đô thị, được tính theo công thức sau:

$$N_0 = \frac{2N_t \times m}{365} = 23.671 \text{ người (2)}$$

Trong đó:

N_0 : Số dân tạm trú quy đổi về dân số đô thị (người);

N_t : Tổng số lượt khách đến tạm trú ở khu vực nội thành, nội thị và ngoại thành, ngoại thị dưới 6 tháng (người): Dự báo $N_t = 24.000$ người;

m : Số ngày tạm trú trung bình của một khách (ngày): $m = 180$ ngày;

+ Như vậy dân số tính đến năm 2030 (1)+ (2) là: $152.303 + 23.671 = 175.974 \approx 176.000$ người;

* **Dự báo dân số đến năm 2050:**

+ Dân số tăng tự nhiên và cơ học được tính như sau:

$$176.000 \text{ người} \times (1+0,005)^{20} = 194.461 \text{ người} \approx 195.000 \text{ người; (3)}$$

+ Dân số quy đổi: dự báo giai đoạn này lượng dân số quy đổi sẽ ổn định hơn so với giai đoạn trước đó, do việc đi lại trong vùng cũng như các điều kiện và trình độ phát triển giữa các khu vực về kinh tế xã hội cũng đã phát triển và thuận lợi hơn; nhu cầu chuyển đổi số, kinh tế số trong cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 hiện nay nên lượng khách vắng lai này cư trú tại địa phương cũng sẽ giảm và số ngày lưu trú cũng sẽ ít đi, do đó dân số quy đổi là không đáng kể;

+ Như vậy dân số toàn huyện tính đến năm 2050 (3) là: 195.000 người;

* **Kết quả:** quy mô dân số huyện Gia Lộc đến năm 2030 là khoảng **176.000 người**; và đến năm 2050 là khoảng **195.000 người**; cụ thể:

+ Giai đoạn đến năm 2030: dân số toàn huyện là 176.000 người (Tăng 18.700 người so với quy hoạch đã duyệt). Trong đó: dân số trong vùng đô thị khoảng 60.000 người; tỷ lệ đô thị hóa 34%;

+ Giai đoạn 2031- 2050: dân số toàn huyện là 195.000 người (Tăng 4.000 người so với quy hoạch đã duyệt). Trong đó: dân số trong vùng đô thị khoảng: 70.900 người; tỷ lệ đô thị hóa 36,4%.

3.3.2 Dự báo lao động

- Dự báo dựa trên cơ sở lao động hiện trạng và tiềm năng phát triển kinh tế cho tới năm 2050, dựa vào sự phát triển các ngành kinh tế và các dự án đầu tư xây dựng thì nhu cầu lao động được tính toán với hai nguồn lao động chính là lao động tại địa phương đang chuyển dần từ nông nghiệp sang công nghiệp- dịch vụ, hai là lao động từ khu vực khác đến làm việc tại địa phương. Dự báo cơ cấu lao động trong độ tuổi không thay đổi nhiều trong khi cơ cấu lao động theo ngành sẽ có những dịch chuyển đáng kể.

- Tổng nhu cầu lao động chính là sự cân đối cho đầu tư phát triển, thị trường



lao động tự điều tiết nội- ngoại vùng, song phải có chiến lược ưu tiên khai thác lao động tại chỗ nhằm ổn định xã hội, vì vậy trong giai đoạn tới cần chú trọng việc đào tạo nghề, nhất là lao động mất đất tại địa phương.

+ Với sự đầu tư, phát triển mở rộng của các ngành công nghiệp và dịch vụ trong giai đoạn từ nay đến năm 2050 thì nhu cầu về lực lượng lao động trực tiếp tay nghề cao và phổ thông là rất lớn, số lao động trong các ngành công nghiệp và thương mại dịch vụ đều tăng nhanh, số người làm việc trong ngành nông lâm thủy sản sẽ giảm dần và tỷ trọng trong cơ cấu sử dụng lao động. Dự báo số người làm việc trong các ngành phi nông nghiệp chiếm khoảng 85% tổng số lao động vào năm 2050;

+ Để đạt được các mục tiêu về phát triển công nghiệp, thương mại- dịch vụ trên địa bàn huyện Gia Lộc thì phải đòi hỏi nhu cầu lao động là rất lớn, và đặc biệt là lực lượng lao động có chất lượng cao được đào tạo tốt do phát triển công nghiệp cơ bản hàm lượng kỹ thuật cao, dịch vụ chất lượng cao phù hợp với khu vực phát triển và hiện đại. Do vậy, bên cạnh việc đào tạo, phát triển nguồn nhân lực cho toàn nền kinh tế nói chung, cần có kế hoạch cũng như cơ chế chính sách để đào tạo phát triển nguồn nhân lực tại chỗ phục vụ cho các khu công nghiệp theo hướng tạo ra sự kết nối giữa các doanh nghiệp đầu tư sản xuất kinh doanh trong KCN, cụm CN và các cơ sở đào tạo phát triển lao động trên địa bàn và các vùng lân cận.

3.3.3 Dự báo về đất đai

- Thực hiện theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng QCVN 01:2021/BXD (Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ xây Dựng);

3.4. Chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật dự kiến áp dụng

- Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật phải phù hợp với các Nghị quyết của Quốc hội về Phân loại đô thị và Tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính (*Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội về “Phân loại đô thị” và được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022*); (*Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội về “Tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính” và được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022*);

- Các đô thị dự kiến nâng cấp và thành lập mới áp dụng tiêu chí của đô thị loại IV và loại V.

Bảng đánh giá các chỉ tiêu theo tiêu chuẩn đô thị loại IV

Stt	Tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Điểm		Chỉ tiêu của đô thị loại IV	
			Tối thiểu	Tối đa	Cận dưới	Cận trên (>=)
A	B	C	D	E	F	G
I	Tiêu chí 1: Vị trí, chức năng, vai trò, cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế-xã hội (13,5-18đ)					



*Thuyết minh Điều chỉnh Quy hoạch xây dựng vùng huyện Gia Lộc,
tỉnh Hải Dương đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (điều chỉnh lần 2)*

1.1	Tiêu chuẩn vị trí, chức năng, vai trò	-	3,75	5	Là trung tâm tổng hợp hoặc trung tâm hành chính cấp huyện hoặc trung tâm chuyên ngành cấp huyện về kinh tế, tài chính, văn hóa, giáo dục, đào tạo, y tế, du lịch, khoa học và công nghệ, đầu mối giao thông, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của huyện hoặc vùng liên huyện.	Là trung tâm tổng hợp hoặc trung tâm chuyên ngành cấp tỉnh về kinh tế, tài chính, văn hóa, giáo dục, đào tạo, y tế, du lịch, khoa học và công nghệ, đầu mối giao thông, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh hoặc vùng liên huyện.
1.2	Tiêu chuẩn cơ cấu và trình độ kinh tế- xã hội					
1.2.1	Cân đối thu chi ngân sách		1,5	2	Đủ	Dư
1.2.2	Thu nhập bình quân đầu người/tháng so với trung bình cả nước	lần	1,5	2	0,7	1,05
1.2.3	Tăng tỷ trọng công nghiệp- xây dựng và dịch vụ	%	1,5	2	Tăng theo mục tiêu đề ra	Tăng vượt so với mục tiêu đề ra từ 4% trở lên.
1.2.4	Mức tăng trưởng kinh tế trung bình 3 năm gần nhất	%	1,5	2	7,0	8,0
1.2.5	Tăng trưởng tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn so với cả nước	lần	1,5	2	1,15	1,5
1.2.5	Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều	%	1,5	2	5	< 4
1.2.6	Tỷ lệ tăng dân số	%	0,75	1	1	1,4
II	Tiêu chí 2: Quy mô dân số (6-8đ)					
2.1	Dân số toàn đô thị	người	1,5	2	50.000	100.000
2.2	Dân số khu vực nội thành, nội thị	người	4,5	6	20.000	50.000
III	Tiêu chí 3: Mật độ dân số (5-6,5đ)					
3.1	Mật độ dân số toàn đô thị	người/km ²	1,5	2,0	1.200	1.400
3,2	Mật độ dân số tính trên diện tích đất xây dựng đô thị khu vực nội thành, nội thị, thị trấn	người/km ²	4,5	6	4.000	6.000
IV	Tiêu chí 4: Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp (4,5-6đ)					
4.1	Tỉ lệ lao động phi nông nghiệp toàn đô thị	%	1	1,5	55	65



4.2	Tỉ lệ lao động phi nông nghiệp khu vực nội thành, nội thị	%	3,5	4,5	70	80
V	Tiêu chí 5: Trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc, cảnh quan đô thị (45-60đ)					
A. Các tiêu chuẩn trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc, cảnh quan khu vực nội thành, nội thị (36-48)						
A.1 Về hạ tầng xã hội						
5.1	Các tiêu chuẩn về nhà ở					
5.1.1	Diện tích nhà ở bình quân đầu người	m ² sàn/người	0,75	1	28,0	32
5.1.2	Tỷ lệ nhà ở kiên cố	%	0,75	1	85	90
5.2	Các tiêu chuẩn về công trình công cộng					
5.2.1	Đất dân dụng bình quân đầu người	m ² /người	0,75	1	50	80
5.2.2	Đất xây dựng các công trình dv-cc đô thị bình quân đầu người	m ² /người	0,75	1	3	4
5.2.3	Đất xây dựng công trình dv-công cộng cấp đơn vị ở bình quân đầu người	m ² /người	0,75	1	1	1,5
5.2.4	Cơ sở y tế cấp đô thị bình quân trên 10.000 dân	giường/ 10.000 dân	0,75	1	25	30
5.2.5	Cơ sở giáo dục, đào tạo cấp đô thị	Cơ sở	0,75	1	2	5
5.2.6	Công trình văn hóa cấp đô thị	Công trình	0,75	1	2	4
5.2.7	Công trình thể dục, thể thao cấp đô thị	Công trình	0,75	1	2	3
5.2.8	Công trình thương mại, dịch vụ cấp đô thị	Công trình	0,75	1	2	4
A.2 Về hạ tầng kĩ thuật						
5.3	Các tiêu chuẩn về giao thông					
5.3.1	Công trình đầu mối giao thông	Cấp	0,75	1,0	Vùng liên huyện	Vùng tỉnh
5.3.2	Tỷ lệ đất giao thông so với đất xây dựng đô thị	%	0,75	1	12	17
5.3.3	Mật độ đường giao thông đô thị	km/km ²	0,75	1	5	6
5.3.4	Diện tích đất giao thông bình quân đầu người	m ² /người	0,75	1	7	9
5.3.5	Tỉ lệ vận tải hành khách công cộng	%	0,75	1	3	5
5.4	Các tiêu chuẩn về cấp điện và chiếu sáng công cộng					



*Thuyết minh Điều chỉnh Quy hoạch xây dựng vùng huyện Gia Lộc,
tỉnh Hải Dương đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (điều chỉnh lần 2)*

5.4.1	Chỉ tiêu cấp điện sinh hoạt bình quân đầu người	Kwh/ng/năm	0,75	1	400	1000
5.4.2	Tỷ lệ đường phố được chiếu sáng	%	0,75	1	90	95
5.4.3	Tỷ lệ ngõ, ngách, hẻm được chiếu sáng	%	0,75	1	50	70
5.5	<i>Các tiêu chuẩn về cấp nước</i>					
5.5.1	Cấp nước sinh hoạt qua hệ thống cấp nước tập trung bình quân đầu người	lít/ng/ngđ	0,75	1	100	120
5.5.2	Tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung và được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh	%	0,75	1	90	95
5.6	<i>Các tiêu chuẩn đánh giá về viễn thông, công nghệ thông tin</i>					
5.6.1	Số thuê bao băng rộng di động trên 100 dân	thuê bao/100 người	0,75	1	75	100
5.6.2	Tỉ lệ hộ gia đình có kết nối cáp quang	%	0,75	1	65	100
5.6.3	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình	%	0,75	1	25	60
A.3 Về vệ sinh môi trường						
5.7	<i>Các tiêu chuẩn về hệ thống thoát nước và chống ngập úng</i>					
5.7.1	Mật độ đường cống thoát nước chính	km/km ²	1,5	2	3	3,5
5.7.2	Tỉ lệ các điểm ngập úng có giải pháp phòng, chống, khắc phục	%	0,75	1	10	20
5.8	<i>Các tiêu chuẩn về thu gom, xử lý nước thải, chất thải</i>					
5.8.1	Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường	%	0,75	1	70	85
5.8.2	Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật	%	1,5	2,0	15	30
5.8.3	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom	%	0,75	1	80	90
5.8.4	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường	%	0,75	1	65	70
5.9	<i>Các tiêu chuẩn về nhà tang lễ và hỏa táng</i>					



Thuyết minh Điều chỉnh Quy hoạch xây dựng vùng huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (điều chỉnh lần 2)

5.9.1	Nhà tang lễ	Cơ sở	0,75	1	1	2
5.9.2	Tỷ lệ sử dụng hình thức hòa táng	%	0,75	1	5	10
5.10	Các tiêu chuẩn về cây xanh đô thị					
5.10.1	Đất cây xanh toàn đô thị bình quân đầu người	m ² /ng	1,5	2	6	8
5.10.2	Đất cây xanh sử dụng công cộng khu vực nội thành, nội thị bình quân đầu người	m ² /ng	1,5	2	4	5
A.4 Về kiến trúc, cảnh quan đô thị						
5.11.1	Quy chế quản lý kiến trúc đô thị hoặc quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc đô thị	Quy chế	1,5	2	75% các phường, thị trấn thực hiện tốt quy chế	100% các phường, thị trấn đã thực hiện tốt quy chế
5.11.2	Tỷ lệ tuyến phố văn minh đô thị	%	1,5	2	30	40
5.11.3	Số lượng dự án cải tạo, chỉnh trang đô thị, chung cư cũ, cải tạo môi trường đô thị ứng phó biến đổi khí hậu đã có chủ trương đầu tư hoặc đã và đang triển khai thực hiện	Dự án	1,5	2	1	2
5.11.4	Số lượng không gian công cộng của đô thị	Khu	1,5	2	2	4
5.11.5	Công trình kiến trúc tiêu biểu	Công trình	1,5	2	Có 01 công trình là di tích cấp quốc gia hoặc cấp tỉnh hoặc công trình kiến trúc loại I hoặc loại II được cơ quan có thẩm quyền công nhận	Có 01 công trình là di tích cấp quốc gia đặc biệt
5.11.6	Công trình xanh	Công trình	0,75	1	Có 01 công trình xanh đã được cấp giấy chứng nhận	Có 02 công trình xanh trở lên đã được cấp giấy chứng nhận
5.11.7	Khu chức năng đô thị, khu đô thị mới được quy hoạch, thiết kế theo mô hình xanh, ứng dụng công nghệ cao, thông minh	Khu	0,75	1	1	2
B. Nhóm tiêu chuẩn trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc, cảnh quan khu vực ngoại thành, ngoại thị (7,5-10đ)						

- Khu vực nông thôn đảm bảo đáp ứng các tiêu chí quy hoạch xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu của tỉnh Hải Dương (*Quyết định số 1378/QĐ-UBND ngày 07/6/2024 của UBND tỉnh Hải Dương về việc ban hành Bộ*



tiêu chí về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Hải Dương);

- Các chỉ tiêu về đất xây dựng đô thị, đất xây dựng khu dân cư nông thôn, hạ tầng xã hội- kỹ thuật sẽ được xác định cụ thể trong quá trình triển khai lập quy hoạch để phù hợp với điều kiện thực tế và nhu cầu phát triển của từng khu vực, đảm bảo tuân thủ các Quy chuẩn, Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam hiện hành, các Quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất đai được phân bổ và các văn bản khác có liên quan.



PHẦN IV TỔ CHỨC PHÂN VÙNG VÀ YÊU CẦU QUẢN LÝ, PHÁT TRIỂN THEO CÁC PHÂN VÙNG

4.1. Xây dựng mô hình không gian vùng

- Xây dựng vùng huyện Gia Lộc với mục tiêu cụ thể hóa Quy hoạch tỉnh Hải Dương, với các yếu tố tác động đến sự phát triển vùng như sau:

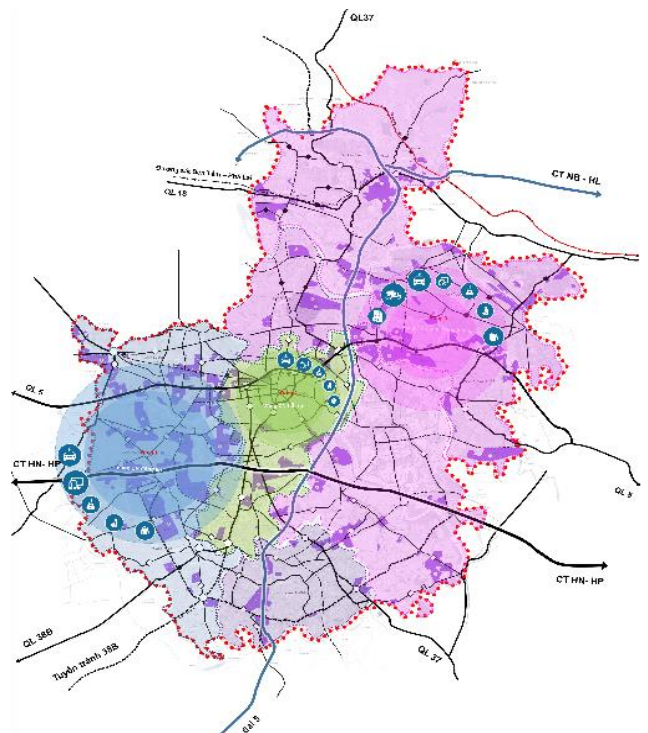
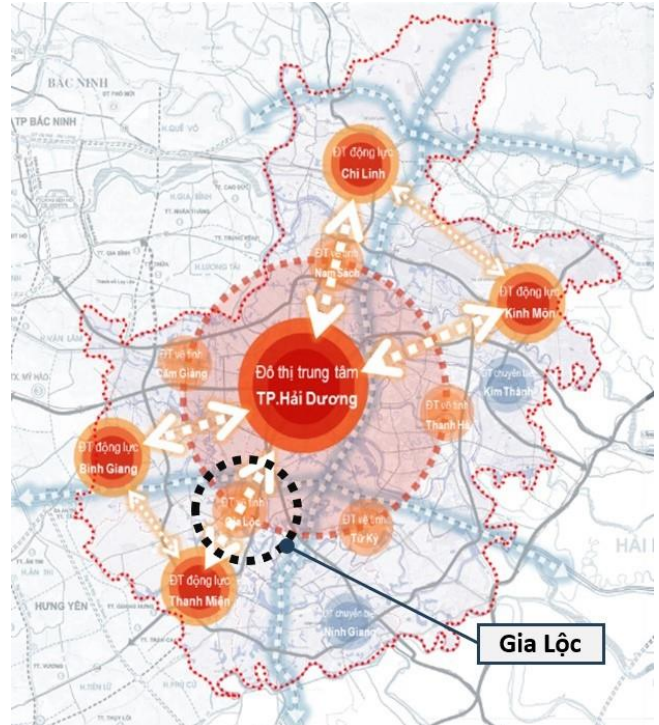
4.1.1 Định hướng phát triển trong tỉnh Hải Dương

a. Định hướng phát triển hệ thống đô thị

- Trong Quy hoạch tỉnh Hải Dương được định hướng hình thành chuỗi liên kết đô thị có tính chất tác động tương hỗ phát triển, trong đó xuất phát điểm là từ đô thị trung tâm TP. Hải Dương với 05 đô thị vệ tinh gồm thị trấn Lai Cách, thị trấn Gia Lộc, thị trấn Tứ Kỳ, thị trấn Thanh Hà, thị trấn Nam Sách và hình thành các đô thị động lực (Chí Linh, Kinh Môn, Bình Giang, Thanh Miện) ở đó xây dựng các khu công nghiệp, hạ tầng cơ sở tạo điều kiện tốt về phục vụ công cộng, sinh hoạt văn hoá, môi trường cảnh quan giống đô thị trung tâm để thu hút lao động, bố trí dân cư và giúp phần giải tỏa đô thị trung tâm. Hình thành các đô thị vệ tinh giúp phân tán bớt dân cho đô thị trung tâm. Đảm bảo đô thị trung tâm phát triển và nhằm tạo điều kiện sống có lợi hơn cho dân cư đô thị. Xây dựng phát triển “Đô thị xanh sinh thái – thông minh – hiện đại – năng động – phát triển bền vững”. Do đó, huyện Gia Lộc có vị trí và vai trò rất quan trọng trong việc hình thành lên chuỗi liên kết đô thị này.

b. Định hướng phát triển không gian công nghiệp

- Quy hoạch tỉnh Hải Dương xác định Gia Lộc là vùng công nghiệp hỗ trợ của tỉnh cùng với tp. Hải Dương, Cẩm Giàng và 1 phần Ninh Giang.

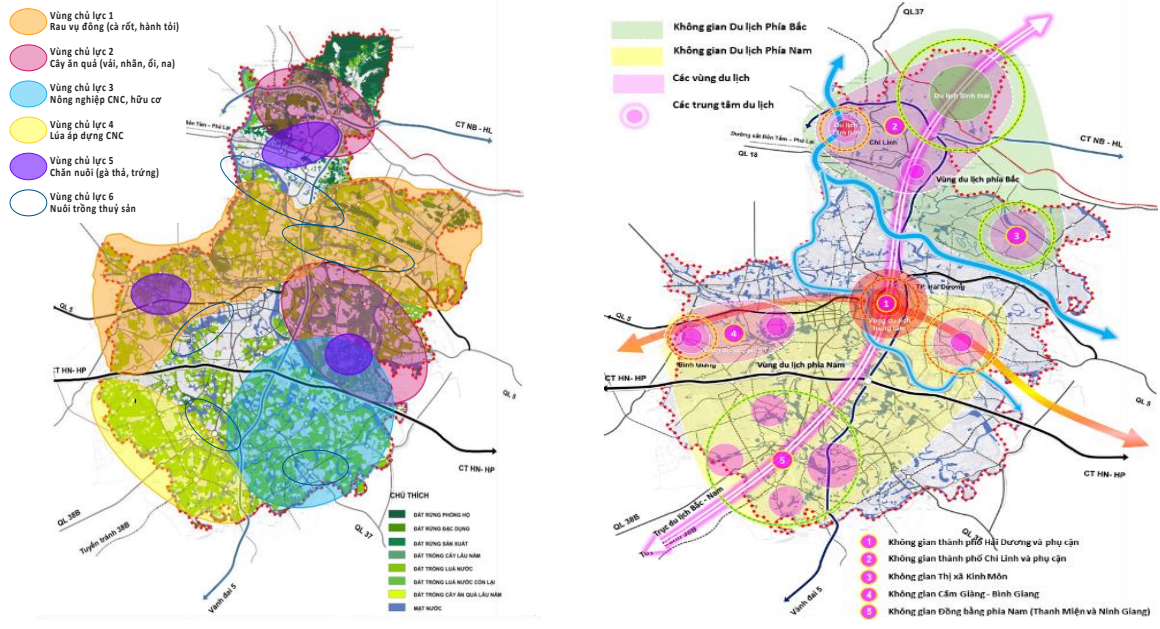


c. Định hướng phát triển không gian Nông nghiệp

- Quy hoạch tỉnh Hải Dương sẽ phát triển trên 6 vùng chính. Trong đó, xác định Gia Lộc là vùng nông nghiệp công nghệ cao, hữu cơ- vùng chăn nuôi chủ lực- vùng nuôi trồng thủy sản.

d. Định hướng phát triển không gian du lịch

- Không gian du lịch thành phố Hải Dương và phụ cận: bao gồm thành phố Hải Dương, một phần không gian của các huyện phụ cận: Nam Sách, Thanh Hà, Gia Lộc, Bình Giang và Cẩm Giàng.



Định hướng phát triển không gian nông nghiệp Định hướng phát triển không gian du lịch

4.1.2 Mô hình phát triển không gian vùng huyện

- Trên cơ sở Quy hoạch tỉnh Hải Dương, có thể thấy trên tổng thể ranh giới tự nhiên của huyện Gia Lộc trung tâm của vùng huyện nằm lệch hẳn về phía Bắc huyện, nơi tập trung các hoạt động kinh tế, văn hóa- xã hội của cả huyện, vì vậy các khu vực khác càng xa khu vực trung tâm thì mức độ ảnh hưởng cũng như lợi thế đến sự phát triển càng giảm. Do đó cần phân tích và xây dựng mô hình vùng huyện cho hợp lý.

a. Xây dựng mô hình không gian đô thị

- Trên cơ sở đó tổ chức tổng thể không gian vùng huyện Gia Lộc theo mô hình 1 đô thị trung tâm và các đô thị vệ tinh cùng với hệ thống các trục vành đai phát triển. Trong đó:

+ Lấy TT. Gia Lộc làm hạt nhân phát triển không gian lan tỏa ra các xã lân cận tạo động lực phát triển cho nội vùng.

+ Hình thành các đô thị Yết Kiêu và Quang Đức (trên cơ sở sát nhập xã Quang Minh với xã Đức Xương) là các đô thị vệ tinh vùng huyện Gia Lộc; tạo động lực phát triển khu vực phía Bắc và phía Nam của huyện; phát huy thế mạnh tại mỗi



đô thị vệ tinh và bổ trợ lẫn nhau tạo thành bức tranh đô thị phát triển hoàn chỉnh và bền vững trên địa bàn huyện Gia Lộc.

b. Xây dựng các trục động lực phát triển

- Các trục ngang:

+ Trục giao thông đường bộ cao tốc Hà Nội- Hải Phòng, Đường sắt Lào Cai- Hà Nội- Hải Phòng là các trục giao thông đối ngoại chính chạy dọc theo hướng Đông - Tây có vai trò chính là liên kết các vùng kinh tế quan trọng của vùng đồng bằng Bắc Bộ, các tỉnh phía Bắc và với nước ngoài (Trung Quốc). Đây là trục phát triển kinh tế mạnh mẽ không những của huyện Gia Lộc mà của tỉnh Hải Dương, với các chức năng tổng hợp dự kiến phát triển mạnh về các lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ - Logistics và đô thị mới;

+ Các trục đường Vành đai I, II của tp.Hải Dương, Trục đường tỉnh ĐT395, 393, 392 đi qua khu vực phía Bắc và phía Nam huyện Khu vực thị trấn Gia Lộc và các xã có liên quan ưu tiên phát triển dịch vụ thương mại, củng cố và xây dựng hệ thống các đô thị và trung tâm xã.

- Các trục dọc:

+ Các trục đường QL38B, QL37, đường trục Bắc- Nam: là những trục không gian chính chạy dọc theo hướng Bắc- Nam có vai trò liên kết với các khu vực phía Bắc và phía Nam với các địa phương lân cận trong vùng như tp.Hải Dương, huyện Thanh Miện, huyện Tứ Kỳ, huyện Ninh Giang và với các tỉnh phía Nam như Hưng Yên, Thái Bình và tp.Hải Phòng; được coi là trục xương sống của huyện Gia Lộc với các chức năng phát triển chính như công nghiệp, sản xuất kinh doanh, đô thị và làng nghề.

- Trục đường tỉnh ĐT393 đi huyện Thanh Miện: tuy hiện nay chưa khai thác tiềm năng của tuyến đường này, trong thời gian tới sẽ là trục giao thông quan trọng trong việc liên kết Gia Lộc với Khu kinh tế chuyên biệt của tỉnh (quy mô 5.300 ha, nằm trên địa bàn 02 huyện Bình Giang và Thanh Miện).

4.2. Phân vùng chức năng và quản lý phát triển vùng

- Kinh tế huyện Gia Lộc trong tương lai định hướng phát triển tăng tỷ trọng như sau: Công nghiệp - dịch vụ, thương mại - Nông nghiệp.

+ Đô thị: Phát triển mạng lưới đô thị vệ tinh dọc các trục không gian quan trọng theo hướng đô thị xanh, thông minh, hiện đại; mang bản sắc riêng.

+ Công nghiệp: Phát triển công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ Nâng cao năng lực cạnh tranh, thu hút đầu tư có chọn lọc tạo sự liên kết theo chuỗi giá trị.

+ Dịch vụ - Du lịch: Dịch vụ sinh thái gắn với phát triển du lịch; Gắn kết các tuyến du lịch sinh thái gắn với quảng bá, phát triển các sản phẩm nông nghiệp; Phát triển vùng chăn nuôi thủy sản quy mô lớn dọc sông Đĩnh Đào kết hợp du lịch sinh thái.

+ Nông nghiệp: Sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung ứng dụng công nghệ cao; Phát triển nông nghiệp thông minh, nông nghiệp hữu cơ để nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững.



4.2.1 Phân vùng chức năng

(Cơ bản giữ nguyên định hướng theo quy hoạch đã phê duyệt.)

- Phát triển phân theo vùng chức năng: Gồm 04 không gian phát triển lớn với các chức năng chính như sau:

+ **Vùng 1:** là khu vực thị trấn Gia Lộc (mở rộng), là trung tâm hành chính, dịch vụ công cộng và đô thị mới;

+ **Vùng 2:** vùng phát triển dịch vụ và đô thị mới;

+ **Vùng 3:** vùng phát triển công nghiệp;

+ **Vùng 4:** vùng phát triển nông nghiệp - du lịch.

- Các không gian đô thị- công nghiệp- nông nghiệp bố trí xen kẽ là các mạch giao thông tạo sự liên kết giữa các không gian trong toàn vùng huyện và với các hệ thống đô thị xung quanh trong nội- ngoại vùng.

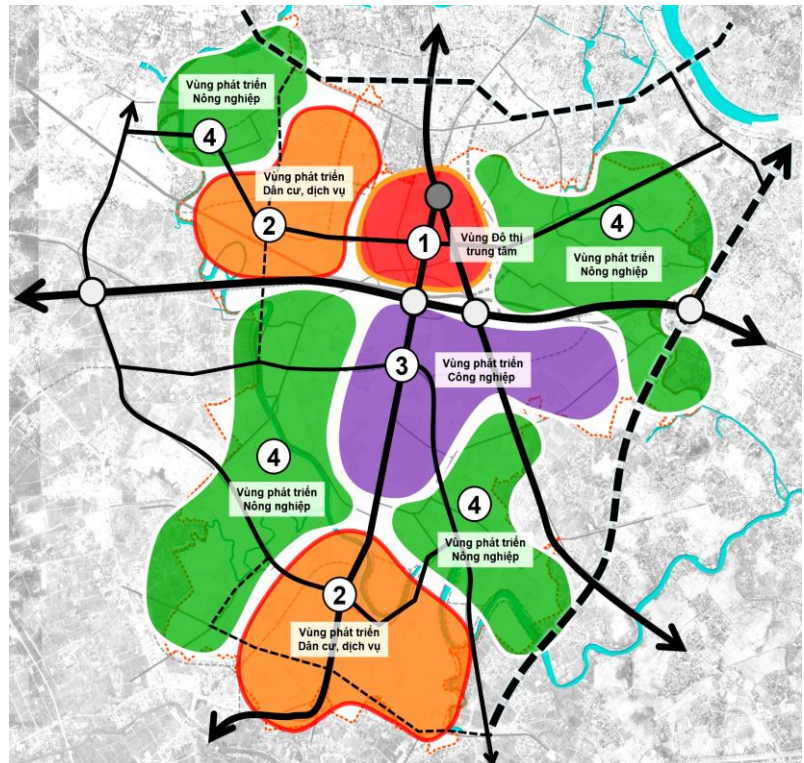
4.2.2 Quản lý phát triển vùng

- Trong quy hoạch xây dựng vùng huyện, việc kiểm soát phát triển các loại vùng khác nhau như vùng đô thị, vùng công nghiệp và vùng nông nghiệp là rất quan trọng để đảm bảo sự phát triển này là cân đối và bền vững. Những biện pháp cần được thực hiện một cách có kiểm soát, có kế hoạch và cân nhắc so sánh để đảm bảo rằng sự phát triển của các loại vùng là phù hợp theo định hướng.

- Vùng phát triển: Tập trung phát triển khu vực trung tâm, quanh các đô thị và công nghiệp: đô thị Gia Lộc, Yết Kiêu, Quang Đức và bao gồm khu vực đông dân cư của các xã xung quanh gắn với việc phát triển công nghiệp, dịch vụ và trên các trục đường quan trọng của huyện của tỉnh;

- Vùng hạn chế phát triển: Bao gồm các khu vực nông thôn, các khu vực canh tác nông nghiệp.

- Vùng cấm phát triển: khu vực các di tích, bao gồm tất cả các di tích đã được và chưa được công nhận; các khu vực bảo vệ cảnh quan thiên nhiên sông nước.



PHẦN V ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KHÔNG GIAN VÙNG

5.1 Quan điểm phát triển không gian vùng

- Cập nhật và tuân thủ đầy đủ các nội dung và định hướng của Quy hoạch tỉnh Hải Dương đã phê duyệt và các quy hoạch của Quốc gia, của vùng, các quy hoạch đã phê duyệt trên địa bàn Huyện và vùng phụ cận có liên quan.
- Phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nói chung và có nghiên cứu nhằm phù hợp với khả năng và nguồn lực tại huyện Gia Lộc.
- Quy hoạch xây dựng vùng huyện đáp ứng các yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội, xây dựng NTM và đảm bảo an ninh quốc phòng.
- Phát triển đô thị và các khu dân cư nông thôn phù hợp với sự phân bố các vùng kinh tế và phù hợp với khả năng phát triển hạ tầng kỹ thuật trong vùng.
- Phát triển các ngành kinh tế dựa vào tiềm năng và lợi thế của Huyện. Chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa và nâng cao tính cạnh tranh của sản xuất kinh doanh.

5.2 Định hướng phát triển hệ thống đô thị và nông thôn

5.2.1 Dự kiến sắp xếp đơn vị hành chính

* Nội dung điều chỉnh:

- Theo phương án tổng thể sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023- 2030 của UBND tỉnh Hải Dương. Tổng số đơn vị hành chính hiện tại của huyện là: 18 đơn vị (bao gồm: 01 thị trấn Gia Lộc và 17 xã);

Đến nay:

- + Thực hiện sát nhập đơn vị hành chính 02 xã: Tân Tiến và Gia Lương thành lập đơn vị hành chính xã mới- xã **Gia Tiến** (diện tích sau khi sát nhập là 6,1862 km²).
- + Thực hiện sát nhập đơn vị hành chính 02 xã: Gia Tân và Gia Khánh thành lập đơn vị hành chính xã mới- xã **Gia Phúc** (diện tích sau khi sát nhập là 8,1318 km²).
- + Thực hiện sát nhập đơn vị hành chính 02 xã: Nhật Tân và Đồng Quang thành lập đơn vị hành chính xã mới- xã **Nhật Quang** (diện tích sau khi sát nhập là 8,8445 km²).
- + Thực hiện sát nhập đơn vị hành chính 02 xã: Quang Minh và Đức Xương thành lập đơn vị hành chính xã mới- xã **Quang Đức** (diện tích sau khi sát nhập là 9,5313 km²).

Như vậy, tổng số đơn vị hành chính của huyện là: **14 đơn vị** (bao gồm: Thị trấn Gia Lộc, các xã Đoàn Thượng, Hoàng Diệu, Hồng Hưng, Lê Lợi, Phạm Trấn, Thống Kênh, Thống Nhất, Toàn Thắng, Yết Kiêu và 04 xã mới: Gia Tiến, Gia Phúc, Nhật Quang, Quang Đức);



+ *Giai đoạn đến năm 2030*: thực hiện sát nhập đơn vị hành chính 02 xã: Đoàn Thượng và Toàn Thắng. Tổng số đơn vị hành chính của huyện là: **13 đơn vị** (Quy hoạch đã duyệt không thực hiện sát nhập).

5.2.2 Định hướng phát triển hệ thống đô thị

Định hướng phát triển đô thị trên địa bàn huyện Gia Lộc phải phù hợp với Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và Quy hoạch tỉnh Hải Dương (tại các Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/02/2021 và Quyết định số 1639/QĐ-TTg ngày 19/12/2023).

- Dự kiến đến năm 2030 huyện Gia Lộc có 03 đô thị (giảm 07 đô thị so với quy hoạch đã duyệt), gồm:

+ Đô thị thị trấn Gia Lộc- loại IV;

+ Đô thị Quang Đức- loại V (quy mô bao gồm diện tích 02 xã dự kiến sáp nhập là *Quang Minh và Đức Xương*);

+ Đô thị Yết Kiêu- loại V.

* *Ghi chú: Việc sắp xếp đơn vị hành chính sẽ tiếp tục được cập nhật sau khi Đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo tuân thủ theo pháp luật về tổ chức chính quyền địa phương và Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 – 2030 và thực hiện theo Đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo tinh thần Nghị quyết số 117/NQ-CP ngày 30/7/2023.*

5.2.3 Định hướng phát triển không gian vùng nông thôn

- Không gian vùng nông thôn huyện Gia Lộc dự kiến có 10 đơn vị hành chính, bao gồm các xã: Hoàng Diệu, Hồng Hưng, Lê Lợi, Phạm Trấn, Thống Kênh, Thống Nhất, Gia Tiến, Gia Phúc, Nhật Quang, Đoàn Thượng- Toàn Thắng.

- Khu dân cư nông thôn sẽ có các trung tâm, các điểm dân cư được bố trí hợp lý trên cơ sở kết hợp giữa sản xuất và an ninh quốc phòng, dựa trên các điều kiện về giao thông, địa bàn sản xuất và nguồn nước.

- Không gian vùng nông thôn cần có sự kiểm soát về không gian phát triển, tránh xây dựng dàn trải- đô thị hóa vùng nông thôn, phát huy các giá trị cảnh quan đặc trưng vùng nông thôn. Thu hẹp dần độ chênh lệch về mọi mặt giữa các vùng đô thị và nông thôn, xây dựng và phát triển nông thôn theo hướng văn minh- hiện đại, xã hội nông thôn ổn định, giàu bản sắc văn hóa dân tộc.

- Khu vực nông thôn có sự tác động của công nghiệp hoá sẽ có sự dịch chuyển cơ cấu kinh tế theo hướng phát triển mạnh các ngành phi nông nghiệp, tạo điều kiện nâng cao thu nhập và mức sống dân cư nông thôn. Tiếp tục huy động nguồn lực đầu tư xây dựng hoàn thiện cơ sở hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật, sản xuất gắn xây dựng và phát triển nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu của tỉnh Hải Dương.

5.3. Định hướng phát triển mạng lưới dân cư

Mạng lưới dân cư đô thị và nông thôn huyện Gia Lộc phân bố và quy hoạch phát triển như sau:

5.3.1. Định hướng phát triển dân cư đô thị

- Dân cư đô thị huyện Gia Lộc đến năm 2030 chủ yếu tập trung tại khu vực thị trấn Gia Lộc. Là khu vực trung tâm của cả huyện nên sẽ thu hút rất nhiều cư dân đến sinh sống và làm việc tại đây. Hiện tại không gian của thị trấn Gia Lộc hiện hữu (từ QL37 trở ra đến giáp QL38B) hiện đã cơ bản phát triển ổn định, quỹ đất dành cho phát triển mới tại khu vực này hầu như không còn. Do vậy, theo quy hoạch tỉnh, quy hoạch chung tp.Hải Dương và các dự án lớn (các dự án động lực) trên địa bàn thì dự kiến sẽ phát triển mở rộng không gian đô thị Gia Lộc ra xung quanh và nhất là về phía Tây thị trấn nơi có tuyến đường Đại lộ 30/10 tp.Hải Dương “đường 62m”, do quỹ đất tại các khu vực này phần lớn là đất nông nghiệp, rất thuận lợi cho việc xây dựng, phù hợp cho phát triển mở rộng.

+ Theo định hướng phát triển chung đô thị của tỉnh Hải Dương, huyện Gia Lộc phát triển đô thị theo mô hình “Phát triển đô thị theo hướng xanh, hiện đại, thông minh, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân”. Các khu dân cư mới các khu dân cư mới được phát triển tập trung thành các khu có quy mô lớn tại trung tâm đô thị và gắn với cấu trúc khu dân cư hiện hữu. Đồng thời để đáp ứng đa dạng nhu cầu về quỹ đất ở, hướng tới tiêu chí đô thị xanh- sinh thái, định hướng xây dựng các khu dân cư, đô thị xanh.

+ Khu dân cư đô thị hiện trạng và dân cư nông thôn phát triển lên đô thị: cần tập ưu tiên trung đầu tư xây dựng, tiếp tục rà soát và phát triển hệ thống hạ tầng xã hội- kỹ thuật đầy đủ và đồng bộ; cải tạo chỉnh trang cảnh quan đô thị cho phù hợp định hướng phát triển đô thị.

5.3.2. Định hướng phát triển dân cư nông thôn

- Mô hình hệ thống các điểm dân cư nông thôn gắn với mô hình xã, gắn với các vùng sản xuất tập trung kết hợp với duy trì và phát triển làng nghề; các điểm dân cư được bố trí trên cơ sở kết hợp giữa sản xuất và an ninh quốc phòng, dựa trên các điều kiện về giao thông và địa bàn sản xuất.

- Không gian vùng dân cư nông thôn dự kiến phân bố tại 02 vùng chính:

+ *Vùng phía Bắc và Đông bắc*: gồm các xã Thống Nhất, Gia Phúc (Gia Tân và Gia Khánh), Gia Tiên (Tân Tiến và Gia Lương), Hoàng Diệu, Hồng Hưng, Toàn Thắng: đây là khu vực phát triển mạnh về đô thị, công nghiệp, dịch vụ; do đó dân cư khu vực này sẽ phát triển nhanh chóng cùng với tốc độ phát triển của Khu công nghiệp, cần bố trí quỹ đất lớn để xây dựng các khu nhà ở công nhân; nhà ở xã hội phục vụ cho phát triển công nghiệp;

+ *Vùng nằm dọc sông Đĩnh Đào*: với các xã Lê Lợi, Đoàn Thượng, Thống Kênh, Phạm Trấn, Nhật Quang (Nhật Tân và Đồng Quang): dân cư bố trí quy hoạch tại các khu vực trung tâm xã và tại các khu vực thuận lợi cho phát triển dân cư tập trung;



- Xây dựng các khu dân cư, điểm dân cư nông thôn theo hướng sinh thái, nhà vườn với hạ tầng kỹ thuật đồng bộ; Cải tạo, xây dựng kiến trúc nhà ở và cơ sở hạ tầng nông thôn phù hợp với điều kiện sống của dân cư theo đặc trưng từng vùng, không phá vỡ cảnh quan sinh thái nông thôn, giảm dần các điểm dân cư nhỏ lẻ đặc biệt là điểm dân cư nằm trong khu vực có mức độ rủi ro tai biến do thiên tai cao, thường xuyên ngập úng.

- Đối với công tác quy hoạch và phát triển các điểm dân cư nông thôn mới cần xây dựng và phát triển phải có quy hoạch; quy mô tập trung, tránh việc bố trí xây dựng dàn trải; xây dựng cơ sở hạ tầng xã hội- kỹ thuật nông thôn đồng bộ và gắn kết với khu dân cư hiện hữu; kiến trúc cảnh quan phù hợp với truyền thống và đáp ứng điều kiện sống mới.

- Đối với phát triển xây dựng các khu đô thị mới, khu dân cư mới, nhà ở phục vụ giãn dân, tái định cư; đặc biệt là các khu nhà ở công nhân phục vụ cho các khu công nghiệp, nhà ở xã hội phải chú trọng đến công tác quản lý và xây dựng theo quy hoạch và sẽ được nghiên cứu rà soát, bổ sung trong quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết, đảm bảo theo đúng quy định pháp luật.

5.3.3. Dự báo nhu cầu sử dụng đất

* Nội dung điều chỉnh: Điều chỉnh quỹ đất phát triển đất ở mới phù hợp với Quy hoạch tỉnh và tuân thủ theo chỉ tiêu phân bổ đất tại quyết định 1427/QĐ-UBND ngày 13/06/2024. Cụ thể:

- Dự báo đến năm 2030: Tổng diện tích đất ở khoảng 1.221ha (giảm 685,8ha so với quy hoạch đã phê duyệt).

Trong đó, đất ở phát triển mới là 175ha. Bao gồm:

+ Đất ở đô thị quy hoạch mới: 72ha.

+ Đất ở nông thôn quy hoạch mới: 103ha.

- Vị trí, quy mô diện tích phát triển đất ở mới (*đô thị, nông thôn*) được xác định cụ thể ở các quy hoạch chung đô thị, quy hoạch chung xây dựng xã, quy hoạch chi tiết xây dựng, đảm bảo phù hợp với chỉ tiêu đất đai được phân bổ; phù hợp quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, chương trình phát triển nhà được phê duyệt; phù hợp Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng và các quy định pháp luật có liên quan.

- Định hướng phát triển đất ở mới tại các khu vực thuận lợi cho việc phát triển đô thị cũng như hỗ trợ cho sự hình thành vùng phát triển công nghiệp như: các khu đô thị mới tại thị trấn Gia Lộc và xã Thống Nhất; các khu dân cư dịch vụ phục vụ công nghiệp tại các xã Thống Nhất, Hoàng Diệu, Toàn Thắng; các điểm dân cư mới tại các xã Hồng Hưng, Toàn Thắng, Quang Đức, Gia Phúc, Gia Tiến, Lê Lợi...

- Định hướng quy hoạch khu dân cư dịch vụ phục vụ - nhà ở xã hội, nhà ở công nhân phía Đông đường tỉnh 399: quy mô khoảng 10ha.

- *Tầm nhìn 2031- 2050*: Căn cứ vào định hướng, nhu cầu phát triển về đô thị, nông thôn, đất ở, quy hoạch sử dụng đất, chương trình phát triển nhà ở sẽ tiếp tục nghiên cứu quy hoạch khu vực phát triển đô thị và khu dân cư nông thôn cho phù hợp quy định và định hướng nhu cầu theo quy hoạch tỉnh.

5.4. Khu vực an ninh quốc phòng

- Trong thời gian qua, tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn huyện Gia Lộc được giữ vững, quốc phòng- quân sự địa phương được củng cố và tăng cường. Thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân trong khu vực phòng thủ được quan tâm xây dựng vững mạnh. Khu vực an ninh quốc phòng trên địa bàn huyện có nhiệm vụ đảm bảo an ninh chính trị, an ninh kinh tế và trật tự an toàn xã hội tại địa phương, gắn với quốc phòng trong khu vực phòng thủ.

- Quy hoạch sử dụng đất an ninh phải đảm bảo sử dụng đất đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp với mục tiêu, yêu cầu nhiệm vụ đảm bảo an ninh chính trị, trật tự, kỷ cương; bảo đảm an ninh kinh tế, xã hội, an ninh mạng, an ninh con người, xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương trên cả nước, từng vùng và từng địa phương.

- Về sử dụng đất: giữ nguyên hiện trạng đất và các công trình quốc phòng trên địa bàn huyện hiện có (là các điểm đất quốc phòng do các đơn vị quân đội đóng quân trên địa bàn hiện đang quản lý, sử dụng, gồm Ban Chỉ huy quân sự huyện, trụ sở công an huyện/xã, và các vị trí đất an ninh quốc phòng khác). Đồng thời, cập nhật các quy hoạch có liên quan đến đất an ninh quốc phòng.

** Nội dung điều chỉnh cụ thể:*

+ *Về đất An ninh*: Quy hoạch quỹ đất sử dụng với mục đích an ninh trên địa bàn huyện, quy mô 37ha. Bao gồm: Đội PCCC&CNCH- Công an huyện Gia Lộc 1,5 ha (tại thị trấn Gia Lộc) và Đội PCCC&CNCH khu vực Gia Lộc thuộc phòng CSPCCC&CNCH 1,5 ha (tại xã Quang Đức). Trụ sở làm việc công an tỉnh Hải Dương 9,85 ha, Trung tâm huấn luyện nghiệp vụ công an Tỉnh 9,5 ha (tại thị trấn Gia Lộc); Cơ sở làm việc Công an huyện Gia Lộc 3,0 ha (tại thị trấn Gia Lộc). Quy hoạch các đất trụ sở làm việc cho lực lượng Công an đảm bảo an ninh trật tự, PCCC&CNCH tại các khu, cụm công nghiệp quy mô từ 1,5 đến 2,0 ha/trụ sở và đất Công an các xã, thị trấn trên địa bàn huyện.

+ *Về đất Quốc phòng*: Quy hoạch quỹ đất sử dụng với mục đích quốc phòng, quy mô 6ha và khoảng 138ha đất địa hình có giá trị quốc phòng.

+ Như vậy, quỹ đất quốc phòng, an ninh điều chỉnh tăng 21,12ha so với quy hoạch đã phê duyệt.

- Về định hướng phát triển đất an ninh quốc phòng phải đảm bảo phát triển kinh tế- xã hội với quốc phòng an ninh trong khu vực phòng thủ, đồng thời đảm bảo phù hợp với quy hoạch sử dụng đất quốc phòng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn huyện Gia Lộc và đất an ninh đối với công an xã, thị trấn (Quyết định số 95/QĐ-TTg ngày 16/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy

hoạch sử dụng đất an ninh thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Quyết định số 7978/QĐ-BCA-H02, ngày 27/10/2022 của Bộ Công an Quy định mức sử dụng đất an ninh trong Công an nhân dân) bố trí tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện và phù hợp với chiến lược bảo vệ an ninh Quốc gia.

* *Diện tích đất an ninh đến năm 2030 thực hiện theo Quy hoạch sử dụng đất an ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; trong quá trình triển khai thực hiện chỉ tiêu đất quốc phòng, đất an ninh được điều chỉnh phù hợp với quy hoạch sử dụng đất quốc phòng, quy hoạch sử dụng đất an ninh.*

5.5. Tổ chức phân bố hệ thống hạ tầng xã hội

* *Nội dung điều chỉnh:*

- Giáo dục: Điều chỉnh quy hoạch trường THPT Gia Lộc 2 ra vị trí mới nằm phía Đông đường tránh QL37, quy mô khoảng 5ha (trường THPT Gia Lộc 2 hiện trạng nằm trong phạm vi dự kiến thực hiện dự án tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng); Mở rộng trường THPT Đoàn Thượng theo chỉ tiêu phân bổ đất;

- Y tế: Điều chỉnh bỏ quy hoạch 03 bệnh viện tại các xã Yết Kiêu, Hồng Hưng, Quang Minh cũ (nay là xã Quang Đức).

- Trụ sở cơ quan, trung tâm văn hóa thể thao: Dự trữ quỹ đất quy hoạch Trung tâm hành chính tập trung. Hệ thống công trình văn hóa - thể dục thể thao nhằm quy hoạch, đầu tư nâng cao 4 các tiêu chí nông thôn mới đối với các trung tâm văn hóa, thể dục thể thao cấp huyện, cấp xã và nhà văn hóa - sân thể thao thôn.

5.5.1. Khu vực phát triển trung tâm hành chính

- *Phát triển trung tâm Huyện:*

+ Trung tâm hành chính huyện Gia Lộc bao gồm các khối hành chính cơ quan, đoàn thể của huyện sẽ vẫn duy trì tập trung tại khu vực trung tâm thị trấn giáp QL37; trong thời kỳ quy hoạch sẽ vẫn tiếp tục ổn định vị trí hiện tại và tiếp tục cải tạo cảnh quan môi trường hiện đại- văn minh.

+ Quy hoạch Khu hành chính tập trung Huyện với quy mô khoảng 5 ha, vị trí dự kiến nằm giáp ĐT393- thị trấn Gia Lộc.

- *Phát triển trung tâm xã:*

+ Khu vực trung tâm phát triển trên cơ sở quy mô trung tâm xã hiện có. Trung tâm các xã được quy hoạch mỗi trung tâm có quy mô diện tích 10-30 ha, bố trí các khu chức năng tập trung như: khu trung tâm hành chính xã, văn hóa - thể thao công cộng, trạm y tế; chợ, cửa hàng dịch vụ, điểm phục vụ bưu chính viễn thông, an ninh, quốc phòng, các điểm trường..., sao cho phù hợp và thuận tiện phục vụ cho người dân.

+ Đối với trung tâm các xã và các xã thực hiện sát nhập: trung tâm hành chính về vị trí, quy mô diện tích, các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật sẽ được xác định cụ thể tại Quy hoạch chung xây dựng xã, Quy hoạch chi tiết xây dựng, đảm bảo phù hợp với chỉ tiêu đất đai được phân bổ; phù hợp Quy hoạch, Kế hoạch sử dụng đất

được cấp có thẩm quyền phê duyệt; đồng thời đảm bảo phù hợp Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về QHXD và các quy định pháp luật có liên quan.

5.5.2. Khu vực phát triển Trung tâm Văn hóa- Y tế- Thể dục thể thao

a. Khu vực phát triển y tế

- Về định hướng phát triển:

+ Giữ nguyên mô hình trung tâm y tế huyện/trạm y tế xã trên địa bàn huyện; tiếp tục thực hiện chức năng điều trị nội trú và ngoại trú cho người dân. Nâng cao chất lượng Trung tâm y tế huyện (hạng II) xây dựng và hoàn thiện cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại, năng lực cả về số lượng và chất lượng nguồn nhân lực y tế có trình độ cao, cung ứng các dịch vụ khám chữa bệnh và điều trị ngày càng cao của nhân dân. Duy trì 100% trạm y tế các xã có bác sỹ và đạt Bộ Tiêu chí quốc gia về y tế xã đảm bảo thực hiện khám chữa bệnh thông thường, cấp cứu sơ bộ, quản lý sức khỏe cho người dân trong địa bàn.

+ Có chính sách ưu tiên phát triển các bệnh viện ngoài công lập (bệnh viện đa khoa, bệnh viện chuyên khoa) tập trung vào các dịch vụ kỹ thuật cao, áp dụng thiết bị công nghệ khám, chữa bệnh hiện đại, giúp người dân có thêm nhiều lựa chọn về dịch vụ chăm sóc sức khỏe. Góp phần giảm tải cho bệnh viện tuyến trên, tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh giữa các cơ sở y tế công lập- tư nhân nhằm nâng cao chất lượng khám chữa bệnh cho nhân dân.

- Nhu cầu về đất xây dựng công trình y tế: ngoài Trung tâm Y tế huyện, dự kiến quy hoạch đất y tế huyện Gia Lộc với quy mô 4ha và Bệnh viện Lão khoa, quy mô 5,17 ha tại thị trấn Gia Lộc; Đối với trạm y tế các xã thực hiện theo quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất của tỉnh cũng như của huyện về đất y tế, tuân thủ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng và các tiêu chuẩn, quy chuẩn chuyên ngành.

b. Khu vực phát triển Văn hóa- thể thao

- Tiếp tục duy trì và phát triển mở rộng hệ thống công trình văn hóa- thể thao cấp huyện và hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở (cấp xã, thị trấn) phục vụ cộng đồng dân cư trên địa bàn huyện; đáp ứng nhu cầu vui chơi, giải trí, sinh hoạt văn hóa cho người dân trong vùng. Các công trình cấp huyện sẽ tiếp tục xây dựng và nâng cao cơ sở vật chất các công trình như Sân vận động, Trung tâm văn hóa, Nhà truyền thống, quy hoạch hệ thống công viên cây xanh- quảng trường..., nhằm góp phần vào cảnh quan chung của thị trấn Gia Lộc hướng tới đô thị loại IV, đáp ứng nhu cầu phục vụ của người dân trong thị trấn và vùng huyện.

- Đối với cấp xã, thị trấn: Hệ thống thiết chế văn hóa cơ sở hiện cơ bản hoàn thành và đã triển khai đến từng thôn, xóm trên địa bàn huyện, đáp ứng được các nhu cầu sinh hoạt văn hóa- văn nghệ, thể dục- thể thao và tổ chức hội họp của nhân dân. Các công trình văn hóa- thể thao vẫn tiếp tục được đầu tư xây dựng theo hướng mở rộng và nâng cao cơ sở vật chất theo quy hoạch xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu của tỉnh Hải Dương; Phù hợp Quyết định số 2164/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 về việc Phê duyệt quy hoạch tổng thể



phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở giai đoạn 2013-2020, định hướng đến năm 2030.

- Nhu cầu về đất xây dựng công trình văn hóa- thể dục thể thao, cây xanh: tuân thủ theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của tỉnh cũng như của huyện, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng QCVN 01:2021 và các quy định hiện hành.

c. Khu vực phát triển Nghiên cứu- đào tạo

- Tiếp tục duy trì và mở rộng diện tích các trường cấp huyện hiện có (gồm có 03 trường THPT: THPT Gia Lộc, THPT Gia Lộc 2 và THPT Đoàn Thượng, và 01 trường TTGDNN-GDTX) và các trường cấp xã/thị trấn (gồm Mẫu giáo, tiểu học, THCS) đảm bảo các cơ sở giáo dục đào tạo đầy đủ về cơ sở vật chất, trang thiết bị trường học đạt chuẩn theo quy định.

- Hệ thống giáo dục của huyện liên thông và kết nối với hệ thống giáo dục của tỉnh; phát triển các mô hình cơ sở giáo dục tự chủ chất lượng cao; khuyến khích xã hội hóa việc hình thành trường liên cấp tư thục, đảm bảo phù hợp với quy hoạch mạng lưới trường học, không những đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế- xã hội của huyện và của tỉnh Hải Dương, giảm bớt khó khăn cho ngân sách nhà nước mà còn đem lại sự đa dạng hóa các loại hình trường lớp, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục trên địa bàn, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu học tập đa dạng của nhân dân; đảm bảo công bằng xã hội trong giáo dục và cơ hội học tập suốt đời cho người dân, từng bước hình thành xã hội học tập.

- Phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp (những nơi có điều kiện gần các khu công nghiệp, khu đô thị mới...) nhằm đáp ứng nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực của huyện cũng như của tỉnh và vùng lân cận, đặc biệt là cung ứng nguồn nhân lực cho Khu kinh tế chuyên biệt của tỉnh giáp ranh với huyện Gia Lộc. Tiếp tục triển khai Đề án và Kế hoạch số 238/KH-UBND ngày 02/02/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Đề án “Phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh, góp phần xây dựng Hải Dương trở thành tỉnh công nghiệp hiện đại vào năm 2030”.

- Đẩy nhanh chuyển đổi số, chuyển biến căn bản nhận thức và nhanh chóng nâng cao năng lực chuyển đổi số của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; Hiện đại hóa cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo của cơ sở giáo dục nghề nghiệp, phù hợp với công nghệ sản xuất của doanh nghiệp. Đổi mới chương trình đào tạo theo hướng mở, linh hoạt. Phát triển đội ngũ nhà giáo, nghệ nhân, chuyên gia, người dạy nghề đủ năng lực tham gia đào tạo các cấp trình độ của giáo dục nghề nghiệp. Gắn kết chặt chẽ giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp và thị trường lao động; Tăng cường ngân sách nhà nước cho giáo dục nghề nghiệp hàng năm. Ưu tiên phân bổ ngân sách cho giáo dục nghề nghiệp trong các chương trình, dự án của tỉnh. Ưu tiên đầu tư cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp có ngành, nghề trọng điểm, trường chất lượng cao.

- Bố trí đủ quỹ đất theo các giai đoạn phát triển: Căn cứ vào dự báo quy mô học sinh, trường, lớp theo từng bậc học theo các giai đoạn quy hoạch, dựa trên định mức diện tích khu đất xây dựng cho từng loại hình trường học được quy định tại QCVN 01:2021 đối với quy mô đất Giáo dục cấp đô thị và cấp đơn vị ở (Thông tư 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng) và Quy mô diện tích khu đất xây dựng trường (m^2 /học sinh) (Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 về Ban hành quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học) thì diện tích đất dành cho Giáo dục trên địa bàn huyện Gia Lộc đến năm 2030 tối thiểu (đối với Mầm non là $12m^2/1$ cháu và $10m^2/1$ học sinh đối với bậc Tiểu học, THCS và THPT) phải đạt là 29,98 ha và đến năm 2030 là 38,72 ha, đến năm 2050 là 42,90 ha.

Bảng quy định quy mô tối thiểu các công trình giáo dục

Loại công trình	Chỉ tiêu tối thiểu	Chỉ tiêu sử dụng đất tối thiểu	Bán kính phục vụ tối đa
1. Trường, điểm trường mầm non	50 cháu/1.000 dân	12 m^2 /cháu	1 km
2. Trường, điểm trường tiểu học	65 học sinh/1.000 dân	10 m^2 / học sinh	1 km
3. Trường trung học cơ sở	55 học sinh /1.000 dân	10 m^2 / học sinh	1 km
4. Trường trung học phổ thông	40 học sinh /1.000 dân	10 m^2 / học sinh	

- Hiện trạng đất cơ sở Giáo dục- đào tạo của huyện là 54,86 ha, về cơ bản đã đáp ứng được cho cả nhu cầu trong tương lai. Tuy nhiên để đảm bảo chất lượng cũng như nâng cao cơ sở vật chất, đồng thời tránh lãng phí tài nguyên đất, thì diện tích đất dự kiến tăng lên 50% so với định mức tối thiểu; theo tính toán diện tích đất dành cho Giáo dục đến năm 2030 phải đạt trung bình là 58,08 ha và đến năm 2050 là 64,35 ha (tức là đến năm 2030 tăng 3,22 ha so với hiện trạng và đến năm 2050 tăng 6,27 ha so với năm 2030): Vị trí, quy mô diện tích phát triển đất giáo dục mới và mở rộng các trường được xác định cụ thể ở các quy hoạch chung đô thị, quy hoạch chung xây dựng xã, quy hoạch chi tiết xây dựng, đảm bảo phù hợp với chỉ tiêu đất đai được phân bổ; phù hợp quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đai được phê duyệt; phù hợp Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng và các quy định pháp luật có liên quan.

+ Dự báo nhu cầu về diện tích đất cần mở rộng cho việc xây dựng phòng học, phòng bộ môn và chức năng, sân chơi bãi tập và các hạng mục phụ trợ khác cho từng cấp học của huyện Gia Lộc. Việc tính toán đảm bảo nguyên tắc:

+ (1) Đối với các cơ sở giáo dục mới thành lập trong thời kỳ quy hoạch cần được bố trí đủ quỹ đất theo quy định về diện tích đất/học sinh, đất xây dựng các khu phòng học, phòng chức năng;

+ (2) Đối với các cơ sở giáo dục hiện tại thực hiện cải tạo, mở rộng diện tích còn thiếu, cần quy hoạch bố trí đảm bảo đủ diện tích cần thiết.

+ Dự kiến quy hoạch trường THPT Gia Lộc 2 ra vị trí mới (*dự kiến nằm giữa khu vực thị trấn Gia Lộc và xã Gia Phúc*), do vị trí hiện tại nằm trong hành lang quy hoạch đường sắt Lào Cai- Hà Nội- Hải Phòng.

5.6. Khu vực phát triển trung tâm thương mại- dịch vụ- Logistics

* *Nội dung điều chỉnh:*

- Dự báo tổng diện tích đất thương mại dịch vụ toàn huyện khoảng 122ha (*giảm 311ha so với quy hoạch đã phê duyệt*).

- Không quy hoạch sân golf tại xã Yết Kiêu, khu thương mại dịch vụ tại xã Yết Kiêu.

- Điều chỉnh quy mô trung tâm dịch vụ, thương mại - logistics tại phía Tây nút giao đường QL38B với cao tốc Hà Nội – Hải Phòng (*bỏ diện tích đất quy hoạch dự kiến phục vụ Liên minh hợp tác xã khu vực miền Bắc*).

- Không quy hoạch khu dịch vụ, thương mại tại thôn Quang Bị và thôn Cầu Lâm, xã Phạm Trấn; thôn Vĩnh Duệ, xã Đồng Quang cũ (*nay là xã Nhật Quang*) và thôn Thung Độ, xã Đoàn Thượng; thôn Cao Duệ, xã Nhật Tân cũ (*nay là xã Nhật Quang*); thôn Ty, xã Đoàn Thượng.

- Quy hoạch mới đất thương mại dịch vụ tại xã Gia Tiến.

- Các điều chỉnh khác: Điều chỉnh và quy hoạch một số điểm dịch vụ thương mại, chợ tại các xã đảm bảo tiêu chí nông thôn nâng cao.

* *Định hướng :*

- Xây dựng Gia Lộc trở thành một trong những trung tâm thương mại- dịch vụ năng động phía Nam của tp.Hải Dương, là đầu mối các hoạt động thương mại- dịch vụ với các vùng xung quanh, đặc biệt là đầu mối các hoạt động giao thương trên trục đường bộ cao tốc Hà Nội- Hải Phòng với các tỉnh và thành phố trong vùng đồng bằng Bắc Bộ.

- Phát triển thương mại- dịch vụ là ngành quan trọng trong cơ cấu kinh tế của huyện, chiếm tỷ trọng lớn trong giá trị sản xuất trên địa bàn, chuyển dịch cơ cấu kinh tế trên địa bàn một cách vững chắc.

- Phát triển thương mại- dịch vụ gắn liền với quá trình phát triển đô thị và công nghiệp- nông nghiệp và các lĩnh vực khác. Hình thành và bố trí xây dựng các trung tâm thương mại tại các đầu mối giao thông, tại các khu đô thị, khu công nghiệp và tại một số trung tâm tiểu vùng.

- Phát triển thương mại, đảm bảo hàng hóa lưu thông suốt, chú trọng công tác tiếp thị và mở rộng thị trường để tiêu thụ sản phẩm nông thủy sản, tạo mọi điều kiện cho mọi thành phần kinh tế tham gia kinh doanh, củng cố thương nghiệp quốc doanh để đảm nhận vai trò hướng dẫn và liên kết các thành phần kinh tế trong hoạt động kinh doanh.

- Phát triển hệ thống thương mại đồng bộ với hệ thống chợ truyền thống được sắp xếp, nâng cấp và hoàn thiện.

- Xây dựng hệ thống dịch vụ chất lượng cao và hàm lượng chất xám cao như dịch vụ tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, dịch vụ viễn thông chất lượng cao.

- Phát triển hệ thống dịch vụ đồng bộ, hiện đại. Phát triển dịch vụ Logistics, cảng, kho bãi và nâng cao năng lực hoạt động vận tải đường bộ, đường thủy và đường sắt hiệu quả, liên tục và thông suốt.
- Nghiên cứu định hướng quy hoạch công trình thể dục thể thao (sân golf) tại khu vực xã Thống Nhất cho giai đoạn sau năm 2030.

5.6.1. Quy hoạch đất thương mại- dịch vụ

- Tiếp tục định hướng khu thương mại- dịch vụ và sản xuất kinh doanh nằm hai bên trục đường Bắc- Nam (thuộc địa phận xã Toàn Thắng và Hồng Hưng);
- Các đất thương mại dịch vụ khác (quy mô nhỏ hơn) sẽ được nghiên cứu cụ thể trong các quy hoạch cấp dưới (Quy hoạch chung đô thị, quy hoạch chung xã...) đảm bảo tuân thủ theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành;
- Xây dựng mới hệ thống siêu thị và phát triển các cửa hàng OCOP xây mới trung tâm thương mại tại thị trấn Gia Lộc và hệ thống siêu thị tại các xã: Gia Phúc, thị trấn Gia Lộc, Quang Đức, Toàn Thắng;
- Nâng cao chất lượng các ngành dịch vụ như: dịch vụ viễn thông, dịch vụ tài chính, dịch vụ sửa chữa, dịch vụ vận tải, logistics, văn hóa giải trí và lưu trú...

5.6.2. Quy hoạch phát triển Logistics

- Là huyện với lợi thế có nút giao đường bộ cao tốc Hà Nội- Hải Phòng với đường QL38B, cùng với hệ thống mạng lưới giao thông mang tính kết nối vùng thuận tiện đến các sân bay (*Nội Bài, Cát Bi, Vân Đồn*) và cảng biển (*Đình Vũ, Lạch Huyện, Cái Lân, Nam Đồ Sơn*). Do đó, trong định hướng Quy hoạch tỉnh Hải Dương có phát triển 01 Trung tâm logistics tại khu vực thị trấn Gia Lộc và xã Toàn Thắng với quy mô khoảng 30 ha, vị trí nằm gần với nút giao cao tốc này;
- Định hướng quy hoạch khu logistics giai đoạn 2030-2050 cạnh ga đường sắt đặt tại huyện Gia Lộc để hỗ trợ phát triển lợi thế giao thông đường sắt trên địa bàn huyện, cũng như thuận tiện kết nối với thành phố Hải Dương, quy mô khoảng 10ha.

5.6.3. Quy hoạch phát triển hệ thống chợ

- Trong thời kỳ quy hoạch, tiếp tục duy trì và phát triển các chợ đã hình thành và đang hoạt động trên địa bàn theo phương châm thường xuyên duy tu, cải tạo hoặc xây dựng lại để đảm bảo các điều kiện cho chợ hoạt động. Đối với các chợ không còn phù hợp theo quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch chung đô thị và quy hoạch của các xã sẽ thực hiện xóa bỏ hoặc di dời, xây dựng ra vị trí mới, để đáp ứng yêu cầu tổ chức hoạt động kinh doanh của các thương nhân và nhu cầu mua sắm của nhân dân trong khu vực.
- Tiếp tục rà soát và phát triển các chợ tại các khu dân cư, khu đô thị trên địa bàn huyện với mục tiêu 100% các xã/thị trấn trên địa bàn huyện đều có chợ (*tùy theo đặc điểm dân cư của từng xã có thể bố trí chợ cho xã hoặc liên xã, bán kính phục vụ đến 1000m- chợ hạng 3*). Vị trí, địa điểm, diện tích xây dựng chợ phải

phù hợp với quy hoạch phát triển mạng lưới chợ, đáp ứng nhu cầu họp chợ trước mắt và khả năng mở rộng quy mô trong giai đoạn sau; đồng thời thỏa mãn các khoảng cách về an toàn phòng cháy chữa cháy và điều kiện an toàn vệ sinh môi trường (Chợ- Tiêu chuẩn thiết kế- TCVN 9211:2012). Không bố trí chợ gần trường học, bệnh viện hoặc những công trình có yêu cầu cách ly về tiếng ồn; Các hướng giao thông tiếp cận chợ phải được phối hợp với hệ thống giao thông chính thuận tiện, đảm bảo lưu thông hàng hóa;

- Nhu cầu sử dụng đất:

+ Đối với đầu tư xây dựng siêu thị và Trung tâm thương mại (TTTM) theo quy chế siêu thị và TTTM diện tích kinh doanh của TTTM hạng 1 > 5ha; TTTM hạng 2 > 3ha; TTTM hạng 3 > 1ha; Siêu thị hạng 1 > 0,5ha; Siêu thị hạng 2 > 0,2ha; Siêu thị hạng 3 > 0,05ha.

+ Chỉ tiêu sử dụng đất xây dựng chợ là từ 0,2- 0,3ha/công trình.

5.6.4. Định hướng phát triển các ngành dịch vụ khác.

- Phát triển dịch vụ vận tải trên các lĩnh vực cả đường bộ, đường sông, đảm bảo tiện lợi, thông suốt. Khuyến khích các thành phần kinh tế cùng tham gia phát triển dịch vụ vận tải. Nâng cao chất lượng, khối lượng và độ an toàn trong vận tải hành khách, hàng hóa trên tất cả các loại hình vận tải.

+ Vận tải hành khách: phát triển thêm một số tuyến xe khách liên tỉnh, chủ yếu là đi Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh, nâng số đầu xe khách hoạt động trên địa bàn huyện để đáp ứng nhu cầu vận tải hàng hoá và đi lại của hành khách. Nâng cấp chất lượng xe khách đảm bảo tiêu chuẩn.

+ Vận tải hàng hoá: dự kiến phát triển thêm xe ô tô vận tải, nâng tổng số đầu xe vận tải, đáp ứng nhu cầu vận tải ngày càng tăng.

+ Nâng cấp và xây dựng mới hệ thống các bến xe đảm bảo cho nhu cầu sử dụng toàn huyện.

- Tài chính: thực hiện đơn giản hoá thủ tục, rút ngắn thời gian kê khai và nộp thuế, bổ sung và thực hiện nhiệm vụ thu ngân sách ngay từ đầu năm. Kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ việc kê khai thuế, phát hiện và xử lý kịp thời các trường hợp kê khai thuế không đúng, không đủ. Tăng cường xử lý các khoản nợ đọng thuế. Tổ chức đối thoại với các doanh nghiệp nhằm tháo gỡ kịp thời những khó khăn vướng mắc trong sản xuất, kinh doanh, thực hiện chính sách thuế.

- Ngân hàng, tín dụng: đẩy mạnh công tác huy động vốn, đáp ứng nhu cầu vốn cho phát triển kinh tế. Phối hợp nâng cao chất lượng tín dụng, đảm bảo an toàn cho hoạt động ngân hàng, góp phần chuyển dịch cơ cấu và tăng trưởng kinh tế của huyện.

5.7. Khu vực phát triển sản xuất công nghiệp

* *Nội dung điều chỉnh:* Tổng diện tích đất công nghiệp là 714ha (giảm 304ha so với quy hoạch đã duyệt).



- Loại bỏ quy hoạch vùng phát triển công nghiệp tại xã Gia Khánh - Gia Lương cũ (nay là xã Gia Tiến).

- Điều chỉnh giảm quy mô vùng công nghiệp Gia Lộc 3 tại xã Thống Nhất và xã Yết Kiêu khoảng 130ha.

Định hướng giai đoạn 2030:

- Tiếp tục triển khai thực hiện và hoàn thiện khu công nghiệp Hoàng Diệu đã duyệt; kêu gọi các nhà đầu tư để từng bước lấp đầy KCN Gia Lộc.

- Tiếp tục triển khai thực hiện và hoàn thiện cụm công nghiệp Toàn Thắng, Yết Kiêu theo quy hoạch.

5.7.1. Mục tiêu, phương hướng

- Phát triển công nghiệp của huyện Gia Lộc phù hợp với định hướng Quy hoạch tỉnh Hải Dương; đến năm 2030 cơ bản toàn thành Mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa, cơ bản trở thành huyện phát triển công nghiệp theo hướng hiện đại; trong đó một số ngành công nghiệp có sức cạnh tranh lớn.

- Phát triển công nghiệp theo hướng quy hoạch tập trung, quy mô lớn. Thu hút các nhà đầu tư lớn, các tập đoàn kinh tế trong và ngoài nước, thu hút các nguồn vốn FDI tham gia đầu tư, xây dựng cơ sở hạ tầng và có những cơ chế, chính sách đặc thù tạo môi trường thuận lợi để thu hút, hấp dẫn các nhà đầu tư; doanh nghiệp đầu tư sản xuất và kinh doanh.

- Chú trọng tới việc đổi mới cách thức tăng trưởng công nghiệp từ chiều rộng sang chiều sâu; từng bước cơ cấu lại các ngành công nghiệp theo hướng phát triển công nghệ cao- xanh- hiện đại. Ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp sinh thái, công nghiệp hỗ trợ. Nâng cao năng lực cạnh tranh, thu hút đầu tư có chọn lọc tạo sự liên kết theo chuỗi giá trị;

- Phát triển công nghiệp gắn với bảo vệ môi trường. Không chấp thuận đầu tư những dự án gây ô nhiễm môi trường, công nghệ lạc hậu, giá trị gia tăng thấp; các dự án đầu tư ngoài khu, cụm công nghiệp đã được quy hoạch. Từng bước chuyển đổi mục đích sử dụng đất các xí nghiệp, nhà máy nhỏ lẻ nằm trong khu dân cư để tạo các quỹ đất cho phát triển đô thị, đảm bảo sử dụng tiết kiệm và có hiệu quả tài nguyên đất đai. Việc xem xét, bố trí quỹ đất công nghiệp phải gắn với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương trong từng giai đoạn, trên nguyên tắc tiết kiệm và sử dụng hiệu quả nguồn lực đất đai. Việc quy hoạch đất công nghiệp cần thực hiện từng bước, gắn với khả năng thu hút đầu tư hạ tầng và đầu tư thứ cấp; gắn với liên kết phát triển vùng, hình thành cụm liên kết ngành.

- Phát triển KCN thời gian tới phải đi đôi với phát triển hạ tầng xã hội như phát triển nhà ở, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng cho người lao động trong các khu công nghiệp và quan tâm bảo vệ môi trường; việc thu hút các dự án đầu tư thứ cấp phải ưu tiên các dự án thâm dụng công nghệ, thân thiện môi trường, công nghệ sạch.

- Đẩy mạnh phát triển các ngành nghề huyện có lợi thế: chế biến nông thủy sản, dệt may, cơ khí, sản xuất vật liệu xây dựng...Củng cố và phát triển các làng nghề hiện có.
- Đổi mới trang thiết bị, tổ chức và quản lý sản xuất; nâng cao năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường. Gắn phát triển công nghiệp với bảo vệ môi trường sinh thái.

5.7.2. Phương án quy hoạch phát triển khu, cụm công nghiệp

- Theo danh mục các khu công nghiệp và cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Hải Dương đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (đã được phê duyệt trong Quy hoạch tỉnh Hải Dương tại Quyết định số 1639/QĐ-TTg ngày 19/12/2023); trong đó trên địa bàn huyện Gia Lộc:

- *Giai đoạn đến năm 2030:*

+ Về Khu công nghiệp: Tiếp tục thực hiện triển khai và hoàn thiện Khu công nghiệp Gia Lộc, quy mô 197,94ha (đã được thành lập, thuộc địa phận các xã Toàn Thắng, xã Hoàng Diệu, xã Hồng Hưng, thị trấn Gia Lộc); Khu công nghiệp Hoàng Diệu, quy mô nghiên cứu quy hoạch khoảng hơn 259ha, trong đó diện tích lập quy hoạch khoảng 245ha (thuộc địa phận các xã Hoàng Diệu, Hồng Hưng, Gia Phúc và thị trấn Gia Lộc); Khu công nghiệp Gia Lộc 3, quy mô khoảng 130ha (thuộc địa phận các xã Thống Nhất và Yết Kiêu).

+ Về Cụm công nghiệp: Tiếp tục thực hiện triển khai cụm công nghiệp Toàn Thắng đã duyệt, quy mô khoảng 73,99 ha (thuộc địa phận các xã Toàn Thắng, xã Đoàn Thượng và xã Hồng Hưng); Cụm công nghiệp Yết Kiêu, quy mô khoảng 61,77 ha (thuộc địa phận các xã Yết Kiêu, xã Lê Lợi, thị trấn Gia Lộc).

Như vậy, đến năm 2030 huyện Gia Lộc có tất cả 03 khu công nghiệp và 02 cụm công nghiệp, tổng diện tích 713,70 ha (giảm 304,30 ha so với QHPD. Trong đó: Không quy hoạch đất công nghiệp tại xã Gia Khánh - Gia Lương; điều chỉnh giảm 220 ha đất quy hoạch khu công nghiệp Gia Lộc 3 tại xã Thống Nhất, xã Yết Kiêu so với quy hoạch đã phê duyệt).

** Các KCN trên địa bàn huyện Gia Lộc được thành lập mới khi đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật;*

Tầm nhìn 2031-2050: Các khu vực có tiềm năng phát triển thành đất công nghiệp (khu công nghiệp) và dự kiến thành lập mới trong trường hợp được bổ sung, điều chỉnh chỉ tiêu sử dụng đất và đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật về khu công nghiệp, được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận. Định hướng quy hoạch 01 cụm công nghiệp tại xã Gia Tiến, quy mô khoảng 55ha.

5.7.3. Định hướng phát triển làng nghề, cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp

- Khuyến khích phát triển các nghề và làng nghề (thuộc danh mục nghề được khuyến khích phát triển theo Nghị định 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn), ưu tiên phát triển ngành nghề nông thôn



của huyện trong giai đoạn tới như: chế biến, sản xuất thực phẩm, đồ gỗ, đồ da và hàng thủ công mỹ nghệ.

- Tiếp tục đầu tư xây dựng, hoàn chỉnh các cơ sở sản xuất, quy hoạch làng nghề tập trung. Quy hoạch đất, tạo mặt bằng thuận lợi và xây dựng cơ sở hạ tầng để thu hút đầu tư vào các điểm Công nghiệp – TTCN. Khuyến khích các hộ có quy mô nhỏ muốn mở rộng quy mô sản xuất, các doanh nghiệp nhỏ vào đầu tư. Tiến hành di chuyển cơ sở sản xuất- TTCN gây ô nhiễm môi trường, tiếng ồn... ra khỏi khu dân cư, phải đưa vào trong cụm CN tập trung, các làng nghề phải có phương án bảo vệ môi trường; kết cấu hạ tầng phải bảo đảm thu gom, phân loại, lưu giữ, xử lý, thải bỏ chất thải theo quy định nhằm tránh ô nhiễm môi trường. Đồng thời cần kết hợp xây dựng, phát triển thương hiệu các sản phẩm của làng nghề truyền thống, kết hợp với thăm quan, du lịch.

- Các cấp chính quyền ở địa phương gắn việc phát triển làng nghề với việc xây dựng NTM, tiếp tục tuyên truyền, vận động chủ trương xây dựng làng nghề, Mở các lớp dạy nghề, truyền nghề, đẩy mạnh liên kết để đào tạo; du nhập nghề mới để giải quyết việc làm tăng thu nhập cho người lao động. Xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu cho các làng nghề và sản phẩm làng nghề truyền thống.

- Về nhu cầu đất đai: Cập nhật các quy hoạch, các dự án sản xuất kinh doanh hiện có hoặc đã được cấp có thẩm quyền chấp thuận đầu tư; dự kiến với quy mô khoảng 80 ha, đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh của người dân và các doanh nghiệp nhỏ tại địa phương.

5.8. Khu vực phát triển nông nghiệp

5.8.1. Mục tiêu, phương hướng

- Đảm bảo vững chắc an ninh lương thực theo kết luận số 81-KL/TW của Bộ Chính trị ngày 29/7/2020 về Bảo đảm an ninh lương thực quốc gia đến năm 2030 và Quyết định số 1975/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính Phủ Ban hành kế hoạch hành động thực hiện Kết luận số 81-KL/TW ngày 29/7/2020 của Bộ Chính trị về “Bảo đảm an ninh lương thực quốc gia đến năm 2030.

- Triển khai xây dựng Đề án "Mỗi xã một sản phẩm tỉnh Hải Dương giai đoạn 2018-2020, định hướng đến năm 2030" (OCOP). Đây là việc làm cần thiết, nhằm phát triển toàn diện khu vực nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn huyện, giới thiệu và bán sản phẩm OCOP trên địa bàn gắn với hoạt động du lịch.

- Phát triển nông nghiệp huyện gắn với sản xuất hàng hóa tập trung, ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ vào trong sản xuất (tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP...), nhằm nâng cao giá tăng giá trị và phát triển bền vững, hướng tới phát triển kinh tế nông nghiệp đa giá trị.

- Lựa chọn sản phẩm có thể mạnh, có thương hiệu của địa phương, tạo mối liên kết chặt chẽ và liên hoàn từ khâu sản xuất, chế biến, bảo quản đến nơi tiêu thụ và hướng đến tiêu thụ sản phẩm ổn định và xuất khẩu... Muốn như vậy cần thu hút hoặc thành lập các doanh nghiệp trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp thành các tổ hợp tác, hợp tác xã và tạo cơ chế khuyến khích các doanh nghiệp vào



đầu tư sản xuất, vì đây chính là đối tượng sản xuất tiên phong trong việc áp dụng tiến bộ khoa học- công nghệ và tìm kiếm thị trường tiêu thụ.

5.8.2. Định hướng phát triển các lĩnh vực

a. Lĩnh vực trồng trọt

- Sản xuất theo hướng chuyên dịch cơ cấu cây trồng, gắn với thị trường tiêu thụ, tổ chức lại sản xuất theo chuỗi giá trị để nâng cao giá trị gia tăng.

- Phát triển mạnh các vùng sản xuất hàng hoá tập trung gắn với bảo quản, chế biến và tiêu thụ theo chuỗi giá trị, ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật nâng cao giá trị các loại cây trồng.

*** Sản xuất lúa:**

- Sử dụng có hiệu quả diện tích đất chuyên trồng lúa sẵn có, giữ ổn định diện tích lúa chất lượng hàng năm. Lựa chọn các giống lúa chống chịu sâu bệnh, phù hợp với điều kiện canh tác để gieo cấy.

- Duy trì ổn định diện tích lúa chất lượng cao hàng năm: chiếm trên 80% diện tích gieo cấy tại các xã trên địa bàn huyện.

- Đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu giống lúa theo hướng nâng cao chất lượng, khả năng kháng sâu bệnh, kết hợp với bố trí lịch thời vụ hợp lý, tránh những bất lợi của thời tiết để đảm bảo sản xuất bền vững, ổn định, nâng cao chất lượng lúa, gạo. Ổn định bộ giống lúa hiện có; tiếp tục khảo nghiệm ở diện rộng để sớm đưa vào cơ cấu sản xuất các giống mới có tiềm năng. Duy trì và nâng cao chất lượng các vùng sản xuất tập trung quy mô 30 ha trở lên.

- Đẩy mạnh ứng dụng cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp để giảm công lao động, giảm chi phí, tăng năng suất cây trồng. Trong đó, ưu tiên cho các khâu tốn nhiều công lao động và ảnh hưởng sức khỏe người sản xuất như cấy bằng máy, phun thuốc trừ sâu, thu hoạch bằng máy.

- Nâng tỷ lệ áp dụng cơ giới hóa trong phun thuốc bảo vệ thực vật (phun bằng máy áp lực, bằng máy bay không người lái, ...).

*** Phát triển rau màu, cây ăn quả:**

- Gia Lộc có truyền thống sản xuất nông nghiệp, nhất là thâm canh rau màu. Do đó sẽ duy trì và mở rộng các loại cây trồng cho hiệu quả kinh tế ổn định; đặc biệt chú ý đưa vào gieo trồng các loại cây cho sản phẩm năng suất, chất lượng cao đáp ứng nhu cầu thị trường;

- Đa dạng cơ cấu các loại rau màu, phát triển mạnh rau màu đang có thị trường tiêu thụ; đưa cơ giới hoá các khâu vào sản xuất rau màu từ làm đất, lên luống, gieo hạt; tăng cường sử dụng các loại giống mới kết hợp với áp dụng quy trình sản xuất an toàn theo hướng VietGap, GlobalGap..., nâng cao chất lượng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Duy trì và mở rộng thêm diện tích ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao, sản xuất trong nhà màng, nhà lưới tập trung, kết hợp tưới nước và bón phân tự động,

bán tự động có hệ thống camera giám sát và thiết bị cảm biến tự động kết nối điện thoại thông minh để điều khiển bón phân, tưới nước tự động từ xa.

- Xây dựng và từng bước mở rộng các vùng sản xuất rau, quả đạt tiêu chuẩn xuất khẩu.

** Lĩnh vực bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm*

- Tranh thủ cơ chế chính sách ưu đãi của tỉnh để đẩy mạnh thu hút đầu tư vào lĩnh vực bảo quản, chế biến nông sản, đặc biệt chế biến sâu các mặt hàng nông sản chủ lực của huyện như: rau, củ quả các loại. Cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp theo hướng tổ chức sản xuất hàng hóa quy mô lớn để tạo nguồn nguyên liệu ổn định cho công nghiệp bảo quản, chế biến.

- Phát triển mạng lưới xay xát, chế biến gạo: Khuyến khích xây dựng các cơ sở xay xát, đánh bóng gạo, đầu tư xây dựng cơ sở xay xát đánh bóng gạo cao cấp nhằm tăng tỷ lệ gạo cao cấp, đáp ứng nhu cầu thị trường.

- Khuyến khích các công ty chế biến xuất khẩu mở rộng quy mô, cải tiến công nghệ, nâng công suất để liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp cho nông dân.

b. Lĩnh vực chăn nuôi

- Phát triển chăn nuôi trang trại theo hướng tập trung, nâng cao năng suất, chất lượng và đảm bảo an toàn dịch bệnh, khuyến khích chăn nuôi ứng dụng những tiến bộ khoa học như công nghệ enzyme thủy phân, đệm lót sinh học, chế phẩm sinh học, biogas,... vào giải quyết triệt để phụ phẩm, chất thải chăn nuôi thành giá trị hữu ích tái sử dụng, bảo vệ môi trường, chăn nuôi đáp ứng tiêu chí sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (chăn nuôi khép kín tự động, bán tự động, có hệ thống làm mát tự động, đệm lót sinh học, nuôi an toàn sinh học,...). Ưu tiên phát triển những sản phẩm chăn nuôi có lợi thế và khả năng cạnh tranh.

- Từng bước giảm chăn nuôi nông hộ trong các khu dân cư. Đến năm 2030 xóa bỏ chăn nuôi nhỏ lẻ trong khu dân cư. Tập trung phát triển chăn nuôi trang trại tập trung xa khu dân cư, an toàn sinh học, đảm bảo vệ sinh môi trường.

- Đối với đàn lợn: Chăn nuôi lợn phát triển theo hướng tập trung, trang trại, chăn nuôi công nghiệp gắn với xây dựng vùng an toàn dịch bệnh, an toàn vệ sinh thực phẩm theo hướng VietGap...

- Đối với đàn gia cầm: Phát triển chăn nuôi gia cầm theo hướng trang trại công nghiệp và chăn nuôi thả có kiểm soát. Chăn nuôi gia cầm theo hình thức công nghiệp chú trọng vào các giống chất lượng cao.

- Đối với đàn trâu, bò: tập trung nâng cao chất lượng giống bằng công tác thụ tinh nhân tạo, tạo ưu thế lai theo hướng lấy thịt chất lượng cao.

- Xây dựng các vùng chăn nuôi trang trại, an toàn dịch bệnh, cung cấp sản phẩm chăn nuôi an toàn đảm bảo vệ sinh thực phẩm. Duy trì và nhân rộng mô hình kinh tế trang trại tại các hộ dân, xây dựng các khu chăn nuôi xa khu dân cư (từ 300 m trở lên), gắn với các biện pháp bảo vệ môi trường và xử lý phòng dịch



bệnh trên đàn gia súc, gia cầm; áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật để tăng năng suất.

c. Lĩnh vực thủy sản

- Chú trọng đầu tư hạ tầng cơ sở, đặc biệt là hệ thống thủy lợi cho các vùng nuôi trồng thủy sản tập trung; tập trung nuôi thâm canh đối tượng thủy sản chủ lực như: cá rô phi đơn tính, cá Trắm cỏ, cá Chép, cá Trôi Ấn Độ, cá Diêu hồng... đây là các giống cá khá dễ tính, ăn tạp, hiệu quả kinh tế cao.

- Tiếp tục đa dạng hóa đối tượng và phương pháp nuôi để nâng cao năng suất, chất lượng; khuyến khích nuôi công nghiệp, quy trình thực hành nuôi tốt, từng bước áp dụng công nghệ cao đảm bảo an toàn dịch bệnh và môi trường. Đặc biệt không sử dụng thuốc, hoá chất, kháng sinh bị cấm trong sản xuất kinh doanh thủy sản để sản phẩm đảm bảo an toàn thực phẩm.

- Nâng cao hiệu quả và duy trì vùng nuôi hiện có, các ao trong khu dân cư, vùng chăn nuôi tập trung gắn với đầu tư hệ thống thủy lợi, xây dựng và cải tạo cơ sở hạ tầng: đường giao thông, cấp thoát nước, đường điện...

- Duy trì và mở rộng các mô hình nuôi thủy sản có năng suất cao áp dụng đồng bộ các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất; tập trung vào các đối tượng nuôi truyền thống theo phương thức thâm canh và bán thâm canh cải tiến. Các diện tích ao nhỏ lẻ trong khu dân cư sẽ tập trung chỉnh trang để nuôi trồng phục vụ mục đích sinh thái, điều hòa không khí, giảm áp lực nên hạ tầng thủy lợi...

- Tăng cường hỗ trợ kết cấu hạ tầng sản xuất cho các hợp tác xã nông nghiệp, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp thu gom, sơ chế, chế biến thủy sản vừa và nhỏ, khuyến khích hợp tác xã nông nghiệp tập trung đất đai, cơ sở hạ tầng, xây dựng, hình thành các vùng sản xuất quy mô lớn; hình thành 5 chuỗi giá trị khép kín từ sơ chế, chế biến, bảo quản, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp cho thành viên và hộ nông dân.

5.8.3. Quy hoạch các vùng sản xuất

*** Nội dung điều chỉnh:**

- Đảm bảo diện tích đất nông nghiệp theo chỉ chỉ tiêu phân bổ một số loại đất cấp tỉnh. Theo đó, đến năm 2030 duy trì tổng diện tích đất nông nghiệp toàn huyện khoảng 5.069ha (tăng 1.094ha so với quy hoạch đã được duyệt).

- Duy trì diện tích đất trồng lúa còn khoảng 3.522ha. Diện tích các loại đất nông nghiệp khác khoảng 1.547ha.

a. Quy hoạch vùng sản xuất nông nghiệp:

*** Vùng trồng lúa, rau màu.**

- Vùng ưu tiên trồng lúa, hoa, rau, củ, quả áp dụng công nghệ mang giá trị kinh tế cao phân bổ tại các xã như sau: Thống Nhất, khu vực xã Yết Kiêu, Lê Lợi, Phạm Trấn, Nhật Quang, Thống Kênh, Hoàng Diệu, Gia Tiến, Quang Đức.

- Vùng bảo vệ nghiêm ngặt diện tích khoảng 1.570 ha. Vùng trồng lúa có thể xem xét chuyển đổi mục đích sử dụng đất khác khoảng 200 ha.

- Vùng trồng lúa áp dụng công nghệ mang lại giá trị kinh tế cao với tổng diện tích khoảng 583 ha phân bố tại các xã Yết Kiêu, diện tích khoảng 32 ha; xã Gia Ti, diện tích khoảng 56 ha; xã Phạm Trấn, diện tích khoảng 101 ha; xã Nhật Quang, diện tích khoảng 130 ha; xã Quang Đức, diện tích khoảng 68 ha; xã Thống Kênh, diện tích khoảng 102 ha.

- Vùng ưu tiên phát triển rau màu tại các xã Lê Lợi, Gia Phúc, Phạm Trấn, Nhật Quang.

* *Vùng sinh thái thủy sản, mô hình VAC.*

- Vùng sinh thái thủy sản tập trung tại các xã: Gia Tiên, Yết Kiêu, Lê Lợi, Đoàn Thượng, Phạm Trấn, Nhật Quang, Quang Đức.

- Sinh thái thủy sản kết hợp với du lịch diện tích khoảng 176ha tại xã Đoàn Thượng và Lê Lợi.

* *Cây ăn quả.*

- Vùng trồng cây ăn quả phân bố nhiều ở khu vực các xã: Phạm Trấn, Nhật Quang, Gia Tiên.

- Đất trồng cây ăn quả quy hoạch: nằm trong vùng sinh thái thủy sản (mô hình VAC). Tỷ lệ diện tích đất vườn cây và đất ao sẽ được cụ thể tại các quy hoạch chung, quy hoạch thành phần khác.

b. Quy hoạch vùng chăn nuôi, giết mổ tập trung

- Phát triển chăn nuôi tập trung, thủy sản theo hướng công nghiệp, trang trại gắn với vùng an toàn dịch bệnh và đảm bảo vệ sinh môi trường. Mục tiêu đến năm 2030, tỷ trọng giữa chăn nuôi tập trung trang trại và chăn nuôi nhỏ lẻ là 60:40 và định hướng đến năm 2050 là 70:30.

- Quy hoạch đất dành cho chăn nuôi khoảng 30 ha tại xã Yết Kiêu.

- Khu giết mổ tập trung gồm 02 điểm giết mổ tập trung (bán công nghiệp loại I, quy mô mỗi điểm khoảng 1 ha tại xã Yết Kiêu và Gia Tiên, đáp ứng cho khoảng 80 - 85% nhu cầu giết mổ trên địa bàn; đảm bảo bán kính phục vụ giết mổ cho các vùng chăn nuôi.

- Các lò giết mổ quy mô công nghiệp thực hiện nghiêm đánh giá tác động môi trường, cam kết môi trường đối với các chủ cơ sở giết mổ, đảm bảo chất thải, nước thải được thu gom, xử lý đúng theo các quy định hiện hành về môi trường. Đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm cung ứng ra thị trường.

- Đề xuất bổ sung quy hoạch sử dụng đất dành cho phát triển chăn nuôi với diện tích 05ha/01 vùng tại các vùng nuôi trồng thủy hải sản tập trung có diện tích >20ha/01 vùng.

c. Quy hoạch vùng nuôi trồng thủy sản



- Quy mô diện tích đất nuôi trồng thủy sản của huyện đến năm 2030 giữ ổn định ở mức 1.100 ha. Các vùng nuôi trồng thủy sản lớn tập trung (trên 20ha/vùng) tại các xã Nhật Quang, xã Yết Kiêu, Hoàng Diệu gắn với áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật nâng cao năng suất, hiệu quả nuôi trồng và bảo vệ môi trường theo định hướng phát triển bền vững.

- Duy trì, phát triển ổn định nuôi trồng thủy sản trong quy hoạch của huyện Gia Lộc gắn với phát triển du lịch, thương mại dịch vụ của Chính phủ cũng như của UBND tỉnh đề ra (*Quyết định số 922/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021- 2025 và Quyết định số 2864/QĐ-UBND ngày 30/9/2021 của UBND tỉnh Hải Dương về việc ban hành Đề án Phát triển du lịch chất lượng cao tỉnh Hải Dương giai đoạn 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050*).

5.9. Khu vực phát triển du lịch

5.9.1. Định hướng chung

- Theo định hướng Quy hoạch tỉnh Hải Dương phát triển du lịch của tỉnh theo hướng chuyên nghiệp hiện đại, sản phẩm du lịch đặc sắc, hấp dẫn trong đó chú trọng du lịch văn hóa và du lịch sinh thái; đẩy mạnh liên kết với các địa phương trong vùng đồng bằng sông Hồng và các khu, điểm du lịch khác để hình thành các tuyến du lịch văn hóa, du lịch sinh thái nội tỉnh và liên tỉnh.

- Tổ chức xây dựng và thực hiện phát triển sản phẩm, kết nối thành tour tuyến du lịch, xúc tiến quảng bá đầu tư du lịch, xây dựng thương hiệu du lịch chung; hợp tác các sở, ngành trong tỉnh với các cơ quan của Trung ương và liên kết các tỉnh phụ cận trong lĩnh vực du lịch, xúc tiến đầu tư xây dựng mới và nâng cấp hệ thống giao thông liên kết du lịch kết nối huyện Gia Lộc với các huyện, thị xã, ở các địa bàn trọng điểm theo chuỗi kết nối, gắn chặt du lịch của Huyện với du lịch Tỉnh, trong đó Gia Lộc đóng vai trò là một trung tâm kết nối du lịch của Tỉnh với các vùng lân cận như Hưng Yên, Thái Bình và Hải Phòng để mở các tua, tuyến du lịch tới tỉnh Hải Dương và ngược lại.

- Triển khai thực hiện tốt Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 (*Quyết định số 922/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ*) và Đề án Phát triển du lịch chất lượng cao tỉnh Hải Dương giai đoạn 2021–2030, tầm nhìn đến năm 2050 của tỉnh Hải Dương (*Quyết định số 2864/QĐ-UBND ngày 30/9/2021*). Trong đó, huyện sẽ tiếp tục đầu tư phát triển, xây dựng sản phẩm du lịch, nâng cao chất lượng dịch vụ du lịch của huyện; đẩy mạnh các hoạt động thông tin quảng bá, xúc tiến đầu tư du lịch, tăng cường liên kết hợp tác phát triển du lịch tại các địa phương, xây dựng video, clip quảng bá du lịch, xuất bản, phát hành sách, các ấn phẩm cầm nang về du lịch, tài liệu thuyết minh giới thiệu các di tích lịch sử - văn hóa tiêu biểu và các điểm du lịch trên địa bàn huyện. Phát triển du lịch phải gắn liền với bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống, phát huy những lợi thế, cơ hội phát triển của từng vùng và bảo vệ môi trường.

- Yêu cầu đối với phương án quy hoạch hệ thống giao thông, thủy lợi, đô thị, các khu chức năng, phương án phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật, phát triển hệ thống giao thông, đầu nối hạ tầng kỹ thuật, thông tin liên lạc... phải đảm bảo không ảnh hưởng đến cảnh quan, môi trường- sinh thái của di tích đã được xếp hạng, kiểm kê và không gian thực hành di sản văn hóa phi vật thể của cư dân trong khu vực và cần được thực hiện theo quy định của pháp luật về di sản.

5.9.2. Định hướng phát triển các sản phẩm du lịch

- Phát triển du lịch huyện Gia Lộc chuyên nghiệp hiện đại, sản phẩm du lịch đặc sắc, hấp dẫn trong đó chú trọng du lịch văn hóa và du lịch sinh thái, nông nghiệp nông thôn, nghỉ dưỡng, làng nghề; đẩy mạnh liên kết với các địa phương trong tỉnh, ngoài tỉnh và các khu, điểm du lịch khác để hình thành các tuyến du lịch văn hóa, du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng nội tỉnh và liên tỉnh...

- Xây dựng các tuyến du lịch: Khai thác lợi thế về giao thông huyện Gia Lộc, xây dựng 2 tuyến du lịch: Thành phố Hải Dương - Gia Lộc - Thanh Miện và tuyến thành phố Hải Dương - Gia Lộc - Ninh Giang, trong đó:

+ *Tuyến du lịch Thành phố Hải Dương - Gia Lộc - Thanh Miện*, thông qua QL38B sẽ phát triển du lịch văn hóa tâm linh: Các tuyến du lịch chính sẽ là: Tham quan lễ hội đền Quát- đền Cuối- đền Đuối; tham quan đình- đền- chùa Đồng Bào; Tham quan phường rối nước Lê Lợi- Câu lạc bộ nghệ thuật diễn xướng hầu Thánh. Tham quan Nhà tưởng niệm Lê Thanh Nghị, đền thờ Nguyễn Chế Nghĩa...; Đây cũng được coi là những điểm du lịch hấp dẫn của địa phương.

+ *Tuyến du lịch thành phố Hải Dương - Gia Lộc - Ninh Giang*, thông qua QL37 sẽ phát triển du lịch làng nghề như: Tham quan làng nghề giấy da truyền thống tại các thôn Phong Lâm- Văn Lâm- Trúc Lâm- Nghĩa Hy của xã Hoàng Diệu; nghề mây tre đan ở Thị trấn Gia Lộc, nghề thêu Ren- ở xã Yết Kiêu và xã Thống Kênh; Nghề Mộc Đúc Đại, gò Tôn ở xã Yết Kiêu. Kết hợp du lịch trải nghiệm các sản phẩm OCOP tại địa phương; tham quan trải nghiệm làm giò, chả, làm bún Đông Cạn- xã Gia Tiến; một số ngành nghề mới hình thành và phát triển như chế biến nông sản, xiên móc, thêu khung tranh....

+ *Khái thác lợi thế về cảnh quan sông nước*: phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng: Không chỉ du lịch văn hóa tâm linh, làng nghề mà du lịch sinh thái nghỉ dưỡng cũng rất tiềm năng nếu khai thác tốt sẽ là điểm đến du lịch hứa hẹn rất phát triển tại Gia Lộc nơi có con sông Đĩnh Đào hiền hòa chảy qua, khai thác cảnh sắc thiên nhiên dọc 2 bên sông như các loại hình giải trí, lưu trú, ẩm thực ăn uống... nhằm khai thác triệt để các lợi thế và tài nguyên tự nhiên, tài nguyên văn hóa của địa phương.

- Đồng thời gắn kết các địa điểm du lịch của huyện với các tuyến du lịch trong và ngoài tỉnh tạo nên những chuỗi sản phẩm du lịch hấp dẫn: Khu du lịch sinh thái Đảo Cò xã Chi Lăng Nam (Thanh Miện). Đền Tranh (Ninh Giang). Văn miếu Mao Điền (Cẩm Giàng). Côn Sơn – Kiếp Bạc, các điểm du lịch văn hoá khác (Chí Linh); Du lịch sinh thái Sông Hương (Thanh Hà). Động Kính Chủ, đền

Cao...(Kinh Môn). Gắn kết các tuyến du lịch sinh thái với du lịch làng nghề đặc sắc khác trong tỉnh: Gốm Chu Đậu (Nam Sách). Thêu ren (Tứ Kỳ); Gõ Đông Giao (Cẩm Giàng)...góp phần vào sự phát triển chung của du lịch tỉnh nhà;

5.9.3. Định hướng bảo tồn và phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh

- Bảo quản di tích lịch sử - văn hoá, danh lam thắng cảnh, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia với mục tiêu phòng ngừa và hạn chế những nguy cơ làm hư hỏng mà không làm thay đổi những yếu tố nguyên gốc vốn có của di tích lịch sử - văn hoá, danh lam thắng cảnh, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia.

- Nhà nước thống nhất quản lý di sản văn hoá thuộc sở hữu toàn dân; công nhận và bảo vệ các hình thức sở hữu tập thể, sở hữu chung của cộng đồng, sở hữu tư nhân và các hình thức sở hữu khác về di sản văn hoá theo quy định của pháp luật.

- Quyền sở hữu, quyền tác giả đối với di sản văn hoá được xác định theo quy định của Luật Di sản Văn hóa, Bộ Luật Dân sự và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

- Mọi di sản văn hoá trên địa bàn huyện, có xuất xứ ở trong nước hoặc từ nước ngoài, thuộc các hình thức sở hữu, đều được bảo vệ và phát huy giá trị.

- Bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá nhằm nâng cao đời sống tinh thần của nhân dân, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; khuyến khích tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài đóng góp, tài trợ cho việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá.

- Đầu tư cho công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ trong việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá.

- Tuyên truyền, phổ biến rộng rãi ở trong nước và nước ngoài các giá trị di sản văn hoá của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, góp phần nâng cao ý thức bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá trong nhân dân.

- Di sản văn hoá Việt Nam được sử dụng nhằm mục đích:

+ Phát huy giá trị di sản văn hoá vì lợi ích của toàn xã hội.

+ Phát huy truyền thống tốt đẹp của cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

+ Góp phần sáng tạo những giá trị văn hoá mới, làm giàu kho tàng di sản văn hoá Việt Nam và mở rộng giao lưu văn hoá quốc tế.

+ Khu vực di tích và vùng được xác định là yếu tố gốc cấu thành di tích, phải được bảo vệ nguyên trạng.

+ Vùng bao quanh khu vực bảo vệ di tích, có thể xây dựng những công trình phục vụ cho việc phát huy giá trị di tích nhưng không làm ảnh hưởng tới kiến trúc, cảnh quan thiên nhiên và môi trường- sinh thái của di tích.

- Việc bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích phải được lập quy hoạch, dự án trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, trừ trường hợp sửa chữa nhỏ không

ảnh hưởng đến yếu tố gốc cấu thành di tích và phải bảo đảm giữ gìn tối đa những yếu tố gốc cấu thành di tích.,

- Nghiêm cấm các hành vi sau đây:
 - + Chiếm đoạt, làm sai lệch di sản- văn hoá, danh lam thắng cảnh;
 - + Huỷ hoại hoặc gây nguy cơ huỷ hoại di sản văn hoá;
 - + Đào bới trái phép địa điểm khảo cổ; xây dựng trái phép, lấn chiếm đất đai thuộc di tích lịch sử- văn hoá, danh lam thắng cảnh;
 - + Mua bán, trao đổi và vận chuyển trái phép di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia thuộc di tích lịch sử- văn hoá, danh lam thắng cảnh và di vật, cổ vật, bảo vật Quốc gia có nguồn gốc bất hợp pháp; đưa trái phép di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia ra nước ngoài;
 - + Lợi dụng việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá để trục lợi, hoạt động mê tín dị đoan và thực hiện những hành vi trái pháp luật.

5.9.4. Định hướng khảo cổ

- Mọi di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia thu được trong quá trình thăm dò, khai quật khảo cổ và do tổ chức, cá nhân phát hiện, giao nộp phải được tạm nhập vào kho bảo quản của bảo tàng cấp tỉnh nơi phát hiện. Bảo tàng cấp tỉnh có trách nhiệm tiếp nhận, quản lý và báo cáo Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.
- Căn cứ vào giá trị và yêu cầu bảo quản di vật, cổ vật, bảo vật, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quyết định giao di vật, cổ vật đó cho vào bảo tàng công lập có chức năng thích hợp để bảo vệ và phát huy giá trị.
- Di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia thuộc sở hữu nhà nước, sở hữu của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị- xã hội phải được quản lý trong các bảo tàng và không được mua bán, tặng cho; di vật, cổ vật thuộc các hình thức sở hữu khác được mua bán, trao đổi, tặng cho và để thừa kế ở trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật; bảo vật quốc gia thuộc các hình thức sở hữu khác chỉ được mua bán, trao đổi, tặng cho và để thừa kế ở trong nước theo quy định của pháp luật.
- Việc mang di vật, cổ vật ra nước ngoài phải có giấy phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về văn hoá, thể thao và du lịch.
- Việc mua bán di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia được thực hiện theo giá thỏa thuận hoặc tổ chức đấu giá. Nhà nước được ưu tiên mua di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia.

5.10. Các quy hoạch thực hiện theo các giai đoạn phát triển

- Công tác lập và quản lý quy hoạch trên địa bàn huyện Gia Lộc trong những năm qua có nhiều chuyển biến tích cực; tỷ lệ phủ kín quy hoạch và chất lượng quy hoạch từng bước được cải thiện. Công tác quy hoạch và quản lý quy hoạch đã bám sát mục tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội và thu hút đầu tư của huyện và của các địa phương; làm cơ sở để các xã xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn kiểu mẫu của huyện. Tuy nhiên, do các yếu tố khách quan

cũng như các định hướng lớn và mới có tính đột phá trong phát triển kinh tế xã hội của tỉnh cũng như của huyện, cùng với đó là các Chủ trương, chính sách của Đảng và nhà nước trong công cuộc “Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc” cũng đã tác động không nhỏ đến những định hướng phát triển của huyện cũng như của tỉnh Hải Dương. Vì vậy, cần có sự điều chỉnh đề thích ứng và phù hợp với những vận hội phát triển mới. Do đó, đề án Điều chỉnh quy hoạch vùng sau khi được phê duyệt, cần phải rà soát, điều chỉnh lại các đề án quy hoạch đô thị và nông thôn cho phù hợp với các định hướng mới; đồng thời định kỳ xem xét, rà soát, đánh giá quá trình thực hiện để kịp thời điều chỉnh phù hợp với tình hình phát triển kinh tế-xã hội theo từng giai đoạn. (Định kỳ rà soát quy hoạch xây dựng là 05 năm đối với quy hoạch chung và quy hoạch phân khu, 03 năm đối với quy hoạch chi tiết kể từ ngày quy hoạch xây dựng được phê duyệt) các kế hoạch thực hiện như sau:

- + Công tác lập quy hoạch chung đô thị: đối với các đô thị trong kế hoạch nâng cấp (đô thị loại IV, loại V);
- + Quy hoạch chung xây dựng xã: tiếp tục thực hiện quy hoạch các xã theo tiêu chí nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu của tỉnh;
- + Các quy hoạch chi tiết xây dựng, quy hoạch chi tiết điểm dân cư nông thôn khu vực ngoài đô thị; các dự án hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội; thiết chế văn hóa, công trình an ninh quốc phòng...; căn cứ vào đề án Quy hoạch vùng, quy hoạch chung đô thị và quy hoạch chung xây dựng xã làm cơ sở thực hiện lập quy hoạch, các dự án đầu tư trên địa bàn.

5.11. Dự báo nhu cầu sử dụng đất

Bảng: Tổng hợp chỉ tiêu cơ cấu sử dụng đất

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	QH đến năm 2030		
		Quy hoạch đã duyệt (ha)	Quy hoạch điều chỉnh (ha)	Chênh lệch (ha)
	Tổng diện tích tự nhiên	9.971,1	9.971,1	0,0
I	Đất nông nghiệp	3.975,47	5.069	1.093,53
1	Đất trồng lúa	2.674,76	3.522	847,24
2	Các loại đất nông nghiệp khác	57,66	1.547	1.489,34
II	Đất phi nông nghiệp	5.995,63	4.902,1	-1.093,53
1	Đất khu ở	1.906,8	1.221	-685,8
<i>a</i>	<i>Đất ở tại nông thôn</i>	-	1.052	-
<i>b</i>	<i>Đất ở tại đô thị</i>	-	169	-
2	Đất công nghiệp	1.018	714	-304
<i>a</i>	<i>Khu công nghiệp</i>	-	578	-
<i>b</i>	<i>Cụm công nghiệp</i>	-	136	-
3	Đất sản xuất kinh doanh PNN	193,15	137	-56,15
4	Đất quốc phòng, an ninh	21,88	43	21,12
<i>a</i>	<i>Đất quốc phòng</i>	-	6	-
<i>b</i>	<i>Đất an ninh</i>	-	37	-
5	Đất thương mại dịch vụ	432,45	122	-310,45

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	QH đến năm 2030		
		Quy hoạch đã duyệt (ha)	Quy hoạch điều chỉnh (ha)	Chênh lệch (ha)
6	Đất phát triển hạ tầng (Văn hóa, y tế, giáo dục đào tạo, TDTT, năng lượng, bưu chính viễn thông....)	1.751,55	2.224	472,45
7	Các loại đất có chức năng PNN khác	671,8	441,1	-230,7
III	Đất chưa sử dụng	0	0	0

- Như vậy, so với quy hoạch đã duyệt, đồ án Điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng huyện Gia Lộc đến năm 2030, tầm nhìn 2050 (điều chỉnh lần 2) có sự thay đổi giảm đất phi nông nghiệp. Do đó, làm tăng đất nông nghiệp trên địa bàn huyện mà chủ yếu là đất trồng lúa và đất nuôi trồng thủy sản. Sự điều chỉnh giảm lớn là chỉ tiêu đất ở (tại đô thị và nông thôn), đất khu, cụm công nghiệp, đất thương mại- dịch vụ và các loại đất có chức năng PNN khác; các loại đất trên có sự điều chỉnh đảm bảo phù hợp với Quy hoạch tỉnh Hải Dương thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quyết định số 1639/QĐ-TTg ngày 19/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ); Quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh (Quyết định số 1427/QĐ-UBND ngày 13/6/2024 của UBND tỉnh Hải Dương); Quy hoạch sử dụng đất huyện Gia Lộc (Quyết định số 1891/QĐ-UBND ngày 29/7/2024 của UBND tỉnh Hải Dương) và các quy chuẩn, quy định hiện hành.

PHẦN VI

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT

6.1 Quy hoạch hệ thống giao thông

6.1.1 Nội dung điều chỉnh, bổ sung so với quy hoạch đã duyệt

a. Quốc lộ:

* Quốc lộ 37:

+ Đoạn qua khu vực đô thị: Xác định quy mô theo quy hoạch chung đô thị, cụ thể: Lộ giới = $20 \div 24$ m, gồm: $B_n = 14$ m; vỉa hè = $2x(3 \div 5)$ m.

+ Đoạn ngoài khu vực đô thị: quy mô tối thiểu đường cấp III, lộ giới = 45m, $B_n \geq 12$ m.

* Quốc lộ 38B:

+ Đoạn từ nút giao với QL.37 đến nút giao với cao tốc Hà Nội – Hải Phòng: quy mô lộ giới = $17 \div 24$ m, gồm: $B_n = 11 \div 14$ m; vỉa hè = $2x(3 \div 5)$ m.

+ Đoạn từ nút giao với cao tốc Hà Nội – Hải Phòng đến nút giao với đường trục Bắc - Nam (ĐT.399): quy hoạch quy mô tối thiểu đường cấp II, $B_n \geq 24$ m.

+ Đoạn tuyến còn lại: quy hoạch quy mô tối thiểu đường cấp III, lộ giới = 45m, $B_n \geq 12$ m.

* Đường Vành đai V vùng Thủ đô (CT.39): quy mô tối thiểu 06 làn xe; lộ giới = 76m, gồm: 33m mặt đường; $2x21,5$ m đất bảo trì và hành lang.

b. Hệ thống đường tỉnh, đường kết nối vùng, liên huyện:

* Đường tỉnh 392:

+ Đoạn qua khu vực đô thị: quy mô theo quy hoạch chung đô thị được phê duyệt.

+ Đoạn ngoài khu vực đô thị: quy hoạch quy mô tối thiểu đường cấp III, lộ giới = 45m, $B_n \geq 12$ m.

* Đường tỉnh 393:

+ Đoạn qua khu vực đô thị: quy mô theo quy hoạch chung đô thị được phê duyệt.

+ Đoạn từ nút giao với đường 62m đến ga Hải Dương Nam: mở rộng quy mô quy hoạch, cụ thể: $B_n \geq 2x11,5$ m; dải phân cách giữa $\geq 3,0$ m; vỉa hè $\geq 2x5,0$ m.

+ Các đoạn tuyến còn lại: quy hoạch quy mô tối thiểu đường cấp III, lộ giới = 45m, $B_n \geq 12$ m.

* Đường tỉnh 396B quy hoạch mới: Từ nút giao với ĐT392 phía Nam xã Quang Đức sau đó đi xuống phía Nam với quy mô tối thiểu cấp IV, 2 làn xe, lộ giới 32m, nền đường 9m.

* Đường tỉnh 395:



+ Đoạn qua khu vực đô thị: quy mô theo quy hoạch chung đô thị được phê duyệt.

+ Đoạn ngoài khu vực đô thị: quy hoạch quy mô tối thiểu đường cấp III, lộ giới = 45m, $B_n \geq 12m$.

* *Đường trục Bắc – Nam đoạn tuyến phía Nam (ĐT.399)*: điều chỉnh quy mô quy hoạch tối thiểu đường cấp II, lộ giới = 67m, $B_n \geq 24m$; Đối với một số đoạn tuyến qua các dự án đã được giao đất, triển khai đầu tư xây dựng, giữ nguyên quy mô quy hoạch là 89m (gồm cả đường gom) theo đồ án quy hoạch đã được phê duyệt.

* *Đường tỉnh 399B (đường song hành cao tốc Hà Nội – Hải Phòng)*:

- Đối với tuyến phía Nam cao tốc Hà Nội – Hải Phòng:

+ Đoạn tuyến từ KCN Gia Lộc đến điểm giao với tuyến đường sắt Lào Cai – Hà Nội – Hải Phòng, xã Hoàng Diệu: điều chỉnh quy mô quy hoạch đảm bảo $B_n \geq 12m$.

+ Đoạn tuyến chạy song song phía Nam tuyến đường sắt Lào Cai – Hà Nội – Hải Phòng: điều chỉnh quy mô quy hoạch đảm bảo phù hợp với Công văn số 2510/SGTVT-P2 ngày 09/8/2024 của Sở Giao thông vận tải (có văn bản kèm theo), cụ thể: $B_n \geq 15m$, vỉa hè = 5m.

+ Đối với các đoạn tuyến còn lại: điều chỉnh quy mô quy hoạch đảm bảo $B_n \geq 7,5m$.

* *Đường 62m*:

+ Đoạn từ nút giao Viện cây đến nút giao với QL.37: giữ nguyên quy mô hiện trạng, cụ thể: Lộ giới 74,5m, gồm: B_n đường chính = $2 \times 15,5m$; dải phân cách giữa đường chính = 11m, dải phân cách giữa đường chính với đường gom = $2 \times 10m$; đường gom = 7,5m; vỉa hè đường gom = 5m.

+ Đoạn từ nút giao Viện cây đến nút giao QL.38B với cao tốc Hà Nội – Hải Phòng: Giữ nguyên lộ giới = 87m; Giảm quy mô dải phân cách giữa đường 62m và đường gom từ 10m thành 5m; Tăng chiều rộng mặt đường gom từ 7,5m lên 10,5m; Tăng chiều rộng vỉa hè đường gom từ 5m lên 7m.

* *Tuyến đường phía Tây KCN Gia Lộc 3 (quy hoạch mới) đến đường Vành đai II thành phố Hải Dương*:

+ Hướng tuyến: Từ góc Tây Nam KCN Gia Lộc 3 – đi tới đường trục chính của Khu dân cư mới xã Yết Kiêu – đi trùng với đường trục chính Khu dân cư trên – ra khỏi Khu dân cư, tiếp tục đi về hướng Tây Nam, giao vuông góc với tuyến đường sắt Lào Cai – Hà Nội – Hải Phòng (dự kiến chui hầm dưới đường sắt) – đi tới đường huyện Yết Kiêu – Cổ Bì, đi trùng tuyến đường huyện trên tới nút giao với đường Vành đai II thành phố Hải Dương.

+ Quy mô dự kiến quy hoạch: Lộ giới = 20,5m, gồm: $B_n = 10,5m$; vỉa hè = $2 \times 5m$.

c. Hệ thống đường huyện, đường giao thông nông thôn:



- Hệ thống đường huyện phải đảm bảo liên kết nhanh chóng, an toàn giữa tất cả các khu chức năng; kết nối thuận tiện nội vùng, giữa các vùng và giữa giao thông trong vùng với hệ thống giao thông quốc gia.

- Hệ thống đường xã, thôn, xóm: điều chỉnh quy mô tối thiểu cấp V theo Quy hoạch tỉnh ($B_m=5,5m$; $B_n=7,5m$); kết cấu mặt đường láng nhựa, BTN hoặc BTXM; các công trình trên tuyến đồng bộ với quy mô tuyến; đoạn qua khu dân cư bố trí hệ thống thoát nước, điện chiếu sáng

d. Cảng cạn:

Quy hoạch cảng cạn Gia Lộc có vị trí dự kiến nằm phía Tây Nam nút giao QL.38B với đường ô tô cao tốc Hà Nội – Hải Phòng, quy mô khoảng $5\div 8ha$ (giai đoạn đến 2030), mở rộng quy mô 10ha (giai đoạn đến năm 2050), đảm bảo phù hợp với Quy hoạch tỉnh.

e. Đường sắt:

Cập nhật hướng tuyến đường sắt Lào Cai – Hà Nội – Hải Phòng, vị trí, quy mô của ga Hải Dương Nam theo phương án tuyến và vị trí các ga đã thống nhất với Ban Quản lý dự án đường sắt – Cục Đường sắt Việt Nam.

** Quy mô dự kiến của các đoạn tuyến qua địa phận huyện Gia Lộc*

+ Đối với đoạn đường sắt chạy độc lập: Lộ giới dự kiến = 58,5m, gồm: $B_n \text{ ĐS} = 21,5m$; Phạm vi bảo vệ + Hành lang an toàn đường sắt = $2 \times 8,0m$; Đường gom + taluy trung bình = $9,0m + 1,5m$.

+ Đối với đoạn qua ga Hải Dương Nam, thị trấn Gia Lộc: Tổng chiều rộng tính từ tim đường ô tô cao tốc Hà Nội - Hải Phòng tối thiểu = 137,7m, gồm: $\frac{1}{2} B_n \text{ ĐBCT} = 16,5m$; Taluy trung bình ĐBCT = 1,5m; Dải bảo trì + hành lang an toàn giao thông ĐBCT đến rào chắn bảo vệ = 20,0m; Dải bảo trì phía Nam của đường Vành đai II thành phố Hải Dương = 3,0m; B_n Vành đai II TPHD = 24,0m; khoảng cách tối thiểu từ mép phía Bắc đường Vành đai II TPHD đến phạm vi cầu đường sắt = 45,2m; Phạm vi cầu đường sắt = 21,5m; Phạm vi bảo vệ + Hành lang an toàn đường sắt = 5,0m.

+ Đối với đoạn đường sắt chạy phía Nam, song song với đường ô tô cao tốc Hà Nội - Hải Phòng: Tổng chiều rộng tính từ tim đường ô tô cao tốc Hà Nội - Hải Phòng dự kiến = 81,5m, gồm: $\frac{1}{2} B_n \text{ ĐBCT} = 16,5m$; Taluy ĐBCT = 6,0m; $B_n \text{ ĐS} +$ Phạm vi bảo vệ + Hành lang an toàn đường sắt = $8,0m + 21,5m + 8,0m$; Đường gom + taluy trung bình = $9,0m + 1,5m$; Vĩa hè đường gom = 5,0m.

f. Đường thủy nội địa

Theo Quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1829/QĐ-TTg ngày 31/10/2021; điều chỉnh Quy hoạch ngành Quốc gia Kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thời kỳ đến 2030, tầm nhìn đến 2050 (đang hoàn thiện); Quy hoạch tỉnh Hải Dương được phê duyệt, trên địa bàn huyện Gia Lộc có quy hoạch 02 bến/cụm bến thủy nội địa. Bao gồm:



+ Bến Thống Nhất (bến QHM4): Nằm trên tuyến sông Cửu yên, có vị trí tại xã Thống Nhất, huyện Gia Lộc.

+ Cụm bến Gia Lộc: Nằm trên tuyến sông Đĩnh Đào, có vị trí tại huyện Gia Lộc.

g. Giao thông công cộng và giao thông tỉnh

- Đối với bến xe: cập nhật theo Quy hoạch tỉnh, cụ thể: Đầu tư xây dựng mới 01 bến xe Gia Lộc theo tiêu chí bến xe loại 1 giai đoạn 2030-2050. Quy mô khoảng 05ha.

- Đối với bãi đỗ xe: trong quá trình thực hiện quy hoạch sẽ rà soát, tính toán nhu cầu đỗ xe trên địa bàn huyện để bố trí hệ thống bãi đỗ xe cho phù hợp.

6.1.2 Nội dung giữ nguyên theo quy hoạch đã duyệt

a. Giao thông đường bộ

* *Cao tốc Hà Nội – Hải Phòng*: Thống nhất giữ nguyên hướng tuyến, quy mô theo đồ án quy hoạch đã được phê duyệt.

* *Đường Vành đai V- Hà Nội*: Đoạn chạy qua khu vực huyện Gia Lộc vẫn giữ nguyên hướng tuyến và quy mô đường ô tô cao tốc 4-6 làn xe, nền đường rộng 33m.

* *Đường tỉnh 399B (đường song hành cao tốc Hà Nội – Hải Phòng)*: Đối với tuyến phía Bắc đoạn trùng với đường Vành đai II, thành phố Hải Dương, giữ nguyên quy mô ($B_n = 24m$) theo đồ án quy hoạch đã được phê duyệt.

b. Các tuyến đường huyện quản lý:

+ Cải tạo mở rộng các tuyến đường huyện hiện có đạt quy mô đường cấp IV đồng bằng, lộ giới 32m (nền đường 9m, taluy 2x1,5m, đất của đường bộ 2x1m, đất hành lang an toàn đường bộ 2x9m).

c. Các tuyến đường cải tạo, nâng cấp, quy hoạch mới:

+ Đường liên kết trục Bắc-Nam nối với khu động lực huyện Bình Giang: Điểm đầu tại nút giao QL38B và đường trục Bắc Nam, tuyến đi theo hướng Tây giao với ĐT395 tại xã Lê Lợi sau đó kết nối tới khu động lực huyện Bình Giang với quy mô đường cấp III đồng bằng.

+ Đường liên kết trục Bắc-Nam điểm đầu xã Toàn Thắng sau đó đi theo hướng Đông xuyên qua KCN Gia Lộc và KCN Hoàng Diệu sau đó đi chéo hướng Bắc kết nối vào ĐH191D với quy mô đường cấp III đồng bằng.

+ Tuyến giao thông phía Tây xã Quang Đức, nối từ chân cầu Tràng Thưa tới nút giao với ĐT392 phía Tây xã Quang Đức, sau đó tiếp tục đi xuống phía Nam tới nút giao ĐT399 – QL38B với quy mô đường cấp III đồng bằng.

+ Tuyến giao thông phía Đông KCN Gia Lộc 3 kết nối đường tỉnh 395 với các tuyến đường phía Bắc huyện với quy mô mặt cắt ngang 36m.

d. Các tuyến giao thông ven sông:



+ Quy hoạch, cải tạo mở rộng một số đoạn tuyến bờ vùng chạy ven sông Đĩnh Đào nhằm phục vụ các hoạt động du lịch và vận tải với quy mô đường cấp IV đồng bằng (đường giao thông kết hợp bờ vùng ven sông).

+ Ngoài ra còn có một số đoạn tuyến ngắn quy hoạch mới để kéo dài, nối tuyến các tuyến đường huyện hiện có hoặc kết nối các tuyến đường với nhau.

e. Các tuyến đường xã:

+ Các tuyến đường xã, thôn xóm, trục ra đồng đạt quy mô cấp V đồng bằng (Bm=5,5m; Bn=7,5m).

Bảng: Tổng hợp các tuyến giao thông chính trên địa bàn huyện Gia Lộc

Stt	Tuyến đường			Kích thước			Ghi chú
	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	L (km)	Lộ giới (m)	Bên (m)	
I	Đường do TW quản lý						
1	Cao tốc HN-HP	Tây Nam xã Yết Kiêu	Phía Nam xã Gia Tiên	9,6	76	33	Cao tốc 6 làn xe
2	Quốc lộ 37	Phía Tây xã Gia Phúc	Phía Đông xã Hồng Hưng	5,9			
	- Đoạn qua TT Gia Lộc, khu dân cư hiện trạng				20-24	14	Via hè 3 đến 5m
	- Đoạn ngoài khu dân cư hiện trạng				45	12	Cấp III đồng bằng
3	Quốc lộ 38B	Nút giao với QL37 thị trấn Gia Lộc	Hết xã Quang Đức	12			
	- Giao với QL37 đến nút giao cao tốc HN-HP				17-24	11-14	Via hè 3 đến 5m
	- Từ nút giao cao tốc HN-HP đến đường trục B-N (ĐT399)				67	24	Đường cấp II
	- Từ nút giao với đường trục B-N:						
	+ Đoạn qua khu dân cư hiện trạng				20-24	14	Via hè 3 đến 5m
	+ Đoạn ngoài khu dân cư hiện trạng				45	12	Cấp III đồng bằng
4	Đường Vành đai V	Xã Hoàng Diệu	Xã Hoàng Diệu	1,3	76	33	Cao tốc 4-6 làn xe
5	Đường gom đường ô tô cao tốc (ĐT399B)						
	- Đường gom phía Bắc trùng VĐII					24	Cấp II

*Thuyết minh Điều chỉnh Quy hoạch xây dựng vùng huyện Gia Lộc,
tỉnh Hải Dương đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (điều chỉnh lần 2)*

	- Đường gom phía Nam						
	+ Từ nút giao QL38B đến Gia Tiên					≥7,5	
	+ Từ nút giao QL38B đến Yết Kiêu					12	
II	Đường do Tỉnh quản lý						
1	Đường tỉnh 392	Phía Tây xã Nhật Quang	Phía Đông Nam xã Quang Đức	6,47			
	- Đoạn qua khu dân cư hiện trạng				18-22	12	Vĩa hè 3 đến 5m
	- Đoạn ngoài khu dân cư hiện trạng				45	12	Cấp III đồng bằng
2	Đường tỉnh 393	Nút giao với QL37 thị trấn Gia Lộc	Phía Tây xã Phạm Trấn	6			
	- Đoạn từ nút giao QL37 đến đường 62m						Đường địa phương
	- Đoạn từ nút giao đường 62m đến ga Hải Dương Nam				36	26	6-8 làn xe
	- Đoạn từ nút giao với đường ô tô cao tốc đi xuống phía Nam:						
	+ Đoạn qua khu dân cư hiện trạng				18-22	12	Vĩa hè 3 đến 5m
	+ Đoạn ngoài khu dân cư hiện trạng				45	12	Cấp III đồng bằng
3	Đường tỉnh 395	Phía Đông Bắc xã Gia Tiên	Phía Tây Bắc xã Yết Kiêu	12,51			
	- Đoạn qua khu dân cư hiện trạng				18-2	12	Vĩa hè 3 đến 5m
	- Đoạn ngoài khu dân cư hiện trạng				45	12	Cấp III đồng bằng
4	Đường tỉnh 395 đoạn chỉnh tuyến	Phía Nam thôn Thanh Vân xã Yết Kiêu đi ĐT394			45	12	Cấp III đồng bằng
5	ĐT396B	Nút giao ĐT392 phía Nam xã Quang Đức			32	9	Cấp IV đồng bằng
6	ĐT399 (Đường trục Bắc-Nam tỉnh Hải Dương)	Xã Toàn Thắng (giao QL 38B)	Phía Nam xã Thống Kênh	6,3			
	- Đoạn qua khu vực quy hoạch mới				67	24	Cấp II đồng bằng
	- Đoạn qua khu vực đã				89	24	



*Thuyết minh Điều chỉnh Quy hoạch xây dựng vùng huyện Gia Lộc,
tỉnh Hải Dương đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (điều chỉnh lần 2)*

	<i>có dự án</i>						
7	Đường vành đai I TP Hải Dương	Xã Thống Nhất	Xã Thống Nhất	0,7	67	27	Cấp II đồng bằng
8	Đường vành đai II TP Hải Dương	Phía Tây Nam xã Yết Kiêu	Phía Nam xã Gia Tiên	9,6	67	24	Cấp II đồng bằng
9	Đường 62m	Nút giao cầu vượt cao tốc	Phía Bắc thị trấn Gia Lộc	2,6	87	52(*)	Cấp II đồng bằng
III Đường do huyện quản lý (**)							
1	Tuyến 191C	QL38B	Cầu Cờ	8,0	32	9	Cấp IV đồng bằng
	Nhánh 1	Toàn Thắng	Hồng Hưng				
	Nhánh 2	Đoàn Thượng	Hoàng Diêu				
2	Tuyến 191D	ĐT395 (TT Gia Lộc)	ĐH191C (Hoàng Diêu)	6,9	32	9	Cấp IV đồng bằng
3	Tuyến 39E	ĐT 395 (Gia Tân)	Giáp Gia Xuyên	2,1	32	9	Cấp IV đồng bằng
4	Tuyến ĐH39H	Phía Bắc xã Gia Phúc	Phía Đông xã Gia Tiên	3,8	32	9	Cấp IV đồng bằng
5	Tuyến ĐH20C	QL38B (Nhật Quang)	ĐT 392 (Nhật Quang)	4,1	32	9	Cấp IV đồng bằng
6	ĐH11	Hồng Hưng	Thống Kênh	3,5	32	9	Cấp IV đồng bằng
7	Đường liên kết trục B-N với khu động lực Bình Giang	Nút giao với QL 38B-trục B-N	Phía Tây xã Lê Lợi	3,1	45	12	Cấp III đồng bằng
8	Đường liên kết trục B-N với đường gom cao tốc HN-HP	Nút giao với đường trục Bắc-Nam	ĐH191D (xã Hoàng Diêu)	4,5	45	12	Cấp III đồng bằng
9	Đường tránh QL 37 qua thị trấn Gia Lộc	Xã Gia Phúc	Đường gom phía Bắc cao tốc (VDII)	3,4	34		Đường đô thị
10	Tuyến phía tây xã Quang Đức	Chân cầu Tràng Thưa	Xã Quang Đức	3,8	45	12	Cấp III đồng bằng
11	Đường từ trung tâm xã Yết Kiêu - VDI TP Hải Dương	Xã Yết Kiêu	Xã Thống Nhất	3,5	20,5	10,5	
12	Các tuyến giao thông ven sông Đĩnh Đào						Cấp IV đồng bằng
IV Đường do xã quản lý							
1	Các tuyến đường xã, thôn					7,5	Cấp V đồng bằng
V Đường sắt							



1	Đường sắt Lào Cai - HN-HP	Xã Yết Kiêu	Xã Hoàng Diệu	10,7			Đường sắt cao tốc
	Đoạn đường sắt chạy độc lập				58,5	21,5	
	Đoạn chạy phía Bắc VĐII và đường ô tô cao tốc				Chiều rộng tính từ tim đường ô tô cao tốc là 93,5m		
	Đoạn phía Nam đường ô tô cao tốc				Chiều rộng tính từ tim đường ô tô cao tốc là 81,5m		
	Đoạn qua ga Hải Dương Nam				Chiều rộng tính từ tim đường ô tô là 137,7m		

Ghi chú:

- Đường tỉnh 393: Đoạn từ nút giao với QL37 thị trấn Gia Lộc đến nút giao hầm chui cao tốc chuyển thành đường địa phương quản lý.
- Đường 62m: Đề xuất Bộ GTVT nâng cấp đường 62m đoạn từ cầu Lộ Cương đến nút giao Gia Lộc và đoạn nối từ cầu Lộ Cương đến QL.5 thành QL.37 (thay thế đoạn QL.37 từ nút giao Gia Lộc – cầu Phú Tảo – Đường Ngô Quyền – QL.5 chuyển thành đường địa phương quản lý – theo QH vùng tỉnh).
- (*): Đề xuất giảm quy mô dải phân cách giữa đường 62m với đường bên từ 10m thành dải phân cách trồng hoa 5m; tăng vỉa hè đường gom từ 5m thành 7m; mặt đường gom từ 7,5m thành 10,5m. Chỉ giới bao gồm đường chính và đường bên vẫn giữ nguyên theo QH đã phê duyệt là 87m.
- (**): Đối với các tuyến đường huyện quản lý: Đoạn đi qua khu dân cư hiện trạng lấy chỉ giới 20,5m mặt đường 10,5m. Đoạn ngoài khu dân cư hiện trạng lấy chỉ giới 32m nền đường 9m.
- Đối với các tuyến đường cần bố trí đường gom: Đoạn qua khu dân cư hiện trạng đường gom bố trí nằm trong HLATGT, đoạn đi ngoài khu dân cư hiện trạng đường gom bố trí nằm ngoài HLATGT.

6.2 Chuẩn bị kỹ thuật

Cơ bản giữ nguyên theo quy hoạch đã được duyệt với các nội dung:

6.2.1 Định hướng chuẩn bị kỹ thuật

- Chuẩn bị nền đất trên cơ sở tôn trọng nền đất tự nhiên, xây dựng đô thị, công nghiệp là ưu tiên hàng đầu với nguyên tắc:
 - Không bị ngập lụt, úng ngập.
 - Không bị hoặc hạn chế mức thấp nhất ảnh hưởng của các tai biến địa chất, có môi trường địa chất tốt.
 - Đảm bảo mọi yêu cầu kỹ thuật xây dựng phù hợp yêu cầu của các khu chức năng đô thị khác nhau.

6.2.2 Giải pháp kỹ thuật

Đối với các khu vực đã xây dựng và có mật độ xây dựng cao, các làng xóm dự kiến đô thị hoá ở các thị trấn khác:

- Công trình mới xây dựng nền đất phải có cao độ phù hợp với cao độ xung quanh.



- Khi lấp các ao hồ nhỏ nằm trong khu đô thị cũ cần tôn nền đến cao độ sao cho tương thích với xung quanh.

- Đối với khu vực dự kiến phát triển phải căn cứ vào điều kiện thủy văn khu vực xây dựng kể cả việc ảnh hưởng thủy triều sông Kim Sơn, sông Đĩnh Đào và sông Đồng Tràng, căn cứ vào chế độ ngập của hệ thống kênh mương nội đồng để không chế độ cao nền đất xây dựng thích hợp với từng loại khu chức năng công nghiệp.

- Tôn nền những khu vực phát triển: Tùy theo từng khu vực có nền hiện trạng cao hay thấp để tôn cao độ nền đạt mức thiết kế. Hướng dốc nền để nghiêng về các đường phố và các kênh tiêu. Nguồn đắp tận dụng tối đa đất đào hồ, kênh, nạo vét sông ngòi, cát sông, đất san gạt đồi núi... để cân bằng đào đắp.

- Cao độ nền xây dựng không chế cho các khu xây dựng mới xác định theo cốt tim của các tuyến đường quốc lộ, đường tỉnh và đường huyện.

- Cốt tim đường các tuyến đường QL 38B, QL 37, đường tỉnh 390, 390B, 390C và 390E trong khoảng từ +3.0m đến +4.0m.

6.3 Quy hoạch hệ thống thoát nước mặt

a. Phân chia lưu vực thoát nước (giữ nguyên theo QH đã duyệt).

- Toàn bộ huyện Gia Lộc được chia làm 04 lưu vực thoát nước chính:

+ *Lưu vực 1*: Khu vực phía Tây QL38B, thoát ra Sông Kim Sơn, sông Đĩnh Đào và Kênh Thạch Khôi- Đoàn Thượng. Gồm các xã: Thông Nhất, Yết Kiêu, Lê Lợi và một phần các xã: Toàn Thắng; Đoàn Thượng; TT Gia Lộc.

+ *Lưu vực 2*: Khu vực phía Đông đường QL37, thoát ra kênh Kênh Chùa So- Quảng Giang và sông Đồng Tràng. Gồm các xã: Gia Tiến, Gia Phúc, Hoàng Diệu.

+ *Lưu vực 3*: Khu vực nằm giữa QL38B và QL37 xuống đến sông Đĩnh Đào, thoát ra Kênh Thạch Khôi- Đoàn Thượng, Kênh Chùa So- Quảng Giang và sông Đĩnh Đào. Gồm các xã: Hồng Hưng, Thống Kênh và một phần các xã: Toàn Thắng; Đoàn Thượng; TT Gia Lộc.

+ *Lưu vực 4*: Khu vực phía Nam sông Đĩnh Đào, thoát ra sông Đĩnh Đào, kênh Quang Tiên và kênh Hồng Đức. Gồm các xã: Phạm Trán, Nhật Quang, Quang Đức.

- Định hướng duy trì hạ tầng thủy lợi phục vụ tiêu hiện có; cải tạo, bổ sung năng lực cho các đầu mối, hệ thống hiện bị xuống cấp, thiếu công suất bảo đảm chủ động phục vụ tiêu; tranh thủ tiêu tự chảy trong điều kiện cho phép.

- Nghiên cứu tính toán kết nối thoát nước từ sông Sắt phía Bắc huyện xuống sông Đĩnh Đào để đảm bảo khả năng thoát nước mặt khi có trường hợp khẩn cấp.

- Trong quá trình thực hiện các dự án đầu tư xây dựng, cần xác định các tuyến kênh đê trả phù hợp, đảm bảo tiêu thoát nước được liên tục, thuận lợi và phù hợp với hiện trạng.

b. Hệ thống công trình tưới, tiêu chính (cập nhật theo quy hoạch tỉnh)



- Công trình trạm bơm dự kiến xây dựng mới:

Stt	Tên công trình	Địa điểm	Nhiệm vụ (ha)		Quy mô		
			Tưới	Tiêu	Qtk (m ³ /s)	Số máy	Qmay (m ³ /h)
1	TB xã Phạm Trấn	Gia Lộc	100		0,3	3	320
2	TB xã Đoàn Thượng	Gia Lộc	50		0,2	2	320

- Công trình trạm bơm dự kiến di chuyển vị trí mới:

Stt	Tên công trình	Địa điểm	Nhiệm vụ (ha)		Quy mô		
			Tưới	Tiêu	Qtk (m ³ /s)	Số máy	Qmay (m ³ /h)
1	TB Cao Duệ	Gia Lộc	265		1,2	3	1400
2	TB Công Đôn	Gia Lộc	265		0,8	2	1400

- Công trình trạm bơm dự kiến cải tạo, nâng cấp:

Stt	Tên công trình	Địa điểm	Nhiệm vụ (ha)		Quy mô		
			Tưới	Tiêu	Qtk (m ³ /s)	Số máy	Qmay (m ³ /h)
1	TB Yết Kiêu	Gia Lộc	100	430	3,5	5	2500
2	TB Thống Kênh	Gia Lộc	30	290	2,8	4	2500
3	TB Hồng Hưng A,B	Gia Lộc	163	753	6,7	6	4000
4	TB Tân Hưng	Gia Lộc	240	135	1,2	3	1400
5	TB Quang Tiên	Gia Lộc		844	6,9	10	2500
6	TB Khuông Phụ	Gia Lộc		1362	7,6	11	2500
7	TB Trùng Khánh	Gia Lộc	85	111	1,2	3	1400
8	TB Tân Tiến	Gia Lộc	138	58	0,8	2	1400
9	TB Liên Hồng	Gia Lộc	278	150	1,6	3	1400
10	TB Đồ Ty	gia Lộc	226	420	1,6	3	1400
11	TB Phạm Trấn	Gia Lộc	283	40	0,8	2	1400
12	TB Lê Lợi	Gia Lộc	173	200	1,6	4	1400
13	TB Gia Hòa	Gia Lộc	173	50	0,8	2	1400
14	TB Điền Nhi	Gia Lộc	253	30	1,2	3	1400

- Công trình đầu mối dưới đê cần xây mới, nâng cấp cải tạo:

Stt	Tên công trình	Địa điểm XD	Tên sông	Diện tích (ha)	
				Tưới	Tiêu
1	Cống Thạch Khôi	Gia Lộc	Kim Sơn	3760	925
2	Cống Khuông Phụ	Gia Lộc	Đình Đào	236	1362
3	Cống Bùi Hạ	Gia Lộc	Đình Đào	115	455
4	Cống Quang Tiên	Gia Lộc	Đình Đào	275	818



- Kênh trục dẫn, tiêu nước cần cải tạo nâng cấp:

Stt	Tên kênh	Địa điểm	Diện tích (ha)		Chiều dài (m)
			Tưới	Tiêu	
1	Kênh Hồng Đức	Thanh Miện, Gia Lộc, Ninh Giang	2566	2992	15470
2	Kênh Chùa So- Quảng Giang	Gia Lộc, Tứ Kỳ	1918	2500	9110
3	Kênh Thạch Khôi- Đoàn Thượng	Gia Lộc		1100	6500
4	Kênh T8- TB Khuông Phụ	Gia Lộc		184	2135
5	Sông Hồng Quang	Thanh Miện, Gia Lộc	2018	2018	14100
6	Kênh Cầu Gõ- Lê Lợi	Gia Lộc	300	655	2700

c. Nắn chỉnh tuyến kênh Đình Đào thuộc hệ thống Bắc Hưng Hải

- Hiện trạng: Khoảng cách 2 bên bờ kênh từ 200-420m, bề rộng lòng kênh đoạn gần đường cao tốc Hà Nội- Hải Phòng lên đến 120m.

- Giải pháp thực hiện: Xây dựng và điều chỉnh tuyến bờ bao để bảo vệ khu vực đông dân cư và mở rộng khai thác.

- Đoạn bờ tả tại đoạn kênh cong gần đường cao tốc Hà Nội- Hải Phòng sau điều chỉnh:

- + Bề rộng lòng kênh từ 100-140m;
- + Chiều dài đoạn bờ bao mới bên tả 0,84 km (cũ 2,63km);
- + Diện tích có thể mở rộng bên bờ tả 40 ha (trong đó 15ha đất dân cư, 25ha bãi còn lại có thể khai thác sử dụng).

6.4 Quy hoạch hệ thống cấp nước

6.4.1 Nguyên tắc chung

- Đảm bảo đủ, chất lượng cung cấp nước sạch cho khu vực đô thị và công nghiệp; cải tạo, xây dựng mới cơ sở hạ tầng cấp nước.

- Tăng cường bảo vệ nguồn nước, cải tiến công nghệ, sản xuất kinh doanh, dịch vụ, quản lý nhằm nâng cao chất lượng và số lượng phục vụ nhu cầu sản xuất, sinh hoạt.

- Đảm bảo cung cấp đủ nước cho sản xuất nông nghiệp và thủy sản.

6.4.2 Định hướng cấp nước sinh hoạt

a. Tính toán nhu cầu dùng nước

- Nhu cầu dùng nước sinh hoạt được tính theo công thức:

$$Q_{SH} = \frac{q_{SH} \times N}{1000} \text{ (m}^3\text{/ng.đ)};$$

Trong đó:



N- số dân; Tỷ lệ dân số được cấp nước: 100%.

1000 - hệ số qui đổi đơn vị

qsh - Chi tiêu cấp nước sinh hoạt l/ng.ngđ

- Nhu cầu dùng nước cho dịch vụ, công cộng, công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp theo QCXDVN 01:2021:

Bảng: Dự báo nhu cầu dùng nước

Stt	Đối tượng dùng nước	Chỉ tiêu cấp nước	Nhu cầu đến 2030	
			QH đã duyệt	QH điều chỉnh mới
1	Cấp nước sinh hoạt (Qsh)		16.930	15.280
	<i>Khu vực đô thị</i>	<i>120 l/ng.ngđ</i>	<i>7.200</i>	<i>6.000</i>
	<i>Khu vực nông thôn</i>	<i>100 l/ng.ngđ</i>	<i>9.730</i>	<i>9.280</i>
2	Cấp nước dịch vụ công cộng (Qcc)	10 % Qsh	1.693	1.528
3	Cấp nước cho công nghiệp (Qcn) <i>(tính cho 60% diện tích CN)</i>	20 m ³ /ha.ngày	12.216	14.280
4	Cấp nước cho SX nhỏ, tiểu thủ CN	8 % Qsh	1.354	1.528
5	Nước cho thất thoát, rò rỉ	5 % tổng các loại	1.610	1.630,8
	Tổng cộng		33.803	34.246,8

b. Nguồn nước

* Nội dung điều chỉnh:

- Nguồn nước cấp cho huyện Gia Lộc được lấy từ trạm cấp nước Quang Đức và từ TP Hải Dương dẫn về trạm tăng áp Thạch Khôi, Hoàng Diệu...

- Nâng công suất trạm cấp nước Quang Đức, trạm tăng áp Thạch Khôi và trạm tăng áp Hoàng Diệu theo từng giai đoạn đảm bảo đáp ứng đủ nhu cầu dùng nước tính toán.

- Bổ sung trạm tăng áp Lê Lợi, Thống Nhất, Trùng Khánh, Phạm Trán hiện có vào bảng công suất cấp nước.

Bảng: Các trạm cấp nước cho vùng huyện Gia Lộc

Stt	Tên trạm	Vị trí	Công suất GD 2030	Công suất GD 2050	Nguồn nước
1	Trạm tăng áp Thạch Khôi	Xã Thạch Khôi	10.000 m ³ /ngđ	15.000 m ³ /ngđ	Từ TP Hải Dương dẫn về
2	Trạm tăng áp Hoàng Diệu	Xã Hoàng Diệu	18.000 m ³ /ngđ	20.000 m ³ /ngđ	Từ TP Hải Dương dẫn về
3	Trạm cấp nước Đức Xương	Xã Quang Đức	10.000 m ³ /ngđ	15.000 m ³ /ngđ	Lấy nước mặt sông Luộc
4	Trạm tăng áp Lê Lợi	Xã Lê Lợi	2000 m ³ /ngđ	2000 m ³ /ngđ	Từ TP Hải Dương dẫn về
5	Trạm tăng áp Phạm Trán	Xã Phạm Trán	1000 m ³ /ngđ	1000 m ³ /ngđ	

6	Trạm tăng áp Thống Nhất	Xã Thống Nhất	700 m ³ /ngđ	700 m ³ /ngđ	Từ TP Hải Dương dẫn về
7	Trạm tăng áp Trùng Khánh	Xã Trùng Khánh cũ	700 m ³ /ngđ	700 m ³ /ngđ	Từ TP Hải Dương dẫn về

- Nước sạch từ các trạm tăng áp và trạm cấp nước dẫn đến các khu dân cư tại các xã theo hệ thống đường ống phân phối chạy ngầm, dọc theo các tuyến đường, đảm bảo đáp ứng đủ nhu cầu sinh hoạt và sản xuất.

- Nâng cấp một số đường ống phân phối hiện có, kết hợp đầu tư xây dựng mới.

- Mạng lưới đường ống truyền tải sử dụng ống có đường kính $\Phi 400 - \Phi 500$.

- Mạng lưới đường ống phân phối là mạng vòng, kết hợp cấp nước sinh hoạt và chữa cháy cho các khu đô thị. Tuyến ống phân phối sử dụng ống nhựa HDPE có đường kính $\Phi 110 - \Phi 230$.

6.4.3 Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp

- Huyện Gia Lộc có tuyến sông Bắc Hưng Hải có vai trò chính điều tiết nước tưới, tiêu toàn huyện.

- Hệ thống thủy lợi trên địa bàn huyện Gia Lộc được xây dựng phù hợp với nội dung lĩnh vực thủy lợi đã tích hợp trong Quy hoạch tỉnh Hải Dương thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Công tác quản lý, khai thác được thực hiện đúng quy trình, quy định, đảm bảo điều hòa, phân phối nước tưới, tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản và dân sinh.

6.4.4 Cấp nước phòng cháy chữa cháy (bổ sung mới)

- Định hướng phát triển mạng lưới trụ sở, doanh trại công trình phục vụ PCCC thời kỳ 2021-2030: Xây dựng đội Cảnh sát PCCC và CNCH – Công an huyện Gia Lộc dự kiến vị trí tại xã Hồng Hưng với diện tích quy hoạch 1,5ha.

- Định hướng phát triển mạng lưới trụ sở, doanh trại công trình phục vụ PCCC tầm nhìn 2050: Xây dựng đội Cảnh sát PCCC và CNCH khu vực Gia Lộc thuộc Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH dự kiến vị trí tại xã Quang Đức với diện tích quy hoạch 1,5ha.

- Định hướng đường giao thông đảm bảo đủ rộng và đủ tải để xe chữa cháy hoặc CNCH dài nhất, rộng nhất, cao nhất và nặng nhất (thường là xe thang) của lực lượng chữa cháy và CNCH tiếp cận được 100% trung tâm các thôn, xóm trên địa bàn huyện trong thời kỳ 2022-2030.

- Hạ tầng viễn thông phục vụ công tác PCCC và CNCH bao gồm: hệ thống thông tin bằng điện thoại di động và hữu tuyến dựa vào cơ sở hạ tầng của ngành viễn thông dùng để báo cáo, nhận tin cháy, tai nạn, sự cố; hệ thống thông tin vô tuyến riêng dùng để điều hành các hoạt động chỉ huy điều hành CC và CNCH; hệ thống cơ sở dữ liệu dựa trên nền tảng Internet dùng để lưu trữ dữ liệu điều tra cơ

bản của cơ sở và lực lượng PCCC và CNCH để phục vụ công tác phòng cháy và khai thác phục vụ công tác CC, CNCH khi cần.

- Các KCN và khu đô thị phải có hệ thống cấp nước chữa cháy theo QCVN 06:2021/BXD an toàn cháy cho nhà và công trình; TCVN 33:2006, Cấp nước bên ngoài và công trình, tiêu chuẩn thiết kế; TCVN 2622:1995 phòng cháy, chống cháy cho nhà và công trình – yêu cầu thiết kế.

- Bất kỳ nguồn nước tự nhiên và sông nào tiếp giáp với đường giao thông liên xã trở lên, đều phải có bên lầy nước chữa cháy; số lượng bên mỗi sông, hồ tối thiểu là 1 và các bên cách nhau tối đa 450m (bằng chiều dài tổng số vòi chữa cháy mà một xe chữa cháy cơ bản được trang bị: 25 vòi x20m/vòi).

- Các công viên có hồ nước trong khu đô thị bắt buộc phải có bên lầy nước cho xe chữa cháy. Các hồ thủy lợi, hồ nhân tạo, hồ tự nhiên và các khu dân cư ven sông, vị trí các cầu đường bộ bắc qua sông gần khu dân cư, công nghiệp phải bố trí các bên lầy nước cho xe chữa cháy và máy bơm chữa cháy.

- Trên các mạng ống cấp nước đô thị, dọc theo các đường phố phải bố trí các họng lấy nước chữa cháy đảm bảo theo các Quy chuẩn, Tiêu chuẩn Việt Nam hiện hành.

6.4.5 Bảo vệ nguồn nước và sử dụng hợp lý nguồn nước

- Nước là nguồn tài nguyên quý giá, có hạn, do vậy phải bảo vệ, cụ thể:
- Bảo vệ nguồn nước ngầm khỏi sự ô nhiễm của nước bề mặt do thẩm thấu.
- Bảo vệ nguồn nước mặt khỏi bị ảnh hưởng xấu do ô nhiễm từ các hoạt động như:
 - + Khai thác khoáng sản,
 - + Nước thải công nghiệp, sinh hoạt, bệnh viện, công trình dịch vụ chưa được xử lý hoặc xử lý chưa đạt tiêu chuẩn đã xả ra sông hồ.
 - + Nước do canh tác nông nghiệp dùng thuốc trừ sâu bệnh rồi tiêu thoát vào kênh mương đổ ra sông hồ v.v...
- Cần phối hợp với các ngành thủy lợi, nông nghiệp có đầu tư tạo nguồn nước và giữ nước để điều hoà các mùa trong năm khỏi cạn kiệt.

6.5 Quy hoạch cấp năng lượng

6.5.1 Các căn cứ quy hoạch

- Dự thảo Quy hoạch điện VIII đang trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.
- Quyết định số 4930/QĐ-BCT ngày 19/12/2016 của Bộ Công thương về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Hải Dương giai đoạn 2016-2025, có xét đến năm 2035 – Quy hoạch phát triển hệ thống điện 110kV.
- Quyết định số 6949/QĐ-BCT ngày 30/12/2010 của Bộ Công thương về việc phê duyệt Quy hoạch đấu nối các trung tâm điện lực vào hệ thống điện quốc gia.

- Quyết định số 2096/QĐ-UBND ngày 17/07/2017 của UBND tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết phát triển lưới điện trung áp và hạ áp sau các trạm 110KV.

6.5.2 Nguồn điện

Dự kiến nguồn điện cấp cho huyện Gia Lộc được lấy từ TBA 220KV Gia Lộc tại xã Hoàng Diệu.

6.5.3 Tính toán nhu cầu dùng điện

- Phụ tải điện bao gồm các loại: sinh hoạt, dịch vụ công cộng, công nghiệp và nông nghiệp.

$$\text{Hệ số } \cos \varphi = 0,85.$$

$$\text{Công suất toàn phần: } S = P / \cos \varphi.$$

- Cập nhật, điều chỉnh cho phù hợp với quy hoạch điện VIII và quy hoạch vùng Tỉnh Hải Dương.

- Điều chỉnh phù hợp với tình biến động chỉ tiêu sử dụng đất.

- Điều chỉnh nhu cầu cho phù hợp với tình hình tiêu thụ thực tế.

6.5.4 Quy hoạch mạng lưới điện

a. Nội dung điều chỉnh, bổ sung

- Đường dây và trạm 500kV:

+ Đề xuất điều chỉnh quy hoạch trạm 500kV tại vị trí mới (khu vực xã Nhật Quang): quy mô khoảng 20ha.

+ Đề xuất không quy hoạch tuyến đường dây 500kV cấp cho trạm 500kV Gia Lộc từ ĐZ Phố Nối - Thái Bình - Hải Phòng.

- Đường dây và trạm 220kV:

+ Đề xuất điều chỉnh hạ đường dây 500kV (quy hoạch) từ xã Quang Đức đi khu công nghiệp Hoàng Diệu thành đường dây 220kV. Đồng thời, điều chỉnh hướng tuyến đường dây 220kV mới chạy song song với đường dây 110kV hiện có (phía Tây đường QL38B).

- Đường dây và trạm 110kV:

+ Dịch chuyển vị trí đặt trạm 110kV Gia Lộc 2 xuống phía Nam qua đường nối ĐT399 và QL37.

+ Dịch chuyển vị trí trạm 110kV Gia Lộc 3 đã quy hoạch tại xã Thống Kênh sang xã Đoàn Thượng phía Đông QL38B.

+ Không tiếp tục quy hoạch trạm biến áp 110kV Gia Lộc 5 phía Bắc xã Gia Tiến.

- Điều chỉnh tổng nhu cầu cấp điện:



+ Giai đoạn đến 2030: công suất 245MVA (giảm 166MVA so với quy hoạch đã duyệt)

+ Giai đoạn 2031-2050: công suất 335MVA (giảm 218MVA so với quy hoạch đã duyệt).

- Nhu cầu phụ tải theo các giai đoạn quy hoạch:

Bảng: Dự báo nhu cầu dùng điện theo QH đã duyệt

Stt	Loại nhu cầu cấp điện	Giai đoạn 2030		Giai đoạn 2050	
		Chỉ tiêu	P (KW)	Chỉ tiêu	P (KW)
1	Cấp điện sinh hoạt (Đsh)		59.190		121.860
	<i>Khu vực đô thị</i>	<i>500 w/người</i>	<i>30.000</i>	<i>700 w/người</i>	<i>92.260</i>
	<i>Khu vực nông thôn</i>	<i>300 w/người</i>	<i>29.190</i>	<i>500 w/người</i>	<i>29.600</i>
2	Cấp điện dịch vụ, công cộng (Đcc)		13.379		32.118
	<i>Khu vực đô thị</i>	<i>30 % Đsh</i>	<i>9.000</i>	<i>30 % Đsh</i>	<i>27.678</i>
	<i>Khu vực nông thôn</i>	<i>15 % Đsh</i>	<i>4.379</i>	<i>15 % Đsh</i>	<i>4.440</i>
3	Cấp điện cho công nghiệp (Đcn)		277.678		315.178
	<i>Đất CN (2030:1018ha); (2050: 1168ha)</i>	<i>250 KW/ha</i>	<i>254.500</i>	<i>250 KW/ha</i>	<i>292.000</i>
	<i>Đất cơ sở SX Phi NN (2030:193,15ha); (2050: 193,15ha)</i>	<i>120 KW/ha</i>	<i>23.178</i>	<i>120 KW/ha</i>	<i>23.178</i>
4	Cấp điện cho nông nghiệp (Đnn)		1.240		938
	<i>Đất sản xuất nông nghiệp (2030: 3056,49ha); (2050: 2064,72ha)</i>	<i>0,30 KW/ha</i>	<i>917</i>	<i>0,30 KW/ha</i>	<i>619</i>
	<i>Đất thủy sản (2030: 949,98ha); (2050: 912,74ha)</i>	<i>0,35 KW/ha</i>	<i>332</i>	<i>0,35 KW/ha</i>	<i>319</i>
	Tổng cộng		351.487		470.094
		Pmax =	351 MW		470 MW
		S = P/cos φ, cos φ = 0,85	414 MVA		553 MVA

Bảng: Dự báo nhu cầu dùng điện theo QH điều chỉnh mới

Stt	Loại nhu cầu cấp điện	Nhu cầu cấp điện các giai đoạn			
		Giai đoạn đến 2030		Giai đoạn 2031- 2050	
		Chỉ tiêu	P (kW)	Chỉ tiêu	P (kW)
I	Cấp điện sinh hoạt (Đsh)		64 800		111 680
	<i>Cấp điện khu vực đô thị (Đ1)</i>	<i>500W/người</i>	<i>30 000</i>	<i>700W/người</i>	<i>49 630</i>
	<i>Cấp điện khu vực nông thôn (Đ2)</i>	<i>300W/người</i>	<i>34 800</i>	<i>500W/người</i>	<i>62 050</i>



II	Cấp điện dịch vụ công cộng (Đcc)		14 220		26 678
	<i>Khu vực đô thị (Đ3)</i>	<i>30%Đ1</i>	<i>9 000</i>	<i>35%Đ1</i>	<i>17 371</i>
	<i>Khu vực nông thôn (Đ4)</i>	<i>15%Đ2</i>	<i>5 220</i>	<i>15%Đ2</i>	<i>9 308</i>
III	Cấp điện cho công nghiệp (Đcn)	250kW/ha	178 500	250kW/ha	178 500
IV	Đất công nghiệp khác	120kW/ha	16 380	120kW/ha	16 380
V	Nhu cầu cấp điện nông nghiệp, thủy sản	0,3kW/ha	1 526	0,3kW/ha	1 526
	Tổng cộng				
		Pmax=	275 426		334 764
		S= kxPmax/cosφ, cosφ=0,85, k=0,7	226 822		275 688

Bảng: Thống kê trạm giảm áp chính và cân bằng công suất điều chỉnh mới

Stt	Tên trạm	Công suất MBA chính (MVA)			Vị trí
		Hiện trạng	Đến 2030	2031-2050	
I	Trạm 500kV Gia Lộc				
	TBA 500kV Gia Lộc		900	900	
II	Trạm 220kV trên địa bàn tỉnh				
1	TBA 220kV Gia Lộc		2x250	2x250	Xã Hoàng Diệu
III	Trạm 110kV				
1	TBA 110KV NC Gia Lộc		63	2x63	Xã Hoàng Diệu
2	TBA 110KV Gia Lộc 2		63	3x63	Xã Toàn Thắng
3	TBA 110KV Gia Lộc 3		63	3x63	Xã Đoàn Thượng
4	TBA 110KV Gia Lộc 4		63	2x63	Xã Thống Nhất
	Tổng (III)		252	630	
	Nhu cầu phụ tải		226,82	275,69	
	Cân đối	-	25,18	354,31	
			Đã đủ	Đã đủ	

b. Nội dung điều chỉnh mới (theo quy hoạch vùng tỉnh)

- Đường dây và trạm 220kV: Giữ nguyên hướng tuyến đường dây và vị trí trạm trong KCN Hoàng Diệu, có vi chỉnh cục bộ đường dây tại vị trí xuất tuyến trong KCN Hoàng Diệu, công suất trạm 220kV là 2x250MVA.

- Trạm 110kV và đường dây:

+ Trạm 110kV NC Gia Lộc đặt trong KCN Hoàng Diệu giữ nguyên vị trí với công suất: 63MVA. Giữ nguyên tuyến đường dây cấp nguồn cho trạm.

+ Trạm 110kV Gia Lộc 4 phía Bắc xã Thống Nhất, giữ nguyên vị trí trạm và đường dây, công suất trạm: 63MVA

6.5.5 Khai thác các nguồn năng lượng khác

a. Nguồn xăng dầu, khí đốt

- Do quá trình phát triển các ngành công nghiệp cũng như mạng lưới giao thông, nên nhu cầu tiêu thụ xăng dầu trên địa bàn huyện sẽ tiếp tục tăng lên về quy mô và mở rộng theo địa bàn. Tuy nhiên, xuất phát từ hiệu quả đầu tư và hiệu quả kinh doanh, số lượng cửa hàng tăng thêm cần được xem xét cụ thể, phù hợp theo từng tuyến giao thông; khuyến khích các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu cải tạo, nâng cấp, mở rộng quy mô, hiện đại hóa cửa hàng hiện có đảm bảo đáp ứng đúng các quy định, điều kiện trong kinh doanh xăng dầu.

- Thực hiện nâng cấp và mở rộng quy mô một số cửa hàng hiện tại và điều chỉnh các vị trí kinh doanh đáp ứng quy định về các điều kiện kinh doanh và đảm bảo tính hiệu quả trong kinh doanh đối với hệ thống cửa hàng kinh doanh xăng dầu. Di chuyển, xây mới hoặc loại bỏ những cửa hàng không đảm bảo các quy định về điều kiện kinh doanh, cũng như vi phạm nghiêm trọng hành lang an toàn giao thông và phòng chống cháy nổ.

- Phát triển loại hình cửa hàng kinh doanh chuyên sâu và tổ hợp các mặt hàng xăng dầu và các sản phẩm có liên quan (các cửa hàng ở khu vực đô thị sẽ phát triển thêm dịch vụ bán khí dầu mỏ hóa lỏng) ở những địa bàn có tiềm năng.

- Phát triển các loại hình cửa hàng, đa dạng về phương thức phục vụ, nâng cao trình độ văn minh thương mại trong kinh doanh.

- Nâng cấp và hiện đại hoá trang thiết bị của mạng lưới cửa hàng kinh doanh xăng dầu cũng như nâng cao trình độ chuyên môn và kỹ năng của đội ngũ lao động tại các cửa hàng kinh doanh xăng dầu trên địa bàn.

- Tạo điều kiện để các thành phần kinh tế tham gia kinh doanh xăng dầu trên cơ sở các chủ thể chấp hành đầy đủ các quy định của nhà nước về kinh doanh xăng dầu.

- Tạo lập mối quan hệ giữa các cơ quan quản lý và các chủ thể kinh doanh xăng dầu một cách thường xuyên để có thể chủ động điều chỉnh chính sách quản lý, bao gồm cả việc điều chỉnh quy hoạch phát triển hệ thống kinh doanh xăng dầu nhằm đảm bảo lợi ích cho các chủ thể kinh doanh và lợi ích kinh tế - xã hội chung của Tỉnh.

b. Các nguồn khác

- Với phương hướng chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi phát triển ở gia đình và trang trại, đây là những cơ sở có điều kiện tốt áp dụng công nghệ sản xuất khí Metan, kể cả một số nơi ao trũng ngập có khí tự nhiên... cũng có thể khai thác phục vụ sản xuất sinh hoạt...

6.6 Quy hoạch hệ thống thông tin liên lạc

6.6.1 Mục tiêu phát triển

- Căn cứ Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/06/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt "Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030" và Quyết định số 2374/QĐ-BTTTT ngày 30/12/2020 của bộ Thông tin & truyền thông phê duyệt "Kế hoạch chuyển đổi số của thông tin và truyền thông giai đoạn 2021-2025". Mục tiêu tổng quát như sau:

- Tái cấu trúc, chuyển đổi hạ tầng công nghệ thông tin thành hạ tầng số thống nhất, ổn định, linh hoạt, ưu tiên áp dụng công nghệ điện toán đám mây (Cloud First); phát triển ứng dụng, dịch vụ mới theo hướng sử dụng chung hạ tầng số, nền tảng số và các dịch vụ công nghệ thông tin sẵn có.

- Có khả năng sử dụng dữ liệu số và các công cụ phân tích thông minh để kịp thời đưa ra các quyết sách chính xác trong các hoạt động quản lý nhà nước; cung cấp dịch vụ công thuận tiện theo phương thức số (dịch vụ số), mang lại giá trị gia tăng cho người dân.

- Cung cấp dữ liệu mở có thể truy cập, sử dụng dễ dàng; hoàn thiện kho dữ liệu số đáp ứng các yêu cầu về kết nối, chia sẻ tài nguyên thông tin, dữ liệu trong Bộ.

- Mục tiêu cụ thể chia làm 4 nhóm:

- + Hiện đại hóa hạ tầng công nghệ thông tin;
- + Ứng dụng công nghệ thông tin trong nội bộ;
- + Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ người dân và doanh nghiệp;
- + Bảo đảm an toàn thông tin.

6.6.2 Quan điểm phát triển

- Xây dựng hạ tầng viễn thông băng rộng dung lượng lớn, tốc độ cao, công nghệ hiện đại, hạ tầng IoT được tích hợp, ứng dụng rộng rãi trong các hạ tầng giao thông, điện, nước, đô thị, đáp ứng nhu cầu điện toán đám mây, đảm bảo phục vụ cho Chính phủ số, phát triển kinh tế số - xã hội số và đô thị thông minh.

- Hạ tầng viễn thông phát triển bền vững, hiệu quả, nâng cao chất lượng dịch vụ, an toàn và an ninh thông tin, đồng thời đáp ứng yêu cầu bảo vệ cảnh quan môi trường, nhất là tại các đô thị.

6.6.3 Giải pháp quy hoạch hạ tầng kỹ thuật thông tin liên lạc

- Duy trì, đa dạng hóa và nâng cao chất lượng dịch vụ tại các điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng tại các thị trấn và các xã, Kết nối Internet băng rộng tới 100% các điểm, đáp ứng nhu cầu của người sử dụng dịch vụ, đáp ứng tiêu chí xây dựng nông thôn mới.

- Phát triển cột ăng ten trong giai đoạn tới: ưu tiên, khuyến khích doanh nghiệp xây dựng, phát triển loại cột ăng ten A1 (không công kênh); hạn chế,

khống chế số lượng ăng ten A2 (cồng kềnh). Từng bước chuyển đổi hệ thống hạ tầng cột ăng ten A2 hiện tại sang cột ăng ten loại A1, đảm bảo mỹ quan đô thị.

- Cơ sở hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung được đầu tư, xây dựng theo quy hoạch để đảm bảo tính đồng bộ nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên đất, tiết kiệm chi phí đầu tư xây dựng, đảm bảo cảnh quan môi trường.

- Tăng cường sử dụng các hình thức công, bề kỹ thuật, hào và tuynen kỹ thuật để hạ ngầm các đường dây cáp nổi trên các tuyến phố. Trong một số trường hợp, tại một số khu vực cụ thể (khu vực không đủ điều kiện xây dựng hạ tầng công bề...) có thể sử dụng cáp chôn trực tiếp để hạ ngầm, đảm bảo mỹ quan

- Tại các khu đô thị mới đảm bảo hạ tầng thông tin liên lạc ngầm hóa 100%, đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn ngành thông tin và truyền thông và được xây dựng đồng bộ với hạ tầng kỹ thuật ngành khác.

- Mở rộng mạng lưới trạm 4G, 5G, phát triển hệ thống ăngten trạm thu phát sóng theo công nghệ đa tần: một ăngten có thể thu phát trên nhiều dải tần khác nhau. Đây là cơ sở để các doanh nghiệp đầu tư sử dụng chung hạ tầng, tiết kiệm chi phí (nhiều doanh nghiệp cùng sử dụng chung hạ tầng một ăngten, mỗi doanh nghiệp thu phát trên một băng tần khác nhau).

- Chuyển đổi hạ tầng viễn thông, công nghệ thông tin thành hạ tầng số, hạ tầng quan trọng của Chính phủ số, kinh tế số và xã hội số. Đến năm 2025, hạ tầng mạng băng thông rộng cáp quang phủ tới 100% xã, trên 80% hộ gia đình; 100 số thuê bao di động là băng rộng; tỷ lệ người dân sử dụng internet đạt trên 80%; 100% dân số trong độ tuổi trưởng thành có điện thoại di động thông minh; tỷ lệ dân số có tài khoản thanh toán điện tử đạt trên 50%. 100% các cơ quan nhà nước, các tổ chức kinh tế xã hội như trường học, bệnh viện... tại các đô thị, các khu công nghiệp có đường truyền truy nhập internet tốc độ cao.

6.7 Quy hoạch thoát nước thải, quản lý CTR và nghĩa trang

6.7.1 Định hướng

- Đầu tư, áp dụng mọi phương pháp xử lý thích hợp để:
 - + Tái chế, sản xuất vi sinh, xử lý chất thải rắn công nghiệp, y tế bằng các công nghệ hiện đại để tận dụng tối đa các sản phẩm có thể xử lý được, hạn chế tối đa các chất thải rắn chôn lấp.
 - + Nước thải công nghiệp, sinh hoạt, bệnh viện của cả đô thị, nông thôn phải được xử lý đạt tiêu chuẩn vệ sinh theo TCVN trước khi thải ra môi trường.
 - Áp dụng công nghệ hiện đại từng bước, từng nơi để hoả táng, lưu táng; hạn chế tối đa tiến tới chấm dứt hình thức địa táng.
 - Phát triển các khu xử lý chất thải rắn tập trung cho toàn huyện, khắc phục dần xử lý manh mún nhỏ lẻ.

- Phát triển các hình thức nghĩa trang nhân dân cấp vùng liên huyện hoặc vùng huyện, khắc phục dần hình thức nhỏ lẻ từng thôn xã chôn cất cải táng lãng phí quá nhiều đất, gây hại môi trường, khó khăn giải phóng mặt bằng.

- Nước thải phải được xử lý tại chỗ: khu đô thị, bệnh viện, cơ sở sản xuất, khu- cụm công nghiệp... tùy thuộc tính chất xử lý đạt các cấp độ A, B của TCVN mới được thải ra môi trường. Hình thức xử lý kết hợp tập trung và cả phân tán mục tiêu là đảm bảo hiệu quả môi trường và kinh tế.

6.7.2 Chỉ tiêu tính toán

- Áp dụng theo quy chuẩn quy phạm Bộ Xây dựng ban hành đối với đô thị loại IV-V cho các thị trấn.

- Hệ thống xử lý nước thải áp dụng cho các đô thị hiện trạng là dạng nửa riêng; cho các khu đô thị mới là dạng riêng hoàn toàn.

- Các trung tâm xã, các khu làng công nhân, trang trại hệ thống thoát nước chung, các điểm dân cư nông thôn cần xử lý tại bề tự hoại trước khi đổ ra công thoát nước chung.

- Chỉ tiêu phát sinh nước thải $\geq 80\%$ chỉ tiêu cấp nước tương ứng;

- Chỉ tiêu chất thải rắn sinh hoạt và công nghiệp theo các quy định hiện hành.

6.7.3 Giải pháp quy hoạch

* Nội dung điều chỉnh:

- Đối với nghĩa trang cấp vùng (huyện): dự kiến quy hoạch 02 khu nghĩa trang cấp vùng tại các khu vực sau: thôn Tó, xã thị trấn Gia Lộc khoảng 5ha (có bố trí Nhà tang lễ); xã Quang Đức, quy mô khoảng 7ha.

- Quy hoạch mới một khu tập kết chất thải xây dựng với diện tích khoảng 6ha ở phía Nam xã Lê Lợi.

- Chất thải rắn trên địa bàn huyện Gia Lộc dự kiến được đưa về nhà máy xử lý rác thải tập trung tại huyện Thanh Hà. Tương lai dự kiến xử lý tại khu xử lý quy hoạch mới giữa 2 huyện Thanh Miện và Ninh Giang

a. Quy hoạch thoát nước thải

- Hệ thống thoát nước thải dự kiến là hệ thống thoát nước hỗn hợp bao gồm: hệ thống thoát nước nửa riêng và hệ thống thoát nước riêng. Bố trí các trạm xử lý nước thải và hệ thống mạng đường ống truyền dẫn nước thải theo từng lưu vực thoát nước.

- Xác định lưu lượng nước thải: Lưu lượng nước thải xác định bằng 80% lưu lượng cấp.

- Hệ thống thoát nước thải dự kiến theo sơ đồ như sau: Bể tự hoại \rightarrow công thu nước thải \rightarrow trạm bơm nước thải \rightarrow trạm làm sạch nước thải \rightarrow nguồn nước (hoặc tái sử dụng nước thải sau khi đã xử lý nhưng có kiểm soát).

- Hệ thống thoát nước thải gồm: Các tuyến cống tròn thoát nước thải bằng BTCT; Trạm bơm nước thải xây chìm bằng BTCT; Trạm làm sạch nước thải.
- Công nghệ xử lý nước thải sẽ được quyết định trong giai đoạn lập dự án đầu tư xây dựng nhưng cần chọn lựa công nghệ hiện đại, chiếm ít diện tích đất.
- Đối với nước thải công nghiệp đặc biệt là các ngành công nghiệp thải ra nước thải độc hại, hoặc có tính chất khác xa với nước thải sinh hoạt thì cần phải được thu gom và xử lý cục bộ tới khi đạt các tiêu chuẩn của nguồn tiếp nhận theo QCVN 40:2011/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.
- Nước thải công nghiệp được thu gom và xử lý riêng trong mỗi khu – cụm công nghiệp.
- Đối với nước thải sinh hoạt ở các đô thị, các khu du lịch cần phải được thu gom để xử lý tập trung đạt tiêu chuẩn của nguồn tiếp nhận theo QCVN 14:2008/BTNMT– Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt. Xây dựng mới và hoàn thiện hệ thống thu gom nước thải cho các đô thị, cống dẫn nước thải về khu xử lý tập trung.
- Đối với nước thải sinh hoạt khu vực dân cư nông thôn cần từng bước xây dựng hệ thống đường cống thu gom và tiêu thoát nước thải để tiến tới thu gom và xử lý tập trung cho toàn khu vực. Hiện tại cần được thu gom và xử lý cục bộ tại các hộ gia đình trước khi xả ra hệ thống chung.
- Dự kiến xây dựng 5 trạm xử lý nước thải tập trung cho các khu vực của huyện Gia Lộc:

Bảng: Các trạm xử lý nước thải

Stt	Tên trạm	Vị trí xây dựng	Công suất (m ³ /ngày)	
			GD 2030	GD 2050
1	TXL nước thải Gia Lộc 1	TT Gia Lộc	5.000	5.000
2	TXL nước thải Gia Lộc 2	Xã Gia Khánh	5.000	5.000
3	TXL nước thải Gia Lộc 3	Xã Yết Kiêu		5.000
4	TXL nước thải Gia Lộc 4	Xã Đoàn Thượng	5.000	5.000
5	TXL nước thải Gia Lộc 5	Xã Quang Đức	5.000	5.000
Tổng cộng			20.000	25.000

- Nước thải y tế tại các bệnh viện cần được thu gom và xử lý riêng.

b. Quy hoạch chất thải rắn (CTR)

- *Dự báo khối lượng CTR:*
- + Chỉ tiêu rác thải sinh hoạt: 0,9 kg/người.ngày.
- + Tỷ lệ thu gom CTR sinh hoạt: 90%
- + Chỉ tiêu rác thải xây dựng: 15% CTR sinh hoạt.

- + Tỷ lệ thu gom CTR xây dựng: 80%
- Rác thải sinh hoạt được thu gom chuyên đi trong ngày.
- Chất thải rắn trên địa bàn huyện Gia Lộc dự kiến được đưa về nhà máy xử lý rác thải tập trung tại huyện Thanh Hà. Tương lai dự kiến xử lý tại khu xử lý quy hoạch mới giữa 2 huyện Thanh Miện và Ninh Giang.
- Dự kiến quy hoạch mới một khu tập kết chất thải xây dựng với diện tích khoảng 6ha ở phía Nam xã Lê Lợi.
- *Các điểm thu gom khác*
- + Khu thu gom rác thải sinh hoạt ở xã, thị trấn vẫn theo hiện trạng và không mở rộng diện tích. Xây dựng và phát triển hệ thống dịch vụ thu gom rác thải tại các khu dân cư đảm bảo vận hành liên tục.
- + Rác thải công nghiệp được gom và tập kết (bố trí tại các khu vực công nghiệp) sau đó sẽ được vận chuyển đến khu vực xử lý tập trung.
- + Rác thải tại y tế sử dụng các hình thức xử lý riêng (lò đốt thủ công...).
- + Nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho người dân, vận động người dân phân loại chất thải theo quy định trước khi tập kết tại các điểm thu gom.

c. Nghĩa trang, nghĩa địa

- Các điểm nghĩa trang theo như nội dung của quy hoạch nông thôn mới và các quy hoạch chung.
- Đối với nghĩa trang cấp vùng (huyện): dự kiến quy hoạch 02 khu nghĩa trang cấp vùng tại các khu vực sau: thôn Tó, xã Thị trấn Gia Lộc khoảng 5ha (có bố trí Nhà tang lễ); xã Quang Đức, quy mô khoảng 7ha.
- Đối với các xã, thị trấn: quy hoạch các nghĩa trang tập trung với quy mô khoảng từ 1-3 ha/khu.
- Đối với vùng nông thôn, hướng tới việc từng bước di chuyển các điểm chôn cất nhỏ lẻ về khu nghĩa trang tập trung quy mô liên thôn và quy mô toàn xã, đảm bảo cảnh quan chung và các yêu cầu về vệ sinh môi trường.
- Nâng cao nhận thức, vận động người dân sử dụng giải pháp hoá táng.

6.8 Quy hoạch hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm

- Trong phạm vi chỉ giới đường đỏ có thể bố trí đầy đủ hay một số các công trình ngầm, như các loại cống, ống cấp nước, cáp viễn thông, cáp điện lực...
- Các công trình ngầm có thể đặt riêng hoặc đặt chung trong 1 tuynel kỹ thuật hoặc hào kỹ thuật tùy theo điều kiện kinh tế, kỹ thuật cụ thể. Hệ thống tuynel kỹ thuật phải được thiết kế cấu tạo phù hợp với nhu cầu hiện tại trên cơ sở bản đồ quy hoạch của từng công trình hạ tầng kỹ thuật riêng rẽ và thích ứng với những thay đổi trong tương lai.

- Trong khu vực đô thị hiện trạng cải tạo, cần từng bước cải tạo và hạ ngầm các công trình hạ tầng kỹ thuật như đường dây điện, cáp viễn thông... Với những đường chính có khả năng mở rộng thì cần thiết phải bố trí hào kỹ thuật. Với những tuyến đường không có khả năng mở rộng thì các công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm được chôn riêng rẽ nhưng phải đảm bảo đúng theo các tiêu chuẩn của từng chuyên ngành.

- Trong các khu vực đô thị xây dựng mới, các đường phố chính đô thị nhất thiết phải bố trí tuynel kỹ thuật, hào kỹ thuật. Các đường phố khu vực cần xem xét bố trí tuynel, hào kỹ thuật trong trường hợp cụ thể. Với những đường phố chính có bề rộng có thể bố trí tuynel kỹ thuật tại bề rộng. Đối với những đường phố chính có bề rộng 6m- 8m có thể bố trí hào kỹ thuật 2 bên hè. Đối với những tuyến đường khu vực không bố trí hào kỹ thuật, các công trình hạ tầng kỹ thuật được bố trí riêng rẽ. Giải pháp kỹ thuật công trình ngầm được áp dụng theo các hướng dẫn và tiêu chuẩn chuyên ngành hiện hành.

Bảng: Chiều sâu tối thiểu đặt công trình ngầm.

Loại công trình ngầm	Chiều sâu tối thiểu đặt công trình ngầm, tính từ đỉnh kết cấu bao che (m)
Ống cấp nước đặt dưới hè đường	0,5
Ống cấp nước đặt dưới phần xe chạy:	
Đường kính ống ≤ 300mm	0,8
Đường kính ống ≥ 300mm	1,0
Cáp đặt dưới hè	0,7
Cáp đặt dưới lòng đường	1,0

Bảng: Khoảng cách tối thiểu từ mép công trình ngầm tới các công trình khác (m)

Loại CT ngầm	Công trình khác		
Công trình khác	Ống cấp nước	Ống thoát nước	Cáp điện, cáp thông tin
Mép móng nhà và công trình	5	3	0,6
Móng cột điện, cột tín hiệu	1,5	3	0,5
Tới ray đường sắt gần nhất		4	3
Đường xe điện (tính từ đường ray ngoài cùng)	2	1,5	2
Tường hay trụ cầu vượt hầm	5	3	0,3
Tới mép ngoài của rãnh bên hay chân của nền đắp	1	1	1

Bảng: Khoảng cách tối thiểu giữa mép ngoài của các công trình ngầm (m)

Loại công trình	Ống cấp nước	Ống thoát nước	Cáp điện lực	Cáp thông tin

*Thuyết minh Điều chỉnh Quy hoạch xây dựng vùng huyện Gia Lộc,
tỉnh Hải Dương đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (điều chỉnh lần 2)*

Ổng cấp nước	1,5	-	0,5	0,5
Ổng thoát nước	-	0,4	0,5	0,5
Cáp điện lực	0,5	0,5	0,1-0,5	0,5
Cáp thông tin	0,5	0,5	0,5	-



PHẦN VII

XÁC ĐỊNH DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN QUY HOẠCH

7.1 Mục tiêu và phương hướng đầu tư

7.1.1 Mục tiêu

- Từ nay đến năm 2050 công cuộc đổi mới đất nước tiếp tục được đẩy mạnh trên mọi lĩnh vực nên việc thực hiện các mục tiêu và phương hướng phát triển trong quy hoạch vùng sẽ có nhiều thuận lợi, nhưng mặt khác cũng sẽ có những khó khăn do đang trong quá trình chuyển đổi. Vì vậy, các giải pháp thực hiện quy hoạch phải đồng bộ, một mặt phải dựa trên cơ sở pháp luật, chính sách, quy định của nhà nước mặt khác phải phù hợp với tình hình cụ thể của vùng. Trên cơ sở đó việc đầu tư sẽ tập chung theo định hướng sau:

- Đến năm 2030:

+ Tập trung đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển kinh tế xã hội, phát triển thị trấn Gia Lộc đạt các tiêu chí của đô thị loại IV;

+ Rà soát và xây dựng đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng như hệ thống các đường giao thông; hệ thống cơ sở hạ tầng xã hội như giáo dục, công trình văn hóa thể thao..., hệ thống các trung tâm thương mại, khu công nghiệp, dịch vụ cấp vùng.

- Đến năm 2050: Phát triển cân đối công nghiệp- dịch vụ và nông nghiệp, đảm bảo sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo định hướng chung, đảm bảo an ninh lương thực và phát triển bền vững.

7.1.2 Phương hướng thực hiện

a. Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng hoàn thiện

- Tiếp tục đầu tư, nâng cấp đồng bộ hệ thống đường giao thông (Quốc lộ, đường tỉnh, đường huyện, các tuyến đường liên xã...) theo quy hoạch, đạt tiêu chuẩn, đảm bảo giao thông thông suốt;

- Đầu tư, nâng cấp hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu vực đô thị theo tiêu chuẩn của đô thị theo hướng văn minh, hiện đại;

- Hoàn thành cơ bản mạng lưới giao thông nông thôn theo hướng hình thành các cụm, điểm dân cư tập trung;

- Thực hiện đầu tư phát triển hệ thống bưu chính viễn thông với công nghệ và trình độ hiện đại, đạt mức độ khá so với mặt bằng chung của tỉnh;

- Đầu tư nâng cấp các công trình quan trọng, đầu mối trong các lĩnh vực giao thông, thủy lợi, cấp điện, cấp thoát nước đô thị, y tế, giáo dục, ...

- Đẩy nhanh tiến độ và sớm đưa vào sử dụng các công trình công cộng, văn hóa thể thao phục vụ người dân.

b. Kêu gọi và xúc tiến các dự án đầu tư trọng điểm



- Tiếp tục đầu tư xây dựng, hoàn chỉnh hạ tầng các khu, cụm công nghiệp đã được thành lập; kêu gọi đầu tư phát triển các khu, cụm công nghiệp mới và ổn định mạng lưới công nghiệp vào giai đoạn đến 2030;
- Kêu gọi và xúc tiến đầu tư phát triển một số dự án trọng điểm trong lĩnh vực dịch vụ, lĩnh vực logistic, vận tải, kho bãi...;
- Hình thành các dự án đầu tư phát triển du lịch trên cơ sở kết hợp phát triển du lịch sinh thái, trải nghiệm với tham quan bảo tồn các di tích, phát triển các dịch vụ vui chơi giải trí...
- Đầu tư hình thành các trung tâm thương mại và dịch vụ tài chính, tin dụng áp dụng các công nghệ hiện đại trong các hoạt động dịch vụ.

c. Đầu tư phát triển nông nghiệp, nông thôn, xây dựng nông thôn mới

- Xây dựng các chương trình ứng dụng kỹ thuật, cơ giới hóa nông nghiệp, đưa tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp, theo hướng hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn;
- Kêu gọi, thu hút đầu tư của các doanh nghiệp sản xuất nông nghiệp công nghệ cao;
- Phát triển kinh tế trang trại. Có chính sách cụ thể về yêu cầu bảo vệ môi trường, tăng cường áp dụng công nghệ sinh học; tập trung các trang trại chăn nuôi theo quy hoạch xã, hạn chế chăn nuôi nhỏ lẻ trong nông hộ;
- Đầu tư nâng cấp, ổn định hệ thống hạ tầng thủy lợi, kiên cố hóa đê kè.
- Tiếp tục triển khai và hoàn thành việc xây dựng nông thôn mới nâng cao và nông thôn mới kiểu mẫu,

d. Hình thành các chương trình đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật và các dự án trọng điểm trong lĩnh vực phát triển xã hội

- Chương trình đầu tư hiện đại hoá các cơ sở giáo dục, đào tạo;
- Chương trình đầu tư hiện đại hoá các thiết chế văn hoá - xã hội;
- Chương trình đầu tư hiện đại hoá các cơ sở y tế, chăm sóc sức khoẻ.
- Hình thành các chương trình đầu tư nâng cao tiềm lực khoa học công nghệ;
- Xây dựng chương trình bảo vệ môi trường và phát triển bền vững, đặc biệt là bảo vệ nguồn tài nguyên nước, môi trường nước;
- Xây dựng chương trình hợp tác phát triển kinh tế - xã hội giữa huyện Gia Lộc và các huyện trong tỉnh;

7.2 Kế hoạch thực hiện

7.2.1 Giai đoạn đến năm 2030

a. Định hướng chung



- Tiếp tục phát triển đẩy mạnh công nghiệp và dịch vụ công nghiệp. Khai thác hiệu quả và triệt để hệ thống giao thông, nhất là giao thông đường bộ, đường sắt nhằm phát triển công nghiệp.

- Phát triển các khu vực du lịch văn hóa - tín ngưỡng, du lịch sinh thái trên cơ sở phát triển hệ thống đô thị, du lịch mới có đặc trưng về cảnh quan môi trường và sản xuất truyền thống.

- Quy hoạch các vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, các quy hoạch phát triển ngành hàng, sản phẩm chủ lực nhằm thực hiện hiệu quả đề án. Tái cơ cấu nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững gắn với chương trình xây dựng nông thôn mới.

b. Danh mục các dự án triển khai

- *Đất ở*: Vị trí, quy mô diện tích phát triển đất ở mới (đô thị, nông thôn) được xác định cụ thể ở các quy hoạch chung đô thị, quy hoạch chung xây dựng xã, quy hoạch chi tiết xây dựng, đảm bảo phù hợp với chỉ tiêu đất đai được phân bổ; phù hợp quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, chương trình phát triển nhà được phê duyệt; phù hợp Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng và các quy định pháp luật có liên quan.

- *Công trình hạ tầng xã hội*:

+ Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện khu Trung tâm văn hóa thể thao; chỉnh trang đô thị, xây dựng tuyến phố văn minh, nhà văn hóa khu dân cư, nhà truyền thống, thư viện...;

+ Xây dựng, cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc của huyện và các xã, thị trấn; đất trụ sở an ninh, quốc phòng: công an PCCC và CNCH tại các xã, thị trấn;

+ Xây dựng các thiết chế văn hóa theo quy hoạch nông thôn mới nâng cao - nông thôn mới kiểu mẫu;

- *Công nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp*: Triển khai xây dựng đất công nghiệp tập trung quy mô lớn trên địa bàn, như KCN Gia Lộc, KCN Hoàng Diệu, và các CCN... đã có chủ trương đầu tư;

- *Dịch vụ, thương mại, du lịch*:

+ Kêu gọi nghiên cứu, đầu tư các loại hình du lịch văn hoá, du lịch sinh thái, trải nghiệm..., phối hợp với các vùng lân cận hình thành các tuyến du lịch. Trùng tu, tôn tạo các di tích tôn giáo, tín ngưỡng trên địa bàn.

+ Thu hút, kêu gọi đầu tư xây dựng Trung tâm thương mại khu vực theo quy hoạch. Xây dựng cải tạo và xóa bỏ các chợ không phù hợp theo quy hoạch;

+ Triển khai xây dựng khu logistic tại khu vực thị trấn Gia Lộc và xã Toàn Thắng với quy mô khoảng 30 ha;

- *Nông nghiệp*:



+ Xây dựng, nâng cấp hệ thống giao thông, kiên cố hóa kênh mương thủy lợi tại các vùng sản xuất;

+ Xây dựng, triển khai nhân rộng mô hình nhà màng, nhà lưới tại các vùng sản xuất, nâng cao chất lượng nông sản, tiến tới cơ giới hóa trong nông nghiệp;

+ Nâng cấp hệ thống các trạm bơm tưới, tiêu.

* Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các dự án nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động nguồn lực đầu tư của từng giai đoạn.

- *Giao Thông:*

+ Xây dựng các trục đường theo Quy hoạch giao thông, như đường tỉnh, đường huyện;

+ Cải tạo, nâng cấp hệ thống đường huyện và một số trục giao thông theo quy hoạch xây dựng nông thôn mới;

+ Đầu tư, nâng cấp hệ thống các cảng sông, kho bãi theo quy hoạch;

- *Hệ thống hạ tầng kỹ thuật khác:*

+ Xây dựng mới và cải tạo hệ thống các công trình hạ tầng kỹ thuật theo các quy hoạch có liên quan.

+ Xây dựng và nâng cấp nhằm hoàn thiện các tiêu chí nông thôn mới như: Cấp điện, cấp nước, thoát nước thải, rác thải và vệ sinh môi trường...

7.2.2 Giai đoạn từ năm 2031- 2050

a. Định hướng chung

- Tăng tốc, tăng trưởng kinh tế cao hơn, đô thị hóa nhanh hơn.

- Tiếp tục đẩy mạnh phát triển công nghiệp, dịch vụ công nghiệp. Xây dựng cơ sở hạ tầng các khu, cụm công nghiệp.

- Phát triển mạnh mẽ sản xuất nông nghiệp hàng hóa, khai thác tối ưu lợi thế vùng và sản phẩm nông sản chủ lực của huyện.

- Tập trung phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

- Quy hoạch xây dựng vùng huyện Gia Lộc phải giải quyết những vấn đề vừa mang tính chiến lược lâu dài, vừa đáp ứng nhu cầu trước mắt của nhiệm vụ phát triển lãnh thổ, để hướng tới nền kinh tế phát triển cao, xã hội tiên tiến và môi trường bền vững.

- Nền kinh tế tăng trưởng kết hợp, hợp lý chiều rộng và chiều sâu. Chuyên dịch về cơ cấu đầu tư, nâng cao chất lượng, phát triển bền vững có tính chất và quy mô phù hợp; Cơ cấu theo hướng tiến bộ có năng suất tăng trưởng cao, có tính cạnh tranh tốt, khả năng liên kết hợp tác trong nội và ngoại vùng.

b. Danh mục các dự án triển khai



- Tiếp tục đầu tư và hoàn thiện cơ sở hạ tầng giai đoạn trước; Đầu tư xây dựng các thiết chế văn hoá, thể thao và các công trình công cộng khác tại những đô thị mới đảm bảo các quy định.

- Du lịch, dịch vụ, thương mại: Tiếp tục đầu tư xây dựng các khu dịch vụ thương mại ưu tiên tại các khu có vị trí gần cụm công nghiệp, các trục giao thông chính, các góc giao lộ trọng điểm.

- Triển khai rộng rãi ứng dụng công nghệ vào trong trồng trọt, chăn nuôi và chế biến nông sản. Đa dạng hóa sản phẩm chủ lực, tạo sức cạnh tranh cao trên thị trường hướng đến xuất khẩu.

Hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

- Xây dựng, hoàn thiện kết nối liên vùng đảm bảo theo quy hoạch;
- Cải tạo, nâng cấp và mở rộng các trục đường giao thông đảm bảo theo quy hoạch nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu;
- Hoàn thiện hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật giai đoạn trước và xây dựng mới và cải tạo hệ thống các công trình hạ tầng kỹ thuật cho các khu phát triển mới theo các quy hoạch có liên quan.

** Việc triển khai các dự án sau khi Quy hoạch xây dựng vùng huyện Gia Lộc được phê duyệt phải bảo đảm phù hợp với Quy hoạch tỉnh Hải Dương, các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất đai được phân bổ và các quyết định điều chỉnh, bổ sung (nếu có) của cấp có thẩm quyền.*

7.3 Giải pháp huy động vốn đầu tư

7.3.1 Dự báo và kiến nghị nguồn vốn đầu tư

- Xác định cơ cấu nguồn vốn đầu tư: Thực hiện giải ngân vốn đầu tư công, Vốn ngân sách tập trung, vốn vay tín dụng, vốn huy động trong dân và của doanh nghiệp trên địa bàn. Cần xác định nguồn vốn trong nước là quyết định, nguồn vốn nước ngoài là rất quan trọng. Phải huy động tối đa nguồn lực nội tại và thu hút vốn trong nước, đặc biệt là của các tập đoàn doanh nghiệp lớn trong nước; đồng thời tạo mọi điều kiện thuận lợi để thu hút vốn đầu tư nước ngoài bằng nhiều hình thức thích hợp. Đa dạng hoá các hình thức huy động nguồn vốn trong tỉnh, trong nước, đây là nguồn vốn có ý nghĩa quyết định về lâu dài, đảm bảo có đủ năng lực nội tại để tiếp nhận đầu tư trong và ngoài nước một cách bình đẳng và đôi bên cùng có lợi.

- Đầu tư từ nguồn vốn nhà nước trên địa bàn được thực hiện theo Luật Đầu tư công, Kế hoạch đầu tư trung hạn và các văn bản có liên quan. Nguồn vốn này chủ yếu đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, các lĩnh vực xã hội và phúc lợi công cộng.

- Nguồn vốn doanh nghiệp và vốn từ dân. Thu hút nguồn vốn của các doanh nghiệp trên địa bàn, từ các tỉnh/thành phố trong cả nước. Nguồn vốn này có xu hướng tăng lên, chủ yếu đầu tư cho phát triển sản xuất, kinh doanh, một phần xây dựng cơ sở hạ tầng.



- Nguồn vốn đầu tư từ khu vực tư nhân và vốn đầu tư nước ngoài. Dự báo trong các giai đoạn phát triển, đây vẫn là nguồn vốn quan trọng nhất, chiếm trên 80% tổng vốn đầu tư phát triển hàng năm trên địa bàn.

- Nhu cầu vốn trên được tính toán từ góc độ vĩ mô và tổng hợp nhu cầu vốn từ các dự án ưu tiên thời kỳ quy hoạch, gồm cả vốn cho xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội và phát triển sản xuất.

- Cơ cấu đầu tư: được chuyển đổi theo hướng đầu tư có hiệu quả, có trọng tâm, trọng điểm tạo tiềm lực cho phát triển lâu dài và tạo các khâu đột phá cho các ngành kinh tế trong huyện. Định hướng đầu tư các ngành lĩnh vực sau:

+ Đầu tư vào ngành công nghiệp để tăng năng lực sản xuất và khả năng cạnh tranh của một số sản phẩm, lĩnh vực đầu tư này tăng nhanh vì có khu công nghiệp, cụm CN, thời kỳ 2021 – 2030 chiếm khoảng 55,0%.

+ Đầu tư cho các lĩnh vực dịch vụ, thời kỳ 2021 – 2030 chiếm 38,0%.

+ Đầu tư cho nông nghiệp, thủy sản: do vốn được đầu tư vào ngành công nghiệp, dịch vụ lớn nên tỷ trọng vốn đầu tư cho nông nghiệp, thủy sản là khoảng 7,0% vào năm 2030.

Giải pháp về vốn:

- Nguồn vốn từ ngân sách trung ương và địa phương

+ Vốn ngân sách trung ương chủ yếu đầu tư phát triển các dự án trọng điểm quốc gia, các kết cấu hạ tầng diện rộng như các tuyến đường quốc lộ, đường sắt quốc gia, công trình công cộng cấp vùng,...

+ Vốn ngân sách địa phương chủ yếu đầu tư phát triển các dự án trọng điểm của tỉnh, thành phố và kết cấu hạ tầng khung trong tỉnh, thành phố như đường tỉnh, đường huyện, các tuyến đường trục chính đô thị, các trung tâm hành chính, văn hóa, thể thao, giáo dục, y tế của đô thị,...

- Vốn ngoài ngân sách

+ Vốn doanh nghiệp huy động từ phương thức đối tác công tư (PPP).

+ Xã hội hóa, đầu tư tư nhân (Lĩnh vực thu hút đầu tư theo phương thức xã hội hóa để phát triển đô thị gồm: giáo dục đào tạo, giáo dục nghề nghiệp, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường).

+ Vốn viện trợ phát triển: Tận dụng vốn viện trợ ODA và NGO, tập trung xây dựng các công trình cung cấp dịch vụ công thiết yếu như y tế, cấp nước, thoát nước, xây dựng cơ sở hạ tầng; nâng cấp giao thông nông thôn; xây dựng công trình thủy lợi; hỗ trợ y tế tuyến cơ sở, trang thiết bị, hạ tầng phục vụ cho công tác khám, chữa bệnh; bảo vệ môi trường như thoát nước, xử lý chất thải rắn; phòng chống thiên tai,... nhất là trong giai đoạn đầu để làm đòn bẩy thúc đẩy phát triển.

+ Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI): Dự án sản xuất, khu công nghiệp, cụm công nghiệp; du lịch, dịch vụ.

7.3.2 Một số biện pháp huy động vốn

- Sử dụng hiệu quả nguồn ngân sách Nhà nước.
- + Cần đầu tư có trọng điểm, tránh dàn trải, tập trung đầu tư dứt điểm các công trình ưu tiên, các dự án có khả năng thu hồi vốn nhanh, phát huy được hiệu quả.
- + Tăng cường quản lý, giám sát đầu tư, chống thất thoát vốn. Thực hành tiết kiệm trong sử dụng vốn ngân sách. Tiếp tục đẩy mạnh công tác thu ngân sách, tăng thêm các nguồn thu trên cơ sở khuyến khích phát triển nhiều cơ sở sản xuất, kinh doanh. Phân đầu tăng thu ngân sách bình quân hàng năm đạt 10% - 15%. Có biện pháp quản lý chặt chẽ các nguồn thu, hạn chế thất thu ngân sách.
- Huy động vốn hỗ trợ từ các chương trình, dự án Quốc gia: Cần tranh thủ sự hỗ trợ các nguồn vốn từ các dự án như quỹ giải quyết việc làm, quỹ xoá đói giảm nghèo, vốn vay đầu tư chiều sâu trung hạn, ngắn hạn của các ngân hàng thương mại, quỹ hỗ trợ đầu tư phát triển quốc gia v.v.
- Huy động vốn từ quỹ đất đai.
- + Thông qua đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu các dự án đã được quy hoạch để tạo vốn đầu tư cho xây dựng các công trình hạ tầng, phát triển các khu đô thị.
- + Đẩy mạnh cấp giấy quyền sử dụng đất cho các doanh nghiệp và dân cư, tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện các giao dịch liên quan đến đất nhằm huy động nguồn vốn từ đất (thế chấp, bảo lãnh bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất...) để vay vốn ngân hàng.
- Tăng cường xúc tiến đầu tư. Xây dựng danh mục các dự án kêu gọi đầu tư, các trang thông tin cụ thể về nội dung dự án, địa chỉ liên hệ, cán bộ phụ trách v.v để thông tin, giới thiệu các dự án phát triển. Tạo thuận lợi tối đa để thu hút nguồn vốn tư nhân vào các dự án đầu tư hạ tầng theo hình thức PPP trên địa bàn. Hỗ trợ đền bù, giải phóng nhanh mặt bằng, tạo các điều kiện thuận lợi để các nhà đầu tư sớm triển khai dự án.
- Đẩy mạnh các cơ chế, chính sách. Đơn giản hóa thủ tục hành chính, tạo thuận lợi tối đa cho các thành phần kinh tế đầu tư trên địa bàn. Tập trung đầu tư kết cấu hạ tầng theo hình thức BOT, BT, BTO. Tạo nguồn vốn từ quỹ đất đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng và các nhiệm vụ có tính đột phá.

PHẦN VIII

ĐỀ XUẤT CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN QUY HOẠCH

8.1 Các giải pháp thực hiện quy hoạch

8.1.1 Gắn quy hoạch với xây dựng hệ thống chính trị

- Xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh gắn với quy tắc quy hoạch tổng thể phát triển vùng huyện trên địa bàn huyện. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và điều hành, quản lý của Nhà nước cũng như sự phối hợp giám sát của các tổ chức chính trị, xã hội đối với các phương án quy hoạch đã được phê duyệt.

8.1.2 Tổ chức công bố, phổ biến quy hoạch

- Sau khi đồ án Điều chỉnh quy hoạch vùng huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (điều chỉnh lần 2) được phê duyệt, UBND huyện Gia Lộc tổ chức công bố và phổ biến bản Điều chỉnh quy hoạch vùng huyện Gia Lộc bằng nhiều hình thức cho tất cả cán bộ, doanh nghiệp, nhân dân trong huyện và các nhà đầu tư trong và ngoài nước được biết.

8.2 Phân công nhiệm vụ các cơ quan của huyện trong quá trình thực hiện quy hoạch

- UBND huyện là cơ quan chịu trách nhiệm thực hiện quy hoạch sau khi được phê duyệt; Báo cáo với Huyện uỷ, HĐND huyện về kết quả thực hiện quy hoạch.

- Phòng Kinh tế và hạ tầng là cơ quan thường trực theo dõi, tổng hợp kết quả thực hiện công tác quy hoạch, là đơn vị chủ trì, phối hợp với các phòng, ban, đơn vị khác tham mưu cho UBND huyện trong quá trình thực hiện quy hoạch. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chuyên môn xây dựng kế hoạch trên cơ sở quy hoạch đã được phê duyệt để trình HĐND-UBND huyện xem xét, chấp thuận; đề xuất các phương án và lộ trình kêu gọi xúc tiến đầu tư trên địa bàn, phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế- xã hội;

- Phòng Nông nghiệp & PTNT xây dựng các đề án phát triển vùng sản xuất phù hợp với định hướng đã đặt ra về nông nghiệp, chăn nuôi, thủy sản...

- Các cơ quan khác căn cứ vào chức năng chuyên môn thực hiện các nội dung, xây dựng các đề án phát triển của ngành trên cơ sở điều kiện thực tế của huyện và định hướng của tỉnh, của huyện đã xây dựng.

PHẦN IX

ĐÁNH GIÁ MÔI TRƯỜNG CHIẾN LƯỢC

9.1 Mục tiêu môi trường phạm vi nghiên cứu quy hoạch

- Hạn chế tác động xấu của hoạt động sản xuất công nghiệp, hoạt động sống của nhân dân (đặc biệt là khu vực đô thị) đến môi trường; đảm bảo chất lượng môi trường và bảo vệ sức khỏe cộng đồng, cảnh quan khu vực với mục tiêu ngăn chặn tốc độ gia tăng ô nhiễm môi trường.
- Đáp ứng các yêu cầu về môi trường cho phát triển bền vững, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, nâng cao sức khỏe và chất lượng cuộc sống của người dân.

9.2 Các chỉ tiêu cụ thể

- Xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước thải, khí thải từ các khu vực đô thị, khu công nghiệp, khai thác vật liệu xây dựng.
- Bố trí hệ thống trang thiết bị phục vụ công tác phân loại, thu gom chất thải rắn. Đảm bảo 90-100% tổng lượng chất thải rắn phát sinh trong phạm vi nghiên cứu quy hoạch được phân loại thu gom, xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường. Từng bước đầu tư công nghệ hiện đại tại nhà máy xử lý chất thải rắn cấp vùng huyện.

9.3 Các vấn đề môi trường chính cần xem xét khi lập quy hoạch

Cơ sở xác định các vấn đề môi trường chính khi lập quy hoạch vùng huyện.

- Việc xác định các vấn đề môi trường chính khi quy hoạch vùng huyện được tiến hành dựa trên các cơ sở khoa học và thực tiễn sau đây:
 - + Hiện trạng các nguồn tài nguyên thiên nhiên trên địa bàn tỉnh nói chung và phạm vi nghiên cứu nói riêng, đối chiếu với thực tiễn khai thác, sử dụng chúng cho các mục tiêu phát triển kinh tế – xã hội của huyện.
 - + Hiện trạng và xu thế diễn biến chất lượng môi trường đất, nước, không khí và đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh trong những năm qua.
 - + Hiện trạng các nguồn gây ô nhiễm trên diện rộng và trong phạm vi nghiên cứu quy hoạch;
 - + Dự báo diễn biến môi trường đến năm 2030 và những năm tiếp theo đến năm 2050 dưới các sức ép của của gia tăng dân số và phát triển kinh tế- xã hội theo các chiến lược, quy hoạch đã được duyệt;
 - + Nhận diện các vấn đề môi trường chính liên quan đến quy hoạch
- Sau khi xem xét, tìm hiểu và tham khảo các báo cáo hiện trạng môi trường cho thấy các vấn đề môi trường chính cần quan tâm được nhận diện là:
 1. Suy giảm đa dạng sinh học và vấn đề về biến đổi khí hậu.
 2. Các vấn đề về môi trường kinh tế - xã hội.
 3. Suy giảm trữ lượng và chất lượng nước mặt;
 4. Suy thoái chất lượng đất.



5. Suy giảm chất lượng không khí, tiếng ồn.

9.4 Các vấn đề môi trường chính liên quan đến quy hoạch

Bảng: các vấn đề môi trường chính của đồ án

Stt	Các vấn đề về môi trường	Các yếu tố ảnh hưởng
I Môi trường tự nhiên		
1	Môi trường đất	Diện tích đất canh tác giảm do chuyển đổi mục đích sử dụng đất từ nông nghiệp sang phi nông nghiệp: xây dựng khu vực phát triển đô thị, phát triển hệ thống giao thông, hạ tầng kỹ thuật... Gia tăng sử dụng phân bón và hóa chất bảo vệ thực vật do quá trình thâm canh, tăng vụ gây ô nhiễm môi trường đất. Ô nhiễm đất do chất thải rắn không được thu gom và xử lý. Chuyển đổi cây trồng có thể không thích nghi với đất trồng lúa.
2	Môi trường không khí	Gia tăng phát thải khí nhà kính do quá trình đun nấu bằng nhiên liệu hóa thạch hoặc do đốt các phụ phẩm nông nghiệp và do phát triển hạ tầng phục vụ phát triển nông nghiệp công nghệ cao. Ô nhiễm không khí và tiếng ồn tại các nút giao thông quan trọng;
3	Môi trường nước	Nguy cơ ô nhiễm nước mặt và nước ngầm do nước thải sinh hoạt. Phát tán hóa chất bảo vệ thực vật vào môi trường nước Chất lượng và trữ lượng nước ngầm không đủ đáp ứng nhu cầu sử dụng nước sạch.
4	Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu	Nguy cơ suy giảm hoặc biến mất diện tích đất nông nghiệp. Sự biến động về nhiệt độ và lượng mưa gây ảnh hưởng trực tiếp đến sản xuất nông nghiệp. Nguy cơ phá vỡ kết cấu hạ tầng phục vụ cho sự phát triển đô thị
II Môi trường kinh tế- xã hội		
1	Lao động việc làm	Tăng nhu cầu về lao động có trình độ kỹ thuật cao. Chuyển dịch cơ cấu lao động từ nông nghiệp sang công nghiệp và dịch vụ. Lao động phổ thông dư thừa;
2	Phát triển kinh tế	Kinh tế phát triển hơn do chuyển đổi từ sản xuất nông nghiệp sang công nghiệp và dịch vụ. Tiềm năng phát triển công nghiệp logistic và nông nghiệp công nghệ cao thân thiện với môi trường.
3	Tôn giáo- tín ngưỡng	Khoanh vùng bảo tồn và phát huy giá trị các công trình tôn giáo và tín ngưỡng của địa phương.
4	Chất lượng cuộc sống	Nâng cao chất lượng cuộc sống của cư dân địa phương. Nguy cơ bất ổn định về an ninh trật tự xã hội

9.5 Các mục tiêu môi trường của đồ án

9.5.1 Giảm thiểu ô nhiễm đất

- Phân loại CTR tại nguồn, thu gom, xử lý triệt để theo định hướng quy hoạch.
- Đẩy mạnh ứng dụng CNC, công nghệ tiên tiến để sản xuất các sản phẩm nông nghiệp có năng suất cao, chất lượng tốt, an toàn và có sức cạnh tranh cao;



9.5.2 Giảm thiểu ô nhiễm không khí, tiếng ồn

- Thiết lập hành lang xanh, vùng đệm dọc sông, kênh, mương.
- Đảm bảo mật độ cây xanh, mặt nước theo quy định, tạo lập cân bằng sinh thái, điều hòa vi khí hậu, giảm nhẹ ô nhiễm không khí, tiếng ồn.
- Dành quỹ đất hợp lý để phát triển hạ tầng giao thông đô thị.
- Kiểm soát khí thải từ phương tiện giao thông.

9.5.3 Cải thiện chất lượng nước

- Nghiêm cấm san lấp hồ hiện có; cải tạo, nạo vét, khơi thông mặt nước, tận dụng tối đa các khu vực trũng để thoát nước tự nhiên.
- Giảm dần khối lượng khai thác nước ngầm.
- Sử dụng hệ thống thoát nước nửa riêng, xử lý nước thải trong điều kiện tự nhiên.
- Kiểm soát được tình hình ô nhiễm nguồn nước. Chấm dứt việc sử dụng các loại hóa chất độc hại trong sản xuất nông nghiệp gây ô nhiễm nguồn nước và làm suy giảm đa dạng sinh học.

9.6 Đánh giá các tác động đến môi trường

9.6.1 Dự báo tác động chung đối với môi trường trong quá trình thực hiện quy hoạch

- Đánh giá sự phù hợp giữa các quan điểm, mục tiêu của quy hoạch vùng huyện và các quan điểm, mục tiêu về bảo vệ môi trường: Tác động tích cực và tiêu cực đến môi trường của đồ án quy hoạch được phân theo 3 phân vùng chính và được trình bày trong bảng sau:

Bảng: Dự báo tác động của quy hoạch đối với các vấn đề môi trường

Các định hướng ưu tiên	Các tác động tích cực và tiêu cực	Thách thức đối với môi trường
Phân vùng I: Vùng phát triển Đô thị	<p><i>* Về môi trường:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tính toàn vẹn của vùng sinh thái đô thị bị ảnh hưởng; - Các giá trị cảnh quan, sinh học và lịch sử bị tác động; - Ô nhiễm môi trường do hoạt động sx công nghiệp. <p><i>* Về mặt xã hội:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tạo cơ hội việc làm cho lao động địa phương; - Ảnh hưởng đến an ninh trật tự khi có lao động từ nơi khác đến; - Tạo điều kiện phát triển hạ tầng xã hội, dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe cộng đồng. <p><i>* Về kinh tế:</i></p>	<p>Hoạt động sx công nghiệp trong khu vực nếu không được kiểm soát chặt chẽ sẽ gây ra ảnh hưởng đến môi trường;</p> <p>Cảnh quan khu vực có thể bị phá vỡ do hoạt động công nghiệp;</p> <p>Ảnh hưởng đến giá trị bảo tồn đa dạng sinh học của khu vực.</p>

	- Tạo điều kiện phát triển kinh tế, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân	
Phân vùng II: Vùng phát triển nông nghiệp	<p><i>* Về môi trường:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Bảo vệ tính toàn vẹn của hệ sinh thái nông nghiệp; - Ảnh hưởng đến môi trường nước và đất do chất độc hại có trong thuốc BVTV; - Chất lượng không khí bị ô nhiễm do hoạt động chế biến nông sản; - Các giá trị cảnh quan, lịch sử và đa dạng sinh học của khu vực không bị tác động. <p><i>* Về mặt xã hội:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Bảo tồn nghề truyền thống của người dân địa phương; - Không ảnh hưởng đến công việc của lao động địa phương. <p><i>* Về kinh tế:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Phát triển kinh tế lâu dài và bền vững trong vùng. 	Bảo vệ và phát triển vùng chuyên canh lúa, màu, hoa chất lượng cao góp phần hạn chế ảnh hưởng đến hệ sinh thái nông nghiệp; Cảnh quan của khu vực có thể bị phá vỡ do hoạt động sản xuất công nghiệp thiếu kiểm soát
Phân vùng III: Vùng phát triển công nghiệp	<p><i>* Về môi trường:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Ô nhiễm môi trường do hoạt động sx công nghiệp. <p><i>* Về mặt xã hội:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tạo cơ hội việc làm cho lao động địa phương; - Ảnh hưởng đến an ninh trật tự khi có lao động từ nơi khác đến; - Tạo điều kiện phát triển hạ tầng xã hội, dịch vụ y tế, chăm sóc sức khoẻ cộng đồng <p><i>* Về kinh tế:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tạo điều kiện phát triển kinh tế, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân. 	Hệ động thực vật trong vùng có điều kiện phát triển và bảo tồn tốt giống loài.

Bảng: Đánh giá sự thống nhất giữa các mục tiêu, định hướng quy hoạch với các mục tiêu môi trường

Mục tiêu quy hoạch	Mục tiêu môi trường
Phát triển về công nghiệp, thương mại dịch vụ, giáo dục đào tạo đa dạng	Phát triển công nghiệp sạch phù hợp với mục tiêu môi trường; <ul style="list-style-type: none"> - Cần áp dụng các giải pháp kỹ thuật giảm thiểu ô nhiễm môi trường từ các khu cụm công nghiệp, làng nghề...như: lắp đặt các trang thiết bị hạn chế bụi, mùi, tiếng ồn, hệ thống thu gom và xử lý nước thải, chất thải rắn, chất thải nguy hại...
Phát triển đô thị gắn với sinh thái, văn hoá, lịch sử.	Phù hợp với các mục tiêu môi trường; <ul style="list-style-type: none"> - Bảo tồn được kho tàng có giá trị về văn hoá- lịch sử truyền thống của khu vực; - Phát triển đô thị vừa góp phần phát triển kinh tế địa phương, vừa nâng cao đời sống của nhân dân.
Phát triển đồng bộ về hạ tầng cơ sở, hạ tầng xã hội, hội nhập với sự phát triển chung của tỉnh	Phù hợp với mục tiêu môi trường; <ul style="list-style-type: none"> - Giảm thiểu ô nhiễm môi trường đặc biệt là nước thải và chất thải rắn không được thu gom và xử lý; - Nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân địa phương; - Trong giai đoạn thi công xây dựng nhất thiết sẽ phát sinh những

	tác động tiêu cực đến môi trường. Tuy nhiên, những tác động đó chỉ là tạm thời và có thể khắc phục được bằng các giải pháp kỹ thuật;
Môi trường sống thân thiện, hướng tới cảnh quan sinh thái tự nhiên, bền vững với môi trường	Phù hợp với mục tiêu môi trường; - Bảo tồn hệ sinh thái trong khu vực đồng nghĩa với việc bảo tồn, tôn tạo cảnh quan tự nhiên của khu vực; - Tạo điều kiện thuận lợi cho quản lý môi trường khu vực
Đi đầu về kỹ thuật sản xuất nông nghiệp chất lượng cao	Phù hợp với mục tiêu môi trường; - Bảo tồn được nghề truyền thống của khu vực; - Phát triển nông nghiệp bền vững, đi đôi với phát triển kinh tế do nông nghiệp mang lại;

9.6.2 Diễn biến tác động môi trường do đô thị hoá

- Trong tương lai huyện Gia Lộc sẽ hình thành đô thị, các trung tâm thương mại và Khu, cụm công nghiệp; chính việc phát triển đô thị này sẽ gây ra những ảnh hưởng đáng kể đến môi trường và tài nguyên thiên nhiên, đến sự cân bằng sinh thái.

- Tài nguyên thiên nhiên bị khai thác để phát triển đô thị làm giảm diện tích cây xanh, mặt nước, làm giảm đa dạng sinh học. Do đô thị phát triển nhanh nên những khu, cụm công nghiệp nay sẽ nằm xen kẽ vào những khu dân cư gây ô nhiễm môi trường sống khu vực xung quanh.

- Quá trình hình thành, xây dựng các đô thị mới, các cụm công nghiệp, các trung tâm thương mại sẽ làm tăng quá trình di dân tự do đến các đô thị tạo nên một sức ép lên vấn đề nhà ở, giao thông, hạ tầng xã hội, vấn đề về vệ sinh môi trường, tác động xấu đến sự phát triển và tốc độ tăng trưởng đô thị.

- Việc sử dụng đất nông nghiệp vào xây dựng đô thị, các khu công nghiệp đang gây ra nguy cơ về vấn đề an toàn lương thực, thực phẩm và ảnh hưởng đến đời sống của người dân nông thôn, đồng thời việc xây dựng các công trình đô thị phát sinh ra các nguồn thải rắn, nước thải... Đây là các tác động gây ô nhiễm môi trường nước, môi trường đất và không khí như bụi vật liệu xây dựng, các chất thải trong xây dựng, dầu cặn thải, khí thải động cơ...

- Bên cạnh đó cùng phát sinh các tai nạn lao động và các tệ nạn xã hội ảnh hưởng tới tình hình an ninh, trật tự xã hội của khu vực.

- Việc phát triển đô thị tạo nên sức ép đối với nhu cầu về cấp nước sinh hoạt, dịch vụ và sản xuất dẫn đến suy thoái nguồn tài nguyên nước;

Bảng: Đánh giá tác động môi trường do quá trình đô thị hoá và phát triển kinh tế

Các hoạt động	Các thành phần môi trường chịu tác động								Tổng
	Môi trường nước	Môi trường không khí	Chất thải rắn	Hệ sinh thái	Vấn đề lương thực thực phẩm	Sức ép về nhà ở	Gia tăng dân số đô thị	Giao thông đô thị	

Xây dựng các khu đô thị mới, các cụm công nghiệp	2	2		3	3	0	2	1	15
Hoạt động của các Khu, cụm CN	3	3		3	1	0	2	2	17
Lấy đất nông nghiệp, lâm nghiệp để xây dựng và phát triển đô thị	0	0	0	2	3	0	3	2	10
Xây dựng và phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng	1	1		2	0	0	0	2	7
Việc gia tăng các phương tiện giao thông cơ giới	0	3		2	0	0	0	3	8
Quá trình di dân tự do từ các vùng nông thôn ra thành thị	3	3		1	2	3	3	2	20
Nhu cầu về cấp nước sinh hoạt, dịch vụ và sản xuất	3	1		1	0	0	0	0	6
Các Khu, cụm CN nằm xen kẽ với khu dân cư do tốc độ phát triển đô thị quá nhanh	3	3		2	0	0	0	0	11
Tổng	15	16	13	16	9	3	10	12	

Trọng số: (0): Tác động không đáng kể; (1): Tác động nhẹ; (2): Tác động trung bình; (3): Tác động nghiêm trọng;

9.7 Các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu cải thiện các vấn đề môi trường trong đồ án quy hoạch

9.7.1 Đối với môi trường nước

- Các khu vực đô thị mới: xây dựng cần đầu tư hệ thống xử lý nước riêng của từng khu, hoặc hệ thống bể tự hoại qui mô nhỏ trước khi thải vào hệ thống thoát nước và xử lý nước chung của đô thị

- Khu vực nông thôn: đầu tư xây bể tự hoại xử lý cục bộ nước thải rồi thoát ra hệ thống thoát nước chung

- Các cụm công nghiệp phải thường xuyên kiểm soát môi trường định kỳ, nhằm cảnh báo và nhắc nhở các cơ sở chú ý duy tu, bảo dưỡng hệ thống xử lý khí thải, bụi và nếu cần. Khuyến khích và bắt buộc các nhà máy và xí nghiệp đầu tư công nghệ sản xuất mới, áp dụng công nghệ tiên tiến sản xuất sạch hơn. Sử dụng

công nghệ sản xuất có khả năng giảm thiểu chất thải bao gồm: Thay thế nguyên, nhiên liệu đầu vào: Các nguyên, nhiên liệu chứa nhiều chất độc hại được thay thế bằng nguyên liệu, nhiên liệu không độc hoặc ít chất độc hơn (thay thế than đá, dầu đốt bằng khí đốt). Thay đổi công nghệ sản xuất: Công nghệ sản xuất phát sinh nhiều chất thải độc hại cần được nghiên cứu thay thế, lựa chọn các công nghệ phát sinh ít chất thải hơn. Ví dụ sử dụng các phương pháp sản xuất không sinh bụi hoặc thay thế phương pháp gia công khô phát sinh nhiều bụi bằng phương pháp gia công ướt phát sinh ít bụi hơn. Sử dụng chu trình sản xuất khép kín: Sử dụng tuần hoàn toàn bộ hoặc một phần chất thải làm nguyên liệu đầu vào cho quá trình sản xuất.

- Đối với nước thải y tế và công nghiệp: xử lý 100% tại nguồn và trách nhiệm thuộc đơn vị phát thải.

- Đối với làng nghề: Tiến hành quy hoạch các làng nghề, cụm nghề sản xuất tập trung nhằm di dời các cơ sở sản xuất bị ô nhiễm ra khỏi khu vực dân cư.

- Đối với nước thải sinh hoạt: trước mắt tập trung tuyên truyền, vận động, nâng cao nhận thức cho các cơ quan, đơn vị, hộ dân xử lý sơ bộ tại nguồn bằng các chế phẩm vi sinh trước khi xả nước thải ra môi trường.

9.7.2 Đối với môi trường đất

- Việc chuyển đổi đất đai giữa các mục đích nhằm đem lại hiệu quả kinh tế cao hơn là tất yếu xảy ra. Song trên địa bàn cụ thể khi có nhu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất nông nghiệp sang các mục đích khác cần phải cẩn nhắc thận trọng. Việc quản lý các hoạt động xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật cần đảm bảo diện tích cây xanh đô thị.

- Việc sử dụng hợp lý phân bón, hóa chất bảo vệ thực vật và kích thích sinh trưởng. Ngoài ra việc canh tác hợp lý, chuyển dịch cơ cấu cây trồng phù hợp trên các vùng sinh thái tránh tình trạng thoái hóa, bạc màu và rửa trôi đất.

9.7.3 Đối với môi trường không khí

- Xử lý ô nhiễm không khí do hoạt động sinh hoạt: giảm thiểu nguồn ô nhiễm không khí do hoạt động sinh hoạt là khuyến khích dùng khí tự nhiên (gas) hay dùng điện để sinh hoạt thay cho than tổ ong và dầu hỏa như trước kia.

- Xử lý ô nhiễm không khí do hoạt động giao thông đô thị: Các tuyến đường có mật độ phương tiện cao, nên bố trí trồng cây xanh bên đường nhằm giảm thiểu ô nhiễm bụi và tiếng ồn tại các khu công nghiệp, tăng cường sử dụng các phương tiện ít gây ô nhiễm, rửa đường thường xuyên để giảm bụi, cải thiện chất lượng mặt đường...

- Thực hiện việc quan trắc chất lượng không khí toàn huyện. Tập trung quan trắc xác định những khu ô nhiễm trọng điểm để từ đó đưa ra những biện pháp khắc phục.

- Tăng cường kiểm tra, có biện pháp hạn chế bụi xây dựng tại các công trình và phương tiện vận chuyển vật liệu, phế thải xây dựng. 100% các công trình xây

dụng phải được che chắn và áp dụng các biện pháp giảm bụi. Vật liệu xây dựng, đất thải, phế thải phải được vận chuyển bằng các phương tiện chuyên dụng đảm bảo không rơi văng ra đường;

9.7.4 Đối với chất thải rắn

- Việc thu gom chất thải rắn thông thường được thực hiện tốt nhất ở các cấp chính quyền xã, thị trấn nhưng việc xử lý chất thải rắn được tổ chức tốt nhất trên một cơ sở thống nhất toàn huyện về tổng thể. Phân bổ trách nhiệm trong các khía cạnh khác nhau của dịch vụ quản lý chất thải rắn có thể được chi tiết hóa trong hoạt động thu gom và xử lý chất thải rắn. Hoạt động thu gom chất thải rắn thành công và bền vững đòi hỏi phải có sự hợp tác và liên hệ mật thiết giữa những người giám sát, quản lý có trách nhiệm và chính quyền địa phương. Hoạt động thu gom rác thải phải là trách nhiệm của cơ quan hành chính cấp xã, thị trấn.

- Chất thải rắn cần phân loại ngay tại nguồn, quy hoạch thu gom và xử lý triệt để, tránh ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường.

- Nhân rộng mô hình xã hội hóa trong công tác thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt, đặc biệt là tại các xã. Kinh phí thu gom và vận chuyển chất thải rắn sẽ do huyện tự cân đối và điều tiết.

- Xác định công nghệ xử lý chất thải rắn phù hợp với điều kiện địa phương. Trong giai đoạn hiện nay áp dụng kết hợp 3 loại: Công nghệ xử lý tiên tiến trên thế giới, chôn lấp hợp vệ sinh theo tiêu chuẩn Việt Nam và chôn lấp thủ công. Công nghệ xử lý chất thải rắn y tế và công nghệ nguy hại; thực hiện kết hợp nhiều quy trình công nghệ khác nhau: đốt, chôn lấp hợp vệ sinh và các công nghệ phụ trợ khác.

- Ủy ban nhân dân huyện sẽ là đơn vị quản lý các bãi chôn lấp chất thải rắn của địa phương; các xã xác định điểm chôn lấp tập trung nhỏ lẻ, tạm thời.

- Việc thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt giao cho các xã quản lý và chủ động thực hiện theo phương thức xã hội hóa, phù hợp với đặc thù của địa phương huyện, về lâu dài được đảm bảo từ nguồn phí vệ sinh.

9.7.5 Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường, công tác bảo vệ môi trường

a. Thực hiện xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường

- Thực hiện xã hội hóa các dịch vụ môi trường như thu gom, vận chuyển rác thải. Ngoài các công ty xí nghiệp môi trường tham gia công tác bảo vệ môi trường. Tại một số xã đã thành lập khu tự quản, tổ tự quản trong việc giữ gìn vệ sinh trong khu vực cư trú. Phát động các phong trào vệ sinh đường làng ngõ xóm, cam kết vệ sinh môi trường, phong trào tình nguyện, hay tổ chức các ngày kết vệ sinh môi trường với sự tham gia của toàn thể các hộ gia đình trong khu vực.

b. Tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức cộng đồng trong vấn đề bảo vệ môi trường



- Phối hợp với các tổ chức chính trị- xã hội để triển khai các hoạt động bảo vệ môi trường, tổ chức tập huấn, đưa quản lý môi trường về cơ sở cấp xã. Huy động sự tham gia của các cấp chính quyền cơ sở, các tổ chức chính trị- xã hội, các tầng lớp nhân dân, công nhân lao động, và học sinh trong công tác bảo vệ môi trường của huyện. Thực hiện các tuyên truyền về bảo vệ môi trường phối hợp với UBND các xã đẩy mạnh tuyên truyền trên hệ thống loa truyền thanh của thị trấn, xã. Tổ chức các sự kiện hưởng ứng ngày môi trường thế giới, hưởng ứng ngày làm cho thế giới sạch hơn, tuần lễ quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường.

c. Nâng cao kỹ năng lồng ghép vấn đề môi trường với phát triển kinh tế xã hội

- Biện pháp hữu hiệu và hiệu quả nhất là mở các lớp tập huấn, các khóa đào tạo bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ trực tiếp thực hiện nhiệm vụ xây dựng quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án đầu tư, kiểm tra giám sát việc gắn kết vấn đề môi trường vào các quyết định đầu tư. Mặt khác cần tăng cường năng lực của cơ quan quản lý môi trường, trong việc chuẩn bị các kế hoạch phát triển theo khung giám sát môi trường và pháp luật.

d. Tăng cường công tác quản lý và bảo vệ môi trường

- Kiện toàn hệ thống quản lý nhà nước về môi trường từ cấp huyện đến cấp xã, thị trấn. Tập huấn, đào tạo, hướng dẫn kiến thức cơ bản về quản lý môi trường cho cán bộ, công chức cấp huyện, thị trấn, thị xã.

- Bố trí đủ cán bộ làm công tác môi trường tại các huyện, thị xã theo Nghị định 81/2007/NĐ-CP ngày 23/5/2007 của Chính phủ về Quy định tổ chức bộ phận chuyên môn về bảo vệ môi trường tại các cơ quan nhà nước và doanh nghiệp nhà nước.

- Áp dụng các chính sách, cơ chế hỗ trợ về vốn, khuyến khích về thuế, trợ giá đối với hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn, xử lý nước thải.

e. Giám sát chất lượng nước nguồn

- Chương trình giám sát chất lượng nước nguồn được tiến hành với việc lấy mẫu và xét nghiệm các chỉ tiêu chọn lọc: 01 điểm đầu vào hệ thống nước cấp (pH, BOD₅, COD, SS, Coliform). Các số liệu trên sẽ được cập nhật hoá, đánh giá và ghi nhận kết quả thường xuyên. Nếu phát hiện thấy có sự dao động lớn hoặc gia tăng về mặt nồng độ các chỉ tiêu ô nhiễm phải có biện pháp xử lý thích hợp kịp thời.

(05 điểm quan trắc định kỳ: 05 điểm quan trắc nước mặt)

Vị trí quan trắc	Kí hiệu	Thông số quan trắc
Sông Đình Đào tại cầu Tràng Thưa, xã Đoàn Thượng	N55	Lưu lượng, pH, nhiệt độ, độ đục, DO, TSS, NHN, NO ₃ ⁻ -N, NO ₂ ⁻ -N, PO ₄ ³⁻ P, Cl ⁻ , F, COD, BOD ₅ , As, Cd, Hg, Pb, Cu, Zn, Cr (IV), tổng dầu, mỡ, chất hoạt động bề mặt, Coliform, E.coli
Sông cầu Bình, tại cầu Bình, xã Gia Khánh	N56	Lưu lượng, pH, nhiệt độ, độ đục, DO, TSS, NHN, NO ₃ ⁻ -N, NO ₂ ⁻ -N, PO ₄ ³⁻ P, Cl ⁻ , F, COD, BOD ₅ , As, Cd, Hg, Pb, Cu,

		Zn, Cr (IV), tổng dầu, mỡ, chất hoạt động bề mặt, Coliform, E.coli
Kênh Thạch Khê- Đoàn Thượng tại cầu Gõ, thị trấn Gia Lộc	N57	Lưu lượng, pH, nhiệt độ, độ đục, DO, TSS, NHN, NO ₃ ⁻ -N, NO ₂ ⁻ -N, PO ₄ ³⁻ P, Cl ⁻ , F, COD, BOD ₅ , As, Cd, Hg, Pb, Cu, Zn, Cr (IV), tổng dầu, mỡ, chất hoạt động bề mặt, Coliform, E.coli
Kênh Thạch Khê- Đoàn Thượng trước khi chảy vào sông Đình Đào tại xã Đoàn Thượng	N58	Lưu lượng, pH, nhiệt độ, độ đục, DO, TSS, NHN, NO ₃ ⁻ -N, NO ₂ ⁻ -N, PO ₄ ³⁻ P, Cl ⁻ , F, COD, BOD ₅ , As, Cd, Hg, Pb, Cu, Zn, Cr (IV), tổng dầu, mỡ, chất hoạt động bề mặt, Coliform, E.coli
Mương tiếp nhận nước thải của KCN Hoàng Diệu, xã HoàngDiệu	N59	Lưu lượng, pH, nhiệt độ, độ đục, DO, TSS, NHN, NO ₃ ⁻ -N, NO ₂ ⁻ -N, PO ₄ ³⁻ P, Cl ⁻ , F, COD, BOD ₅ , As, Cd, Hg, Pb, Cu, Zn, Cr (IV), tổng dầu, mỡ, chất hoạt động bề mặt, Coliform, E.coli

f. Giám sát chất lượng nước sau khi xử lý

- Giám sát chất lượng nước sau khi xử lý được thực hiện nhằm đảm bảo kiểm tra chất lượng nguồn nước an toàn, cung cấp cho sản xuất và sinh hoạt. Các chỉ tiêu giám sát thông thường cần được tiến hành hàng ngày tại phòng thí nghiệm của nhà máy. Các mẫu phân tích toàn phần sẽ được thực hiện hàng tháng để so sánh với tiêu chuẩn nước sinh hoạt của Bộ xây dựng.

- Các số liệu trên sẽ được cập nhật hoá, đánh giá và ghi nhận kết quả thường xuyên. Nếu phát hiện thấy có sự dao động lớn hoặc gia tăng về mặt nồng độ các chỉ tiêu ô nhiễm, nhân viên giám sát sẽ báo ngay cho các cấp có thẩm quyền để có biện pháp xử lý thích hợp kịp thời.

- Tần suất giám sát: 4 lần/năm đối với điểm giám sát.

- Vị trí lấy mẫu: 01 điểm đầu ra khỏi hệ thống xử lý nước cấp (pH, BOD₅, COD, SS, Coliorm), trước đầu vào bể chứa nước trước khi qua trạm bơm cấp II.

Bảng: Các chỉ tiêu cần phân tích nước sau xử lý

Chỉ tiêu	Đơn giá (1000 đồng)	Số mẫu/năm
pH	15	1 x 4
SS	30	1 x 4
BOD ₅	70	1 x 4
COD	70	1 x 4
Fe	80	1 x 4
Mn	80	1 x 4
Tổng N	80	1 x 4
Coliorm	70	1 x 4

g. Giám sát chất lượng nước thải sinh hoạt sau xử lý

- Các số liệu trên sẽ được cập nhật hoá, đánh giá và ghi nhận kết quả thường xuyên. Nếu phát hiện thấy có sự dao động lớn hoặc gia tăng về mặt nồng độ các chỉ tiêu ô nhiễm, phải có biện pháp xử lý thích hợp kịp thời.



- Tần suất giám sát: 4 lần/năm đối với điểm giám sát.
- Vị trí lấy mẫu: 01 điểm đầu ra khỏi hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt (pH, BOD₅, COD, SS, tổng N, tổng P, Coliorm).
- Dự trù kinh phí thực hiện chương trình giám sát môi trường (Tính cho 1 năm thực hiện giám sát).
- Kinh phí giám sát chất lượng nước thải: (tính cho tần suất giám sát 4 lần/năm).

Bảng: Các chỉ tiêu cần phân tích nước sau xử lý

Chỉ tiêu	Đơn giá (1000 đồng)	Số mẫu/năm
pH	15	1 x 4
SS	30	1 x 4
BOD ₅	70	1 x 4
COD	70	1 x 4
Tổng N	50	1 x 4
Tổng Phospho	50	1 x 4
Coliorm	70	1 x 4

h. Giám sát chất lượng không khí

- Chương trình giám sát định kỳ chất lượng môi trường không khí sẽ được thực hiện nhằm đảm bảo các hoạt động quy hoạch không làm ảnh hưởng đáng kể đến môi trường không khí trong và ngoài khu vực.
- Trong giai đoạn này, nguồn ô nhiễm chính cho môi trường không khí là tiếng ồn, độ rung, và bụi. Vì vậy các thông số này sẽ được giám sát định kỳ.
- Vị trí quan trắc: Giám sát chất lượng môi trường không khí được tiến hành với tất cả các nguồn thải trong khu vực, vị trí quan trắc cố định được lấy ở những điểm nhạy cảm của khu vực. Vị trí giám sát lấy mẫu thể hiện trên bản vẽ. Do hướng gió thay đổi trong năm do đó cần thay đổi vị trí lấy mẫu giám sát cho phù hợp.
- Tần suất giám sát: Thực hiện giám sát trong suốt quá trình quy hoạch.

(06 điểm quan trắc định kỳ: 01 trạm quan trắc tự động)		
Vị trí quan trắc	Kí hiệu	Thông số quan trắc
Đường 37, tại ngã 3 thị trấn Gia Lộc	K51	Nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió, mức ồn trung bình (LAeq), mức ồn cực đại (LAm _{ax}), tổng bụi lơ lửng (TSP), CO, SO ₂ , NO ₂ , O ₃ , Hydrocacbon (CnHm)
Đường 5B giao đường 38B tại Gia Lộc	K52	Nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió, mức ồn trung bình (LAeq), mức ồn cực đại (LAm _{ax}), tổng bụi lơ lửng (TSP), CO, SO ₂ , NO ₂ , O ₃ , Hydrocacbon (CnHm)
Làng nghề bún Đông Cạn, xã Tân Tiến	K53	Nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió, mức ồn trung bình (LAeq), mức ồn cực đại (LAm _{ax}), tổng bụi lơ lửng (TSP), CO, SO ₂ , NO ₂ , O ₃
Làng nghề Văn Lâm, xã Hoàng Diệu	K54	Nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió, mức ồn trung bình (LAeq), mức ồn cực đại (LAm _{ax}), tổng bụi lơ lửng (TSP), CO, SO ₂ , NO ₂ , O ₃ , Benzen, Ethylbenzen, Toluene, Xylen

Khu dân cư Buộm, xã Hồng Hưng	K55	Nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió, mức ồn trung bình (LAeq), mức ồn cực đại (LAmax), tổng bụi lơ lửng (TSP), CO, SO ₂ , NO ₂ , O ₃ , NH ₃ , H ₂ S, HF
Giao đường 38B và đường 392 tại Trạm Bóng, xã Quang Minh	K56	Nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió, mức ồn trung bình (LAeq), mức ồn cực đại (LAmax), tổng bụi lơ lửng (TSP), CO, SO ₂ , NO ₂ , O ₃ , Hydrocacbon (CnHm)
Trạm quan trắc tự động môi trường không khí xung quanh tại TT. Gia Lộc (trạm Gia Lộc)	Ktd12	Định kỳ: Nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió, mức ồn trung bình (LAeq), mức ồn cực đại (LAmax), tổng bụi lơ lửng (TSP), CO, SO ₂ , NO ₂ , O ₃ (quan trắc định kỳ thực hiện cho đến khi trạm quan trắc tự động hoạt động) Tự động: Nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió, hướng gió, lượng mưa, áp suất khí quyển, bức xạ nhiệt, CO, SO ₂ , NO ₂ , O ₃ , tổng bụi lơ lửng (TSP), bụi PM ₁₀ , bụi PM _{2.5} , PM _{1.0} , Benzen, Ethylbenzen, Toluene, Xylen

- Vị trí quan trắc di động: đối với các thông số dễ thu thập như: tiếng ồn, độ rung thì phải tiến hành đo hàng tháng.

- Thời gian giám sát: Tiến hành giám sát định kỳ trong suốt giai đoạn xây dựng. Đối với chỉ tiêu có thể phát hiện nhanh như tiếng ồn thì có thể theo dõi hàng ngày. Các chỉ tiêu còn lại có thể đo đạc 4 lần/năm, 1 lần vào mùa khô và 1 lần vào mùa mưa.

- Các thông số giám sát: Các thông số giám sát chất lượng môi trường không khí trong khu vực dự án bao gồm: Điều kiện khí tượng thủy văn; Nồng độ các chất khí: CO, CO₂, NO_x, NH₃, H₂S, THC; Chất hạt: bụi; Kim loại nặng: Pb; Vi sinh vật : tổng vi sinh vật, nấm mốc; Tiếng ồn, độ rung...

i. Giám sát chất thải rắn

- Chất thải rắn sinh hoạt: thu gom hàng ngày và được thải bỏ theo quy định của chất thải rắn sinh hoạt. Tần suất thu gom 1 lần/ngày; CTR công nghiệp được thu gom và xử lý riêng.

PHẦN X KẾT LUẬN

10.1 Kết luận

Hồ sơ đồ án Điều chỉnh Quy hoạch xây dựng vùng huyện Gia Lộc đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (điều chỉnh lần 2) được lập đã đạt được các mục tiêu đặt ra:

- Cụ thể hóa Quy hoạch tỉnh Hải Dương thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII, Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Gia Lộc lần thứ XXVIII, nhiệm kỳ 2020 – 2025 và Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội huyện Gia Lộc.

- Góp phần phát huy sức mạnh tổng hợp, tiềm năng và lợi thế của địa phương để thúc đẩy kinh tế tăng trưởng nhanh và bền vững; văn hóa- xã hội phát triển lành mạnh; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng cao; quốc phòng, an ninh vững chắc; xây dựng huyện Gia Lộc giàu mạnh, văn minh;

- Đồ án là cơ sở khoa học phục vụ sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương mà trực tiếp là Huyện ủy, UBND huyện Gia Lộc làm căn cứ để triển khai các QH chung đô thị, QH xây dựng nông thôn và các dự án QH chuyên ngành khác, là cơ sở để lập kế hoạch 5 năm, hàng năm, kêu gọi đầu tư của Tỉnh, của Trung ương, của các doanh nghiệp vào huyện.

10.2 Kiến nghị

- Kính đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương sớm phê duyệt đồ án Điều chỉnh Quy hoạch xây dựng vùng huyện Gia Lộc đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (điều chỉnh lần 2) để Ủy ban nhân dân huyện Gia Lộc có căn cứ triển khai các bước tiếp theo nhằm cụ thể hóa quy hoạch được duyệt.

- Sau khi đồ án quy hoạch đã được duyệt, cần tập trung mọi nguồn vốn, nguồn lực để thực hiện các quy hoạch thành phần khác, tạo hiệu quả đầu tư xây dựng theo quy hoạch..., góp phần xây dựng huyện Gia Lộc trong tương lai- giàu đẹp- văn minh.

PHỤ LỤC: CĂN CỨ PHÁP LÝ